

Số : 26.../CBTT-THP.

Đà Nẵng, ngày 03... Tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC
- Trụ sở chính : 02 đường Bùi Quốc Hưng, KCN Dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng , Phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0236.3920920 Fax: 0236.3923308
- Email: info@thuanphuoc.vn
- Sàn giao dịch : UPCOM.
- Mã chứng khoán : THP.
- Người thực hiện công bố thông tin : Bà Nguyễn Thị Phi Anh.
- Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Loại thông tin công bố:
☐ Bất thường; 24h ☐ Yêu cầu ☒ Định kỳ

- Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước công bố Thông báo mời họp và dự thảo tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn : [\(mục Quan hệ cổ đông\)](http://www.thuanphuoc.vn)

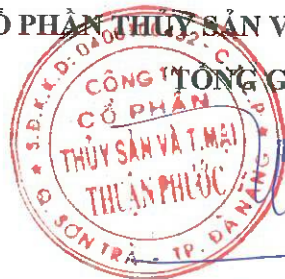
Chúng tôi cam kết các thông tin trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận :

- Như trên;
- HDQT,BKS,TGD;
- CBTT web c.ty;
- Lưu VT.



NGUYỄN THỊ PHI ANH

Tài liệu đính kèm :

- Thông báo mời họp số : 25.../TB-HDQT, ngày 03 tháng 03 năm 2026.
- Dự thảo tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC
THUAN PHUOC SEAFOODS AND TRADING CORPORATION
Địa chỉ : 02 đường Bùi Quốc Hưng, KCN DV Thủy sản Đà Nẵng, P. Sơn Trà, TP Đà Nẵng
Điện thoại (Tel): 0236 3920920 Email : info@thuanphuoc.vn

Số : 25.../TB-HĐQT

Đà Nẵng, ngày 02... Tháng 03 năm 2026

THÔNG BÁO MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Kính gửi : Quý cổ đông Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 và Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước, Hội đồng quản trị Công ty triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước (mã chứng khoán : THP)

Trân trọng kính mời Quý vị Cổ đông đến tham dự Đại hội

1-Thời gian và địa điểm :

- Thời gian : 07giờ 30, ngày 28/03/2026
- Địa điểm : Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước – 02 đường Bùi Quốc Hưng, KCN Dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

2- Thành phần tham dự :

Tất cả các cổ đông của Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 29/01/2026 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp. Trường hợp không tham dự Đại hội, cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự. Việc ủy quyền phải làm bằng văn bản (theo mẫu của Công ty), có chữ ký xác nhận của bên ủy quyền.

3. Nội dung, chương trình Đại hội :

Đại hội sẽ tiến hành xem xét, thông qua những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (theo chương trình làm việc dự kiến gửi kèm)

4. Đăng ký tham dự :

Để thuận tiện cho công tác tổ chức Đại hội, kính đề nghị Quý cổ đông vui lòng gửi phiếu đăng ký/ủy quyền dự họp qua Email : info@thuanphuoc.vn hoặc gửi tới Văn phòng công ty trước 17h00 ngày 27/03/2026 theo địa chỉ sau : Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước, 02 đường Bùi Quốc Hưng, KCN DV Thủy sản Đà Nẵng, Thọ Quang, Sơn Trà, Đà Nẵng hoặc liên hệ Ông Mai Đăng Hải – Trưởng phòng Kế hoạch vật tư, Điện thoại : 0985009684

5. Tài liệu Đại hội :

Quý cổ đông truy cập, tải về tại đường dẫn [https://thuanphuoc.vn/Quan hệ cổ đông](https://thuanphuoc.vn/Quan%20he%20co%20dong), để nhận tài liệu và được cập nhật sửa đổi, bổ sung trước khai mạc đại hội (nếu có).

Trân trọng kính mời ./.

Nơi nhận :
- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu Văn thư



TRẦN VĂN LĨNH



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC
THUAN PHUOC SEAFOODS AND TRADING CORPORATION

Địa chỉ: 02 đường Bùi Quốc Hưng, KCN DV Thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại (Tel): 0236 3920920 Email : info@thuanphuoc.vn



Đà Nẵng, ngày tháng 03 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
(TỔ CHỨC NGÀY 28/03/2026)

Thời gian dự kiến	Nội dung
07h30-08h00	Khai mạc Đại hội - Đăng ký tham dự Đại hội và nhận tài liệu Đại hội
08h00-08h15	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và khai mạc Đại hội
08h15-08h25	- Giới thiệu Chủ tọa, thư ký Đại hội, Ban kiểm phiếu
08h25-08h30	Thông qua Quy chế làm việc Đại hội, Chương trình Đại hội
08h30-09h15	Nội dung Đại hội : - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026
	- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch năm 2026
	- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025
09h15-10h00	Nội dung tờ trình : - Tờ trình về chọn đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2026
	- Tờ trình Báo cáo Tài chính năm 2025 đã kiểm toán.
	- Tờ trình phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2026
	- Tờ trình Thù lao và tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026
	- Tờ trình phê duyệt Phương án tách công ty
	- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ (nếu có)
10h00-10h30	- Thảo luận và Biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình.
10h30-10h45	Nghỉ giải lao.
10h45-11h00	Công bố kết quả biểu quyết
11h00-11h15	Thông qua Biên bản & Nghị quyết đại hội.
11h15-11h30	Bế mạc Đại hội.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ HOẶC ỦY QUYỀN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026**

Kính gửi : Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước

- Họ tên cổ đông/ Tổ chức :.....
- Số CCCD/ Hộ chiếu /GPĐKKD Số:..... Ngày cấp :..... Nơi cấp:.....
- Địa chỉ :
- Điện thoại :
- Tổng số cổ phần sở hữu:.....cổ phần (Bằng chữ :)
(Cổ đông chọn một trong hai mục dưới đây, đánh dấu vào ô thích hợp)

1. Đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 : ☐

2/ Ủy quyền cho bên nhận ủy quyền tham dự Đại hội : ☐

- 2.1. Bên nhận Ủy quyền ông(bà) :**.....
- Số CCCD/ Hộ chiếu /GPĐKKD Số:..... Ngày cấp :..... Nơi cấp:.....
- Địa chỉ :
- Điện thoại :
- Số lượng cổ phần nhận ủy quyền :.....cổ phần(Bằng chữ :.....)

2.2. Hoặc ủy quyền cho một trong các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty có tên dưới đây :

STT	Họ Tên	Chức danh	Đánh dấu chọn (x)	Số cổ phần ủy quyền
1	Trần Văn Lĩnh	Chủ tịch HĐQT		
2	Nguyễn Thị Phi Anh	Thành viên HĐQT		
3	Dương Thị Tuyết Hằng	Thành viên HĐQT		
4	Lê Thị Minh Thảo	Thành viên HĐQT		
5	Lê Thanh Thảo	Thành viên HĐQT		

2.3. Nội dung ủy quyền:

Tham dự Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc nội dung chương trình Đại hội.

Bên ủy quyền xin chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết không đưa ra bất cứ một khiếu nại, khiếu kiện gì đối với Công ty và Bên được ủy quyền.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước kết thúc.

.....,Ngày.....tháng.....năm 2026

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

CỔ ĐÔNG(BÊN ỦY QUYỀN)

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)



QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026
CỦA CÔNG TY CP THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị, quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.

Để thực hiện theo chương trình kế hoạch và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Ban tổ chức Đại hội dự thảo Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước như sau :

Điều 1. Mục đích :

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty diễn ra đúng quy định.
- Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi :

- **Đối tượng** : Tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng** : Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.

Điều 3. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông :

- Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 4. Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông của Công ty và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 29 /01/2026 đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông;
2. Cổ đông và đại diện theo ủy quyền sau đây được gọi là “Đại biểu” khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội;
3. Trong thời gian diễn ra Đại hội đồng cổ đông, Đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội;
4. Các Đại biểu phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Chủ tọa Đại hội cho phép;
5. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội;

6. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội, điện thoại di động để ở chế độ không đổ chuông.

Điều 5. Đoàn chủ tịch Đại hội :

1. Chủ tịch đoàn : Chủ tịch HĐQT là chủ tọa đại hội.

2. Nhiệm vụ của Chủ tọa đại hội :

- a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại đại hội;
- b. Hướng dẫn các Đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
- c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- f. Chủ tọa thực hiện các quyền và nghĩa vụ như đã quy định trong điều lệ công ty.

3. Nguyên tắc làm việc của Chủ tọa :

Làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 6. Thư ký Đại hội

1. Thư ký đại hội gồm 01 thành viên do Chủ tọa đề cử.

2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký :

- Giúp Chủ tọa đại hội kiểm tra tư cách Đại biểu dự họp (khi cần thiết);
- Hỗ trợ Chủ tọa Đại hội công bố dự thảo kết luận, Nghị quyết của Đại hội và gửi thông báo của Chủ tọa Đại hội đến các Đại biểu khi được yêu cầu;
- Tiếp nhận, rà soát Phiếu thảo luận, các ý kiến của Đại biểu, chuyển Chủ tọa Đại hội quyết định;
- Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được thông qua hoặc còn lưu ý vào biên bản Đại hội;
- Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

Điều 7. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và 02 thành viên do Hội đồng quản trị Công ty chỉ định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

a. Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp : Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội và khách mời xuất trình thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);

b. Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Thẻ biểu quyết; Phiếu biểu quyết; và các tài liệu họp liên quan khác;

c. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc Đại hội;
- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

d. Thực hiện các công việc khác do Ban Tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa phân công.

2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

3. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và phát tài liệu của Đại hội.

Điều 8. Ban kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên do Chủ tọa đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ chuẩn bị hòm phiếu, hướng dẫn cách sử dụng thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu, tính toán và loại trừ các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết (nếu có) cho từng vấn đề biểu quyết.
- Trưởng Ban Kiểm phiếu báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu.
- Ban Kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ.
- Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.
- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản và bàn giao lại toàn bộ phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử, các biên bản kiểm phiếu cho HĐQT ngay sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 9. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;
- Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa nhất trí mới được phát biểu. Mỗi Đại biểu phát biểu không quá 05 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở ý kiến thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận công khai và tiến hành biểu quyết công khai bằng Thẻ biểu quyết hoặc bằng Phiếu biểu quyết.

- Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội. Mỗi đại biểu được cấp 01 Thẻ biểu quyết và 01 Phiếu biểu quyết. Trên thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

- Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ như sau:

+ *Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết*: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề chung của Đại hội trừ các báo cáo và tờ trình tại Đại hội như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; thông qua ban thẩm tra tư cách Đại biểu, Ban kiểm phiếu, Ban thư ký Đại hội; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);

+ Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết : hình thức này được dùng để thông qua các báo cáo, tờ trình Đại hội, được xác định và ghi rõ trong từng phiếu biểu quyết gửi cho mỗi cổ đông.

2. Cách thức biểu quyết :

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết đề *Tán thành*, *Không tán thành* hoặc *Không có ý kiến* một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định.

- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu chéo “X” hoặc “√” vào ô mình chọn.

- Trường hợp Đại biểu hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi việc bỏ Phiếu biểu quyết kết thúc vẫn được đăng ký đại biểu và biểu quyết với những vấn đề phát sinh sau khi Đại biểu đó đăng ký đại biểu nhưng không được phép tham gia biểu quyết những vấn đề đã được bỏ phiếu xong. Trong trường hợp này hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

- Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.

- Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

3. Phiếu biểu quyết hợp lệ:

- Phiếu do Ban tổ chức phát.

- Không có gạch xóa, cạo, sửa chữa, rách nát... không ghi thêm nội dung biểu quyết nào khác. Khi có bổ sung nội dung thì ghi đúng số thứ tự của nội dung cần biểu quyết theo yêu cầu của Ban tổ chức.

- Ký và ghi đầy đủ họ tên của Đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi Đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) tình trạng biểu quyết của nội dung đó. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.

4. Phiếu biểu quyết không hợp lệ :

- Tự ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết.

- Không ký và ghi đầy đủ họ tên của Đại biểu.

- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn của Ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu đỏ của công ty hoặc bị tẩy xóa, cạo, sửa chữa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả các nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

5. Thẻ lệ biểu quyết : theo quy định tại điều 21 của điều lệ công ty)

- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết Tán thành khi có trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Đối với các nội dung sau thì phải được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số Phiếu Biểu quyết của tất cả Đại Biểu dự họp biểu quyết “Tán thành” (theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ công ty); Sửa đổi và bổ sung Điều lệ công ty; Loại cổ phần, và số lượng cổ phần được chào bán; Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; Sáp nhập, tổ chức và giải thể Công ty; Giao dịch mua bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán; Các vấn đề khác do Điều lệ quy định.

Điều 11. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 12. Thi hành Quy chế :

Đại biểu dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Đại biểu vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể, Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế này gồm 12 Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông công ty biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận :
- Các cổ đông;
- Lưu VT

TRẦN VĂN LĨNH

Số : /BC-BGD

Đà Nẵng, ngày tháng 03 năm 2026

(DỰ THẢO)



BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2026

Kính trình : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NĐ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán;

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo trước Đại hội về tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2025 và Phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2026 như sau :

II/ Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025 :

1. Tình hình chung :

Trong năm 2025, tình hình kinh tế – chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp và tiềm ẩn nhiều rủi ro, tác động sâu rộng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Xung đột giữa Nga và Ukraine kéo dài, căng thẳng địa chính trị tại khu vực Trung Đông diễn biến khó lường đã ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu, làm gia tăng chi phí năng lượng, logistics và nguyên vật liệu đầu vào.

Bên cạnh đó, chính sách thuế quan của Hoa Kỳ và một số nền kinh tế lớn tiếp tục được điều chỉnh theo hướng bảo hộ, song song với việc gia tăng các rào cản kỹ thuật, tiêu chuẩn môi trường, xuất xứ..... Những yếu tố này đã tạo áp lực đáng kể lên hoạt động xuất nhập khẩu, làm gia tăng chi phí, thời gian xuất hàng kéo dài và ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường quốc tế.

Trong bối cảnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng và các doanh nghiệp xuất nhập khẩu nói chung chịu nhiều tác động, từ biến động thị trường, chi phí đầu vào, đến rủi ro tỷ giá và nhu cầu tiêu dùng toàn cầu suy giảm..... Trước những thách thức, khó khăn này, Ban lãnh đạo công ty đã chủ động theo dõi sát tình hình, đã đề ra nhiều giải pháp linh hoạt, điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh, tăng cường quản trị rủi ro và tối ưu hóa chi phí nhằm duy trì hoạt động ổn định và từng bước nâng cao năng lực thích ứng trong bối cảnh kinh tế toàn cầu có nhiều biến động. Cho nên năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đã đạt được những kết quả đáng khích lệ.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 :

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Thực hiện 2025/ kế hoạch 2025 (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.600-3.100	3.333,76	128,22
2	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	100-120	128,76	128,76
3	Sản lượng xuất khẩu	Tấn	11.500-12.700	12.314	107,08
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15-20	45,57	303,80
5	Chia cổ tức	%	0 - 03%	3,0	300
6	Thu nhập bình quân người/ tháng (26 ngày công)	đồng	8.500.000	9.500.000	111,76

Có được những kết quả nêu trên là nhờ sự nỗ lực đồng lòng, quyết tâm cao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể người lao động trong Công ty. Trong năm qua, Công ty đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, từ điều chỉnh chính sách thu hút và ổn định nguồn nhân lực; chủ động tháo gỡ khó khăn của thị trường và tình trạng thiếu hụt nguyên liệu, đến việc thực hiện nghiêm các chính sách tiết kiệm, tối ưu chi phí và triển khai các chiến lược kinh doanh phù hợp. Những giải pháp này đã mang lại các kết quả đáng khích lệ trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều biến động, khó khăn và thách thức, qua đó giúp Công ty duy trì được mức tăng trưởng hợp lý, đảm bảo đời sống cho người lao động và hài hòa lợi ích của cổ đông.

II- Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2026:

1/ Nhận định chung :

Năm 2026, Chính trị – kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức phức tạp, khó dự báo. Các cuộc xung đột địa chính trị tại Trung đông, đặc biệt là cuộc chiến giữa Nga và Ukraine vẫn chưa có dấu hiệu chấm dứt, tiếp tục tác động tiêu cực đến an ninh năng lượng, chuỗi cung ứng và thương mại toàn cầu.

Song song đó, xu hướng bảo hộ sản xuất và thương mại tại nhiều quốc gia tiếp tục gia tăng thông qua các chính sách thuế quan, rào cản kỹ thuật, tiêu chuẩn môi trường và yêu cầu tuân thủ ngày càng khắt khe. Nguy cơ xung đột thương mại, cùng với sự bất ổn về kinh tế và tài chính tại các nền kinh tế lớn, dự kiến sẽ tiếp tục ảnh hưởng sâu rộng đến tăng trưởng kinh tế thế giới và hoạt động xuất nhập khẩu.

Trong nước, môi trường sản xuất kinh doanh vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Nguồn nguyên liệu đầu vào ngày càng khan hiếm, mức độ cạnh tranh gia tăng, tình trạng thiếu hụt lao động chưa được cải thiện đáng kể; trong khi đó, chi phí đầu vào của các mặt hàng cung ứng tiếp tục tăng cao, còn giá bán chịu nhiều áp lực và khó điều chỉnh tương ứng. Những yếu tố này đã và đang ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Trên cơ sở các nhận định nêu trên, Ban Tổng Giám đốc đã cân nhắc kỹ lưỡng, thận trọng xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

2/ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 :

- Tổng doanh thu : 1.900 – 2.700 tỷ đồng.
- Kim ngạch xuất khẩu : 70 – 100 triệu USD.
- Sản lượng xuất khẩu : 7.500 – 10.000 tấn sản phẩm.
- Lợi nhuận trước thuế : 05 – 10 tỷ đồng.
- Chia cổ tức : 0 – 03 %.
- Thu nhập bình quân người/tháng (26 ngày công) : 9.500.000 đồng.

Kế hoạch, mục tiêu đặt ra cho năm 2026 là vô cùng khó khăn và đầy thách thức, nhưng với sự đoàn kết của tập thể cán bộ công nhân viên công ty, Quý cổ đông, chúng ta tin chắc rằng công ty sẽ vượt qua mọi khó khăn, thách thức để hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đề ra.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, kính chúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thành công tốt đẹp.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

CÔNG TY CP THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ PHI ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày..... tháng 3 năm 2026



Kính trình : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước;
- Căn cứ nghị quyết số 06/NĐ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước xin được báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và định hướng cho năm 2026.

1/ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2025 :

Năm 2025, doanh nghiệp gặp không ít khó khăn, thách thức do tình hình kinh tế, chính trị trên thế giới có nhiều bất ổn. Nhưng với sự quyết tâm của Ban Tổng giám đốc đã đề ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vừa phải duy trì hoạt động sản xuất liên tục đồng thời đảm bảo thu nhập cho người lao động cho nên các chỉ tiêu đề ra trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đạt được những kết quả đáng khích lệ, cụ thể :

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Thực hiện 2025/ kế hoạch 2025 (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.600-3.100	3.333,76	128,22
2	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	100-120	128,76	128,76
3	Sản lượng xuất khẩu	Tấn	11.500-12.700	12.314,00	107,08
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15-20	45,57	303,80
5	Chia cổ tức	%	0 - 03%	3,0	300
6	Thu nhập bình quân người/ tháng (26 ngày công)	đồng	8.500.000	9.500.000	111,76

2. Các hoạt động chính của Hội đồng quản trị :

Năm 2025 Hội đồng quản trị công ty đã ban hành 19 Nghị quyết, thông qua nhiều nội dung :

Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; công tác chuẩn bị tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường 2025; Thông qua Phương án vay vốn ngân hàng, vay vốn cá nhân để bổ sung vốn lưu động và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Trong năm qua, các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế, có sự đồng thuận cao và đạt được những kết quả tốt. Các đề xuất của Ban Tổng giám đốc công ty hoặc các vấn đề vướng mắc đều được Hội đồng quản trị xem xét, đưa ra quyết định kịp thời đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động quản lý, điều hành của Ban Tổng giám đốc :

Trong năm vừa qua, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ.

Năm 2025, ghi nhận kết quả sản hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng doanh thu đạt : 3.333,76 tỷ đồng, tăng 28,22 %, Lợi nhuận trước thuế đạt : 45,57 tỷ đồng, tăng 203,80 % so với kế hoạch năm 2025 mà nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra. Ban Tổng giám đốc đã đưa ra các giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp với chủ trương định hướng của Hội đồng quản trị và diễn biến của thị trường.

Tổ chức chỉ đạo thực hiện tốt Báo cáo tài chính Quý, Báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm, Báo cáo tình hình quản trị và Báo cáo thường niên.

Giám sát chỉ đạo việc thực hiện công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch và kịp thời theo đúng quy định.

Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã ban hành, kiểm tra hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Thù lao, thưởng và các lợi ích của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc năm 2025

4.1. Thù lao cho Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát :

Stt	Chi tiết	Chức vụ	Tiền thù lao (VNĐ)
I	Hội đồng quản trị		

1	Trần Văn Lĩnh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	0
2	Nguyễn Thị Phi Anh	Thành viên Hội đồng quản trị / Tổng giám đốc	96,000,000
3	Dương Thị Tuyết Hằng	Thành viên Hội đồng quản trị	96,000,000
4	Lê Thị Minh Thảo	Thành viên Hội đồng quản trị / Phó Tổng giám đốc	96,000,000
5	Lê Thanh Thảo	Thành viên Hội đồng quản trị / Phó Tổng giám đốc	96,000,000
	Cộng		384,000,000
II	Ban kiểm soát		
1	Nguyễn Văn Trung	Trưởng Ban kiểm soát	96,000,000
2	Mai Đăng Hải	Thành viên Ban kiểm soát	60,000,000
3	Huỳnh Thị Nguyệt	Thành viên Ban kiểm soát	60,000,000
	Cộng		216,000,000
	Tổng công (I+II)		600,000,000

4.2 Tiền Lương, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc trong năm 2025 :

Stt	Chi tiết	Chức vụ	Tiền lương, thưởng (đồng)
I	Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc		
1	Trần Văn Lĩnh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	438.260.000
2	Nguyễn Thị Phi Anh	Thành viên Hội đồng quản trị / Tổng giám đốc	683.838.000
3	Dương Thị Tuyết Hằng	Thành viên Hội đồng quản trị	46.994.000
4	Lê Thị Minh Thảo	Thành viên Hội đồng quản trị / Phó Tổng giám đốc	342.556.000
5	Lê Thanh Thảo	Thành viên Hội đồng quản trị / Phó Tổng giám đốc	358.310.000
6	Phạm Đình Nguyên	Phó Tổng giám đốc	451.001.000
7	Đoàn Hữu Lý	Phó Tổng giám đốc	204.798.000

	Cộng(I)		2.525.757.000
II	Ban kiểm soát		
1	Nguyễn Văn Trung	Trưởng Ban kiểm soát	152.751.000
2	Mai Đăng Hải	Thành viên Ban kiểm soát	241.597.000
3	Huỳnh Thị Nguyệt	Thành viên Ban kiểm soát	204.559.000
	Cộng(II)		598.907.000
	Tổng cộng(I+II)		3.124.664.000

5. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và các bên liên quan của người nội bộ: không.

6. Hợp đồng, giao dịch với cổ đông nội bộ :

Giao dịch giữa công ty với bà Lê Thị Minh Thảo – Thành viên Hội đồng quản trị/ Phó Tổng giám đốc, trị giá 5.000.000.000 đồng được thông qua tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT ngày 01/10/2025.

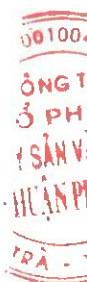
7. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

7.1. Các chỉ tiêu chính về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, cụ thể :

- Tổng doanh thu : 1.900 – 2.700 tỷ đồng.
- Kim ngạch xuất khẩu : 70 – 100 triệu USD.
- Sản lượng xuất khẩu : 7.500 – 10.000 tấn sản phẩm.
- Lợi nhuận trước thuế : 05 – 10 tỷ đồng.
- Chia cổ tức : 0 - 03%.
- Thu nhập bình quân người/tháng (26 ngày công) : 9.500.000 đồng.

7.2. Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ năm 2026:

- Đầu tư nâng cấp máy móc, thiết bị và nhà xưởng nhằm nâng cao năng suất lao động.
- Theo dõi sát diễn biến thị trường, biến động tỷ giá, lãi suất và giá cả để chủ động đề ra các giải pháp ứng phó kịp thời, hiệu quả.
- Ứng dụng công nghệ nuôi tôm mới, nghiên cứu và hoàn thiện quy trình nuôi phù hợp nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả thu hoạch.
- Cải thiện điều kiện làm việc, tăng cường chế độ phúc lợi cho người lao động.



- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm bảo đảm việc thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông công ty.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và định hướng nhiệm vụ trong thời gian tới. Thay mặt Hội đồng quản trị, kính chúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thành công tốt đẹp.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu văn thư

TRẦN VĂN LĨNH



Số : /BC-BKS

Đà Nẵng, ngày tháng 3 năm 2026



(ĐU THAO)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

- Căn cứ luật doanh nghiệp, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy Sản và Thương mại Thuận Phước về chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát
- Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát năm 2025.
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2025 do Công ty lập đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán thẩm định giá và tư vấn ECOVIS AFA Việt nam

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo các quy định của pháp luật, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước xin báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động của công ty năm 2025 như sau:

1. Hoạt động của Ban kiểm soát.

- Ban kiểm soát đã kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của luật doanh nghiệp, điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty trong việc quản lý và thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2025, cụ thể như sau:
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty trong việc thực hiện các kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh đã được thông qua trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- Xem xét Báo cáo của Hội đồng quản trị, Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng giám đốc, Báo cáo tài chính Quý, bán niên, năm, Báo cáo tình hình quản trị.
- Ban kiểm soát có 03 thành viên, 01 Trưởng ban và 02 thành viên, năm 2025 Ban kiểm soát đã họp 02 lần với những nội dung như : triển khai hoạt động của Ban kiểm soát, thông qua báo cáo tài chính quý, bán niên và năm; đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

2/ Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính năm 2025.

2.1. Tình hình Tài sản và nguồn vốn tại ngày 31/12/2025

Căn cứ vào kết quả báo cáo của Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam. Tình hình tài sản và nguồn vốn của công ty tóm tắt như sau :

2.1.1. Về tài sản :

Đơn vị tính : đồng

TÀI SẢN	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.016.043.767	880.684.632.953

I. Tiền và các khoản tương đương tiền	38.431.067.790	61.956.297.904
1. Tiền	14.981.067.790	61.956.297.904
2. Các khoản tương đương tiền	23.450.000.000	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.953.940.000	7.364.167.388
1. Chứng khoán kinh doanh	1.364.547.600	2.738.174.988
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-410.607.600	-374.007.600
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	268.897.807.777	354.311.834.406
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	250.910.537.602	328.623.114.839
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.930.862.271	5.414.969.065
3. Phải thu ngắn hạn khác	12.120.452.504	20.337.795.102
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-64.044.600	-64.044.600
IV. Hàng tồn kho	639.359.055.914	446.024.843.982
1. Hàng tồn kho	639.360.841.854	446.026.629.922
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-1.785.940	-1.785.940
V. Tài sản ngắn hạn khác	63.401.578.286	11.027.489.273
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	654.950.678	640.990.934
2. Thuế GTGT được khấu trừ	62.746.627.608	10.386.498.339
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	419.671.079.582	444.231.296.942
I. Các khoản phải thu dài hạn	0	6.413.754.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	0	0
2. Phải thu dài hạn khác	0	6.413.754.000
II. Tài sản cố định	372.331.698.124	393.708.114.057
1. Tài sản cố định hữu hình	337.459.086.200	357.844.978.184
Nguyên giá	765.506.441.481	741.703.733.260
Giá trị hao mòn lũy kế	-428.047.355.281	-383.858.755.076
2. Tài sản cố định vô hình	34.872.611.924	35.863.135.873
Nguyên giá	41.680.871.696	41.680.871.696
Giá trị hao mòn lũy kế	-6.808.259.772	-5.817.735.823
III. Bất động sản đầu tư	0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	8.834.297.228	7.061.756.481
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8.834.297.228	7.061.756.481
V. Đầu tư tài chính dài hạn	0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	38.505.084.230	37.047.672.404
1. Chi phí trả trước dài hạn	38.505.084.230	37.047.672.404
2. Tài sản dài hạn khác	0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.435.714.529.349	1.324.915.929.895

2.1.2. Về nguồn vốn :

NGUỒN VỐN	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	1.055.995.497.790	969.166.946.862
I. Nợ ngắn hạn	1.007.547.186.666	859.644.020.310
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	94.125.631.281	51.877.575.099
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.436.899.154	17.660.583.982
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.656.189.606	1.973.068.583
4. Phải trả người lao động	55.329.215.390	40.953.445.258
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	7.720.467.178	5.447.866.284
6. Phải trả ngắn hạn khác	21.466.738.498	5.722.869.985
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	800.753.648.426	723.448.978.286
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.058.397.133	12.559.632.833
II. Nợ dài hạn	48.448.311.124	109.522.926.552
1. Phải trả người bán dài hạn	0	0
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	48.448.311.124	109.522.926.552
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	379.719.031.559	355.748.983.033
I. Vốn chủ sở hữu	379.719.031.559	355.748.983.033
1. Vốn góp của chủ sở hữu	216.111.850.000	216.111.850.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	216.111.850.000	216.111.850.000
2. Cổ phiếu quỹ	-4.234.000	-4.234.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	130.619.210.033	127.509.529.059
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	32.992.205.526	12.131.837.974
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	-	-
LNST chưa phân phối kỳ này	32.992.205.526	12.131.837.974
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.435.714.529.349	1.324.915.929.895

2.2 Về kết quả sản xuất kinh doanh

Nội dung	Năm 2025	Năm 2024	So sánh năm 2025/2024 tăng (+), giảm (-)	
			%	Giá trị
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.333.765.961.338	3.092.133.474.950	7,81	241.632.486.388
2. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	44.387.705.892	18.883.259.324	135,06	25.504.446.568
3. Lợi nhuận khác	1.190.654.001	-571.038.568		
4. Lợi nhuận trước thuế	45.578.359.893	18.312.220.756	148,89	27.266.139.137
5. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	39.475.441.026	16.453.994.974	139,91	23.195.078.104
6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.187	544		

2.3 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,008	1,024
+ Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn trừ hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	0,374	0,506
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Tổng nợ phải trả/ Tổng tài sản)	0,736	0,731
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Tổng nợ ngắn hạn/ vốn chủ sở hữu)	2,780	2,724
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/ hàng tồn kho bình quân)	5,557	5,167
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,301	2,327
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,012	0,005
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,104	0,046
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,027	0,012
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,013	0,006

3/ Đánh giá về các hoạt động tài chính và các Báo cáo tài chính của Ban Kiểm soát :

- Hoạt động tài chính của công ty trong năm 2025 minh bạch và hoàn toàn tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ công ty.
- Quy trình quản lý dòng tiền, vốn và tài sản của doanh nghiệp đều đảm bảo độ an toàn cao nhất, hạn chế tối đa các rủi ro cho doanh nghiệp.
- Các Báo cáo tài chính đều phản ánh tình hình tài chính của công ty một cách minh bạch, đúng đắn và hợp lý.
- Các Báo cáo tài chính đều được phát hành và công bố định kỳ theo đúng quy định về công bố thông tin.

4. Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông : Tham gia các buổi họp của Ban lãnh đạo công ty, Ban kiểm soát thực hiện chức năng giám sát công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị công ty cũng như nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Để thực hiện các nhiệm vụ trên, Ban kiểm soát tổ chức các cuộc họp như : kiểm tra báo cáo tài chính Quý, Bán niên, năm; đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Theo đó, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong điều hành, chức năng nhiệm vụ theo quy định.

5. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác :

- Ban kiểm soát đã chủ động trao đổi, thống nhất với Hội đồng quản trị về các nội dung, kế hoạch, giám sát, phối hợp với ban điều hành trong quá trình giám sát.
- Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Hội đồng quản trị cung cấp đầy đủ các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát.
- Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý của công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.

6. Thù lao, tiền lương tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc năm 2025 :

6.1 Thù lao cho Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Stt	Chi tiết	Chức vụ	Tiền thù lao (VNĐ)
I	Hội đồng quản trị		
1	Trần Văn Lĩnh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	0
2	Nguyễn Thị Phi Anh	Thành viên Hội đồng quản trị /Tổng giám đốc	96.000.000

3	Dương Thị Tuyết Hằng	Thành viên Hội đồng quản trị	96.000.000
4	Lê Thị Minh Thảo	Thành viên Hội đồng quản trị / Phó Tổng giám đốc	96.000.000
5	Lê Thanh Thảo	Thành viên Hội đồng quản trị / Phó Tổng giám đốc	96.000.000
	Cộng		384.000.000
II	Ban kiểm soát		
1	Nguyễn Văn Trung	Trưởng Ban kiểm soát	96.000.000
2	Mai Đăng Hải	Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000
3	Huỳnh Thị Nguyệt	Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000
	Cộng		216.000.000
	Tổng công (I+II)		600.000.000

6.2 Tiền lương, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc trong năm 2025 :

Stt	Chi tiết	Chức vụ	Tiền lương, thưởng (VNĐ)
I	Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc		
1	Trần Văn Lĩnh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	438.260.000
2	Nguyễn Thị Phi Anh	Thành viên Hội đồng quản trị / Tổng giám đốc	683.838.000
3	Dương Thị Tuyết Hằng	Thành viên Hội đồng quản trị	46.994.000
4	Lê Thị Minh Thảo	Thành viên Hội đồng quản trị / Phó Tổng giám đốc	342.556.000
5	Lê Thanh Thảo	Thành viên Hội đồng quản trị / Phó Tổng giám đốc	358.310.000
6	Phạm Đình Nguyên	Phó Tổng giám đốc	451.001.000
7	Đoàn Hữu Lý	Phó Tổng giám đốc	204.798.000
	Cộng		2.525.757.000
II	Ban kiểm soát		
1	Nguyễn Văn Trung	Trưởng Ban kiểm soát	152.751.000
2	Mai Đăng Hải	Thành viên Ban kiểm soát	241.597.000

3	Huỳnh Thị Nguyệt	Thành viên Ban kiểm soát	204.559.000
	Cộng		598.907.000
	Tổng cộng		3.124.664.000

7. Về giao dịch giữa công ty với người nội bộ :

Các giao dịch nội bộ giữa Hội đồng quản trị và thành viên hội đồng quản trị đã chấm dứt trong năm 2025.

8. Về thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025:

8.1/ Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Thực hiện 2025/ kế hoạch 2025 (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.600-3.100	3,333.76	128.22
2	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	100-120	128.76	128.76
3	Sản lượng xuất khẩu	Tấn	11.500-12.700	12,314.00	107.08
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15-20	45.57	303.80
5	Chia cổ tức	%	0 - 03%	3.0	300
6	Thu nhập bình quân người/ tháng (26 ngày công)	đồng	8.500.000	9,500,000	111.76

8.2/ Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025:

Ngày 27/09/2025, Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua tờ trình giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu miễn chào mua công khai đối với bà Nguyễn Thị Phi Anh – Thành viên hội đồng quản trị/ Tổng giám đốc và đã thực hiện đúng như Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 đã thông qua.

9. Phương Hướng hoạt động thời gian tới của Ban kiểm soát :

- Giám sát tình hình thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra, Ban kiểm soát cụ thể hóa thành kế hoạch thực hiện và phấn đấu làm tốt chức năng nhiệm vụ được cổ đông giao.
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động quản trị, hoạt động của Ban điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ quy định tại điều lệ công ty, của Luật doanh nghiệp.
- Xem xét, thẩm định báo cáo tài chính Quý, bán niên và cả năm 2026.
- Kiểm tra giám sát về lĩnh vực đầu tư tài chính công ty, Giám sát việc chấp hành điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị của công ty.

Trên đây là toàn bộ báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm qua. Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn Quý cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể cán bộ nhân viên đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát chúng tôi triển khai nhiệm vụ theo đúng quy định của Pháp luật và hoàn thành tốt nhiệm vụ mà các Quý cổ đông tin tưởng giao phó./.

Trân trọng kính chào.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nơi nhận :

- Như trên,
- Lưu Văn thư

NGUYỄN VĂN TRUNG



Đà Nẵng, ngày tháng 3 năm 2026

Số : /TT-HĐQT



TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo Tài chính đã kiểm toán năm 2025''

Kính trình : Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2025 đã được công bố thông tin theo luật định, đồng thời đã được đăng tải trên Website : www.thuanphuoc.vn của Công ty, trong đó có một số chỉ tiêu cơ bản trên báo cáo tài chính như sau :

1/ Về Tài sản :

ĐVT : VNĐ		
TÀI SẢN	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.016.043.767	880.684.632.953
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	38.431.067.790	61.956.297.904
1. Tiền	14.981.067.790	61.956.297.904
2. Các khoản tương đương tiền	23.450.000.000	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.953.940.000	7.364.167.388
1. Chứng khoán kinh doanh	1.364.547.600	2.738.174.988
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-410.607.600	-374.007.600
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	268.897.807.777	354.311.834.406
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	250.910.537.602	328.623.114.839
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.930.862.271	5.414.969.065
3. Phải thu ngắn hạn khác	12.120.452.504	20.337.795.102
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-64.044.600	-64.044.600
IV. Hàng tồn kho	639.359.055.914	446.024.843.982
1. Hàng tồn kho	639.360.841.854	446.026.629.922
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-1.785.940	-1.785.940
V. Tài sản ngắn hạn khác	63.401.578.286	11.027.489.273
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	654.950.678	640.990.934
2. Thuế GTGT được khấu trừ	62.746.627.608	10.386.498.339

B. TÀI SẢN DÀI HẠN	419.671.079.582	444.231.296.942
I. Các khoản phải thu dài hạn	0	6.413.754.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	0	0
2. Phải thu dài hạn khác	0	6.413.754.000
II. Tài sản cố định	372.331.698.124	393.708.114.057
1. Tài sản cố định hữu hình	337.459.086.200	357.844.978.184
Nguyên giá	765.506.441.481	741.703.733.260
Giá trị hao mòn lũy kế	-428.047.355.281	-383.858.755.076
2. Tài sản cố định vô hình	34.872.611.924	35.863.135.873
Nguyên giá	41.680.871.696	41.680.871.696
Giá trị hao mòn lũy kế	-6.808.259.772	-5.817.735.823
III. Bất động sản đầu tư	0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	8.834.297.228	7.061.756.481
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8.834.297.228	7.061.756.481
V. Đầu tư tài chính dài hạn	0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	38.505.084.230	37.047.672.404
1. Chi phí trả trước dài hạn	38.505.084.230	37.047.672.404
2. Tài sản dài hạn khác	0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.435.714.529.349	1.324.915.929.895



2.1.2. Về nguồn vốn :

ĐVT : VNĐ		
NGUỒN VỐN	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	1.055.995.497.790	969.166.946.862
I. Nợ ngắn hạn	1.007.547.186.666	859.644.020.310
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	94.125.631.281	51.877.575.099
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.436.899.154	17.660.583.982
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.656.189.606	1.973.068.583
4. Phải trả người lao động	55.329.215.390	40.953.445.258
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	7.720.467.178	5.447.866.284
6. Phải trả ngắn hạn khác	21.466.738.498	5.722.869.985
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	800.753.648.426	723.448.978.286
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.058.397.133	12.559.632.833
II. Nợ dài hạn	48.448.311.124	109.522.926.552
1. Phải trả người bán dài hạn	0	0
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	48.448.311.124	109.522.926.552

D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	379.719.031.559	355.748.983.033
I. Vốn chủ sở hữu	379.719.031.559	355.748.983.033
1. Vốn góp của chủ sở hữu	216.111.850.000	216.111.850.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	216.111.850.000	216.111.850.000
2. Cổ phiếu quỹ	-4.234.000	-4.234.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	130.619.210.033	127.509.529.059
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	32.992.205.526	12.131.837.974
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	-	-
LNST chưa phân phối kỳ này	32.992.205.526	12.131.837.974
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.435.714.529.349	1.324.915.929.895

3/ Về Kết quả sản xuất kinh doanh :

Nội dung	Năm 2025	Năm 2024	So sánh năm 2025/2024 tăng (+), giảm (-)	
			%	Giá trị
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.333.765.961.338	3.092.133.474.950	7,81	241.632.486.388
2. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	44.387.705.892	18.883.259.324	135,06	25.504.446.568
3. Lợi nhuận khác	1.190.654.001	-571.038.568		
4. Lợi nhuận trước thuế	45.578.359.893	18.312.220.756	148,89	27.266.139.137
5. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	39.475.441.026	16.453.994.974	139,91	23.195.078.104
6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.187	544		

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi gửi:
- Như trên;
- Lưu: VT.

TRẦN VĂN LĨNH

Đà Nẵng, ngày tháng 03 năm 2026



...../TT-HĐQT
(DỰ THẢO)

TỜ TRÌNH

“V/v Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025 và
kế hoạch Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức 2026”

Kính trình : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

- Căn cứ vào Điều lệ Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước;
- Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua các nội dung sau :

I/ Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025 :

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ / Lợi nhuận sau thuế
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	45.578.359.893	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.102.918.867	15% LNNT
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	39.475.441.026	
4	Chia cổ tức cho cổ đông (3%) /vốn điều lệ	6.483.235.500	3% VDL
5	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	29.092.205.526	
6	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	
7	Trích quỹ khen thưởng HĐQT, BKS	3.900.000.000	10% LNST

II/ Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2026 :

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng) (PA1)	Số tiền (đồng) (PA2)	Tỷ lệ/ LN sau thuế
1	Tổng lợi nhuận Trước thuế (05-10 tỷ)	5.000.000.000	10.000.000.000	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	750.000.000	1.500.000.000	15% LNNT
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	4.250.000.000	8.500.000.000	
4	Chia cổ tức cho cổ đông (0-3%) /vốn điều lệ	0	6.483.235.500	3% VDL
5	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	3.952.500.000	1.421.764.500	
6	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	0	
7	Trích quỹ khen thưởng HĐQT, BKS	297.500.000	595.000.000	7% LNST

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu Văn thư

TRẦN VĂN LĨNH



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THUẬN PHƯỚC

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số :/TT-HĐQT

Đà Nẵng, ngày.....tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc : Chi trả Thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và Kế hoạch thù lao, tiền thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026

Kính trình : Đại hội đồng cổ đông năm thường niên năm 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ vào Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025;
- Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua các nội dung sau :

I. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025:

1./ Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát :

- Thù lao cho HĐQT (4 thành viên) : 32.000.000 đồng/tháng x 12 tháng = 384.000.000 đồng.
- Thù lao cho BKS (03 thành viên) : 18.000.000đồng/tháng x 12 tháng = 216.000.000 đồng.

Tổng thù lao HĐQT và BKS năm 2025: 600.000.000 đồng

2. Tiền thưởng của HĐQT và Ban kiểm soát

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 : Lợi nhuận trước thuế của Công ty kế hoạch là : 15 tỷ đồng. Do hoạt động kinh doanh năm 2025 có hiệu quả, Lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 45,57 tỷ đồng, tương ứng lợi nhuận sau thuế 39,47 tỷ đồng. Theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên 2025 về khoản thưởng của HĐQT và Ban kiểm soát là 10% trên lợi nhuận sau thuế nếu đạt và vượt kế hoạch, nên tổng tiền thưởng cho HĐQT, BKS là : **3.900.000.000đồng**.

II. Dự kiến mức Thù lao và tiền thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026 :

1. Thù lao HĐQT (04 thành viên) : 32.000.000 đồng/tháng x 12 tháng = 384.000.000 đồng.
2. Thù lao BKS (03 thành viên) : 18.000.000đồng/tháng x 12 tháng = 216.000.000 đồng.

Tổng thù lao năm 2026 : 600.000.000 đồng

3. Mức thưởng của HĐQT và Ban kiểm soát :

- Mức thưởng của HĐQT, BKS : **07%** trên tổng Lợi nhuận sau thuế nếu không đạt kế hoạch.
- Mức thưởng của HĐQT, BKS : **10%** trên tổng Lợi nhuận sau thuế nếu đạt và vượt kế hoạch.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu Văn thư.

TRẦN VĂN LĨNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng 3 năm 2026



VT-HBQT

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua phương án tách Công ty

Kính trình : Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước;
- Căn cứ vào nhu cầu tái cơ cấu tổ chức và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua phương án tách Công ty với các nội dung chủ yếu như sau:

I. Mục đích của phương án tách công ty :

Việc tách Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước nhằm các mục đích sau:

- Tái cơ cấu tổ chức doanh nghiệp theo hướng chuyên môn hóa hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành;
 - Phân tách rõ ràng các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, phù hợp với định hướng phát triển dài hạn của Công ty;
 - Tăng tính chủ động trong quản trị, điều hành và sử dụng nguồn lực của từng công ty sau khi tách;
 - Tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động vốn, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh của các công ty được tách;
 - Nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, lao động và các nguồn lực hiện có;
 - Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, người lao động và các bên liên quan;
- Phù hợp với chiến lược phát triển bền vững của Công ty trong giai đoạn tiếp theo.

II. Nguyên tắc chia tách công ty

Việc tách Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước được thực hiện theo các nguyên tắc sau:



- Việc tách Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan;
- Việc phân chia tài sản, nguồn vốn, quyền và nghĩa vụ giữa các công ty sau khi tách được thực hiện trên cơ sở sổ liệu kế toán tại thời điểm chốt sổ liệu là ngày 31/12/2025; Giá trị tài sản được xác định trên cơ sở tài sản đang hiện hữu tại các nhà máy An An và nhà máy F32 tại ngày 31/12/2025. Lợi nhuận chưa phân phối của năm 2025 sẽ không phân chia và để lại cho THP Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước;
- Tài sản, công nợ, quyền và nghĩa vụ của Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước được phân bổ cho các công ty được tách theo nguyên tắc phù hợp với chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh của từng công ty;
- Việc chuyển giao lao động được thực hiện theo phương án sử dụng lao động đã được xây dựng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động theo quy định pháp luật;
- Các công ty được tách cùng với Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;
- Việc tách Công ty không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ hợp pháp của cổ đông đối với phần vốn góp của mình;
- Việc tách Công ty đảm bảo tính công khai, minh bạch và phù hợp với lợi ích chung của Công ty và cổ đông.

III. Phương án tách công ty :

1. Công ty bị tách:

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC
- Mã số doanh nghiệp: 0400100432, đăng ký lần đầu ngày 29/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 09/7/2025 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng (Nay là Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng)
- Địa chỉ trụ sở: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu công nghiệp dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại: 0236 3920920 Fax: 0236 3923308
- Email: info@thuanphuoc.vn
- Người đại diện theo pháp luật:
 - + Bà: NGUYỄN THỊ PHI ANH, Sinh ngày: 05/09/1959
 - + Chức danh: Tổng giám đốc.
 - + CCCD số: 001159044532 Ngày cấp: 16/09/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.
 - + Địa chỉ thường trú: 11A Bằng Lăng 3, Tổ 38, phường An Hải, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
 - + Địa chỉ liên lạc: 05 Lê Bình, Tổ 93, phường An Hải, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Vốn điều lệ hiện tại: 216.111.850.000 tỷ đồng.

043,
: TY
HẢI
VÀ T
PHU
TP.

- Vốn điều lệ sau khi tách công ty: CTCP Thủy Sản và Thương Mại Thuận Phước (“THP”) sẽ tách 105.673.120.000 đồng từ vốn điều lệ tương ứng với giá trị tài sản ròng (tài sản chuyển giao trừ đi nghĩa vụ nợ đi kèm) đã tách để hình thành vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy Sản và Thương Mại An An, và tách 15.103.160.000 đồng từ vốn điều lệ tương ứng với giá trị tài sản đã tách để hình thành vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy Sản và Thương Mại F32. Vốn điều lệ còn lại của THP sau khi tách là 95.335.570.000 đồng.
- Cổ đông và tỷ lệ góp vốn: cổ đông và tỷ lệ góp vốn không thay đổi.

2. Công ty được tách 1:

2.1. Tên Công ty được tách:

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI AN AN
- Tên công ty viết bằng tiếng Anh: AN AN SEAFOODS AND TRADING LIMITED
- Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Tây Hòa, Xã Kim Sơn, Tỉnh Đồng Tháp, Việt NAM

2.2. Phương án sử dụng lao động:

Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước sẽ chuyển 1.067 lao động sang cho Công ty Cổ Phần Thủy sản và Thương mại An An sử dụng. Danh sách chi tiết tại Phụ lục I đính kèm.

Công ty Cổ Phần Thủy Sản Và Thương Mại An An sẽ thực hiện ký hợp đồng lao động/ phụ lục hợp đồng với người lao động được chuyển giao, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

2.3. Tài sản:

Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước chuyển các tài sản sau đây sang cho Công ty Cổ Phần Thủy sản và Thương mại An An sở hữu. Chi tiết danh mục tài sản chuyển giao đính kèm tại Phụ Lục I.

STT	Tài sản	Giá trị (VNĐ)	Ghi chú
1	Quyền sử dụng đất	34.843.083.459	Gồm QSĐĐ tại theo Giấy CNQSĐĐ số DM582649 và DM582650
2	Nhà cửa vật kiến trúc	197.056.173.612	
3	Máy móc thiết bị	77.990.633.002	
4	Phương tiện vận tải truyền dẫn	11.012.033.200	
5	Thiết bị, dụng cụ quản lý	111.161.960	
6	Hàng tồn kho	314.897.375.649	
7	Chi phí trả trước	4.117.799.383	
8	Tài sản dở dang dài hạn	5.748.520.370	
	Tổng cộng	645.776.780.635	

2.4. Các quyền và nghĩa vụ được chuyển từ Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước sang Công ty cổ phần thủy sản và thương mại An An: Sau khi đăng ký doanh nghiệp, Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước và Công ty cổ phần thủy sản và thương mại An An phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ, các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước, trừ các khoản nợ đã được chuyển giao dưới đây.

2.4.1 Các nghĩa vụ nợ được chuyển từ Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước sang Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại An An:

Theo thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước và các chủ nợ, các khoản nợ dưới đây sẽ được chuyển giao cho Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại An An. Tổng nghĩa vụ nợ chuyển giao là 448.485.786.249 đồng (căn cứ số dư chốt tại thời điểm 31/12/2025). Chi tiết như sau:

2.4.1.1 Nợ phải trả nhà cung cấp :

Tên khách hàng	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Logistics Long An	113.996.418
Công ty TNHH Phát Triển Bền Vững Cộng Đồng	1.107.993.126
Doanh nghiệp tư nhân Ngọc My	788.603.674
NAQ FOODS INDIA PRIVATE LIMITED	12.620.524.059
ROYALE MARINE IMPEX PVT LTD	10.939.069.440
MAA NACHINDA SEA FOODS PRIVATE LIMITED	13.015.941.666
Z.A. SEAFOODS PVT. LTD	3.031.746.003
Tổng cộng	41.617.874.386

2.4.1.2. Nợ vay dài hạn :

Tên ngân hàng	Giá trị (VND)
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam	44.694.511.124
Tổng cộng	44.694.511.124

2.4.1.3 Nợ vay ngắn hạn :

Tên ngân hàng	Giá trị (VND)
---------------	---------------

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam	292.458.102.566
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	111.333.172.559
Tổng cộng	403.791.275.125

2.4.2. Quỹ đầu tư phát triển : 50.000.000.000 đồng

2.5. Vốn điều lệ Công ty Cổ Phần Thủy Sản và Thương Mại An An: 105.673.120.000 đồng (*Một trăm lẻ năm tỷ sáu trăm bảy mươi ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*). Vốn điều lệ tương ứng nguồn vốn hình thành các tài sản chuyển giao tại mục 2.3 trừ đi các nghĩa vụ nợ tại mục 2.4.

2.6. Cổ đông và tỷ lệ vốn góp của cổ đông tại Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước và Công ty Cổ Phần Thủy Sản và Thương Mại An An sau khi tách là như nhau. Số lượng cổ phần tại hai doanh nghiệp sẽ được tính dựa trên tỷ lệ góp vốn tại hai doanh nghiệp, được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

2.7. Danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Thủy Sản và Thương Mại An An: Chi tiết đính kèm Phụ lục I.

2.8. Thời hạn thực hiện tách công ty: CTCP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước chốt số liệu bàn giao tại thời điểm 31/12/2025 và thực hiện hoàn tất việc bàn giao thực tế liên quan đến việc tách công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ban hành Nghị quyết này.

2.9. Điều lệ công ty : Điều lệ Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại An An được trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua kèm theo Tờ trình này và là cơ sở để đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật.

3. Công ty được tách 2:

3.1. Tên Công ty được tách:

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI F32
- Tên công ty viết bằng tiếng Anh: F32 SEAFOODS AND TRADING CORPORATION
- Địa chỉ trụ sở chính: 03 Vân Đồn, Khu công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Đà Nẵng

3.2. Phương án sử dụng lao động:

Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước sẽ chuyển 353 lao động sang cho Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại F32 sử dụng. Danh sách chi tiết tại Phụ lục II đính kèm.

Công ty Cổ Phần Thủy sản và Thương mại F32 sẽ thực hiện ký hợp đồng lao động/ phụ lục hợp đồng với người lao động được chuyển giao, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

3.3. Tài sản:

32.
 Y
 AN
 T.M.
 PHƯỚC
 TP. Đ.

Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước chuyển các tài sản sau đây sang cho Công ty cổ phần thủy sản và thương mại F32 sở hữu. Chi tiết danh mục tài sản chuyển giao đính kèm tại Phụ lục II.

STT	Tài sản	Giá trị (VND)	Ghi chú
1	Nhà cửa vật kiến trúc	4.905.166.761	
2	Máy móc thiết bị	672.957.138	
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	0	
4	Hàng tồn kho	36.093.517.326	
5	Chi phí trả trước	149.323.768	
	Tổng cộng	41.820.964.993	

3.4. Các quyền và nghĩa vụ được chuyển từ Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước sang Công ty cổ phần thủy sản và thương mại F32:

3.4.1.1 *Nợ vay ngắn hạn :*

Tên ngân hàng	Giá trị (VND)
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	10.717.804.993
Tổng cộng	10.717.804.993

3.4.1.2. *Quỹ đầu tư phát triển : 16.000.000.000 đồng*

Sau khi đăng ký doanh nghiệp, Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước và Công ty cổ phần thủy sản và thương mại F32 phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ, các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.

3.5. Vốn điều lệ Công ty Cổ Phần Thủy Sản và Thương Mại F32: 15.103.160.000 đồng (Mười lăm tỷ một trăm lẻ ba triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng). Vốn điều lệ tương ứng nguồn vốn hình thành các tài sản chuyển giao tại mục 3.3.

3.6. Cổ đông và tỷ lệ vốn góp của cổ đông tại Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước và Công ty Thủy sản và Thương mại F32 sau khi tách là như nhau. Số lượng cổ phần tại hai doanh nghiệp sẽ được tính dựa trên tỷ lệ góp vốn tại hai doanh nghiệp, được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

3.7. Danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Thủy Sản và Thương Mại F32: Danh sách chi tiết tại Phụ lục II đính kèm.

3.8. Thời hạn thực hiện tách công ty: CTCP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước chốt số liệu bàn giao tại thời điểm 31/12/2025 và thực hiện hoàn tất việc bàn giao thực tế liên quan đến việc tách công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ban hành Nghị quyết này.

3.9. Điều lệ công ty: Điều lệ Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại F32 được trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua kèm theo Tờ trình này và là cơ sở để đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật

II. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị :

- Quyết định và triển khai các công việc cần thiết để thực hiện việc tách Công ty;
- Thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan tại cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định pháp luật;
- Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của 02 công ty được tách :
 - + Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại An An
 - + Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại F32;
- Quyết định số lượng, danh sách và chức danh của 02 công ty :
 - + Thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát;
 - + Ban Giám đốc; Người đại diện theo pháp luật ;
- Quyết định việc ký các hồ sơ, tài liệu cần thiết để đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu Văn thư.

TRẦN VĂN LĨNH



(DỰ THẢO)
Số 001004/NQ-ĐHĐCĐ
CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN VÀ T.MẠI
THUẬN PHƯỚC
TP. HCM

Đà Nẵng, ngày 28 Tháng 3 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước;
- Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước ngày 28 tháng 3 năm 2026.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

QUYẾT NGHỊ

ĐIỀU 1 : Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh 2026

1/ Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 2025 :

- Tổng doanh thu : 3.333,76 tỷ đồng
- Kim ngạch xuất khẩu : 128,76 triệu USD
- Sản lượng xuất khẩu : 12.314 tấn SP
- Lợi nhuận trước thuế : 45,57 tỷ đồng
- Chia cổ tức : 03 %
- Thu nhập bình quân người/tháng (26 ngày công) : 9.500.000 đồng

Biểu quyết thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành đạt 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

2/ Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2026 :

- Tổng doanh thu : 1.900 – 2.700 tỷ đồng.
- Kim ngạch xuất khẩu : 70 – 100 triệu USD.
- Sản lượng xuất khẩu : 7.500 – 10.000 tấn sản phẩm.
- Lợi nhuận trước thuế : 05 – 10 tỷ đồng.

- Chia cổ tức : 0-03 %.
- Thu nhập bình quân người/tháng (26 ngày công) : 9.500.000 đồng.

Biểu quyết thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành đạt 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

ĐIỀU 2 : Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị công ty năm 2025 và kế hoạch năm 2026

Biểu quyết thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành đạt 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

ĐIỀU 3 : Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát công ty năm 2025

Biểu quyết thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành đạt 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

ĐIỀU 4 : Thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty

- Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thương thảo với Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 cho công ty.

- Trong trường hợp Hội đồng quản trị không thương thảo được với Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam về mức phí kiểm toán, chất lượng và tiến độ kiểm toán..., Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị toàn quyền việc tìm kiếm đơn vị kiểm toán khác phù hợp và nằm trong danh sách đủ điều kiện kiểm toán đối với các công ty đại chúng tại Việt Nam được Ủy ban chứng khoán nhà nước công nhận.

Biểu quyết thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành đạt 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

ĐIỀU 5 : Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

Biểu quyết thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành đạt 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

ĐIỀU 6 : Thông qua phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2026

1. Thông qua Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025 :

St t	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ / Lợi nhuận sau thuế
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	45.578.359.893	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.102.918.867	15% LNTT
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	39.475.441.026	
4	Chia cổ tức cho cổ đông (3%) /vốn điều lệ	6.483.235.500	3% VDL
5	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	29.092.205.526	
6	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	
7	Trích quỹ khen thưởng HĐQT, BKS	3.900.000.000	10% LNST

Biểu quyết thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành đạt 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

2. Thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2026 :

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền(đồng) (PA1)	Số tiền(đồng) (PA2)	Tỷ lệ/ LN sau thuế
1	Tổng lợi nhuận Trước thuế (05-10 tỷ)	5.000.000.000	10.000.000.000	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	750.000.000	1.500.000.000	15% LNTT
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	4.250.000.000	8.500.000.000	
4	Chia cổ tức cho cổ đông (0-3%) /vốn điều lệ		6.483.235.500	3% VDL
5	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	3.952.500.000	1.421.764.500	
6	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	0	
7	Trích quỹ khen thưởng HĐQT, BKS	297.500.000	595.000.000	7% LNST

Biểu quyết thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành đạt 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

ĐIỀU 7 : Thông qua chi trả thù lao, tiền thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và Kế hoạch chi trả thù lao, tiền thưởng cho HĐQT, BKS năm 2026.

I. Thông qua mức thù lao, tiền thưởng HĐQT và Ban kiểm soát năm 2025:

1. Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát :

- Thù lao cho HĐQT (4 thành viên) : 32.000.000 đồng/tháng x 12 tháng = 384.000.000 đồng.

- Thù lao cho BKS (03 thành viên) : 18.000.000đồng/tháng x 12 tháng = 216.000.000 đồng.

Tổng thù lao HĐQT và BKS năm 2025 : 600.000.000 đồng

2. Tiền thưởng của HĐQT và Ban kiểm soát :

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 : Lợi nhuận trước thuế của Công ty kế hoạch là : 15 tỷ đồng. Do hoạt động kinh doanh năm 2025 có hiệu quả, Lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 45,57 tỷ đồng, tương ứng lợi nhuận sau thuế 39,47 tỷ đồng. Theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên 2025 về khoản thưởng của HĐQT và Ban kiểm soát là 10% trên lợi nhuận sau thuế nếu đạt và vượt kế hoạch, nên tổng tiền thưởng cho HĐQT, BKS là : **3.900.000.000đồng**.

Biểu quyết thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành đạt 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

II. Thông qua Dự kiến mức thù lao, tiền thưởng HĐQT và BKS năm 2026

1. Thù lao Hội đồng quản trị (04 thành viên) : 32.000.000 đồng/tháng x 12 tháng = 384.000.000 đồng.

2. Thù lao Ban kiểm soát (03 thành viên) : 18.000.000đồng/tháng x 12 tháng = 216.000.000 đồng.

Tổng thù lao năm 2026 : 600.000.000 đồng

3. Mức thưởng của HĐQT và Ban kiểm soát :

- Mức thưởng của HĐQT, BKS **07%** trên tổng Lợi nhuận sau thuế nếu không đạt kế hoạch.

- Mức thưởng của HĐQT, BKS từ **10%** trên tổng Lợi nhuận sau thuế nếu đạt và vượt kế hoạch.

Biểu quyết thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành đạt 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

ĐIỀU 8 : Thông qua Phương án tách công ty :

I. Mục đích của phương án tách công ty :

Việc tách Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước nhằm các mục đích sau:

- Tái cơ cấu tổ chức doanh nghiệp theo hướng chuyên môn hóa hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành;

- Phân tách rõ ràng các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, phù hợp với định hướng phát triển dài hạn của Công ty;
 - Tăng tính chủ động trong quản trị, điều hành và sử dụng nguồn lực của từng công ty sau khi tách;
 - Tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động vốn, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh của các công ty được tách;
 - Nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, lao động và các nguồn lực hiện có;
 - Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, người lao động và các bên liên quan;
- Phù hợp với chiến lược phát triển bền vững của Công ty trong giai đoạn tiếp theo.

II. Nguyên tắc chia tách công ty

Việc tách Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Việc tách Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan;
- Việc phân chia tài sản, nguồn vốn, quyền và nghĩa vụ giữa các công ty sau khi tách được thực hiện trên cơ sở số liệu kế toán tại thời điểm chốt số liệu là ngày 31/12/2025; Giá trị tài sản được xác định trên cơ sở tài sản đang hiện hữu tại các nhà máy An An và nhà máy F32 tại ngày 31/12/2025. Lợi nhuận chưa phân phối của năm 2025 sẽ không phân chia và để lại cho THP Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước;
- Tài sản, công nợ, quyền và nghĩa vụ của Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước được phân bổ cho các công ty được tách theo nguyên tắc phù hợp với chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh của từng công ty;
- Việc chuyển giao lao động được thực hiện theo phương án sử dụng lao động đã được xây dựng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động theo quy định pháp luật;
- Các công ty được tách cùng với Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;
- Việc tách Công ty không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ hợp pháp của cổ đông đối với phần vốn góp của mình;
- Việc tách Công ty đảm bảo tính công khai, minh bạch và phù hợp với lợi ích chung của Công ty và cổ đông.

III. Phương án tách công ty :

1. Công ty bị tách:

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC
- Mã số doanh nghiệp: 0400100432, đăng ký lần đầu ngày 29/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 09/7/2025 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng (Nay là Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng)
- Địa chỉ trụ sở: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu công nghiệp dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

- Điện thoại: 0236 3920920 Fax: 0236 3923308
- Email: info@thuanphuoc.vn
- Người đại diện theo pháp luật:
- + Bà: NGUYỄN THỊ PHI ANH, Sinh ngày: 05/09/1959
- + Chức danh: Tổng giám đốc.
- + CCCD số: 001159044532 Ngày cấp: 16/09/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- + Địa chỉ thường trú: 11A Bằng Lăng 3, Tổ 38, phường An Hải, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- + Địa chỉ liên lạc: 05 Lê Bình, Tổ 93, phường An Hải, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
 - Vốn điều lệ hiện tại: 216.111.850.000 tỷ đồng.
 - Vốn điều lệ sau khi tách công ty: CTCP Thủy Sản và Thương Mại Thuận Phước (“THP”) sẽ tách 105.673.120.000 đồng từ vốn điều lệ tương ứng với giá trị tài sản ròng (tài sản chuyển giao trừ đi nghĩa vụ nợ đi kèm) đã tách để hình thành vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy Sản và Thương Mại An An, và tách 15.103.160.000 đồng từ vốn điều lệ tương ứng với giá trị tài sản đã tách để hình thành vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy Sản và Thương Mại F32. Vốn điều lệ còn lại của THP sau khi tách là 95.335.570.000 đồng.
 - Cổ đông và tỷ lệ góp vốn: cổ đông và tỷ lệ góp vốn không thay đổi.

2. Công ty được tách 1:

2.1. Tên Công ty được tách:

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI AN AN
- Tên công ty viết bằng tiếng Anh: AN AN SEAFOODS AND TRADING LIMITED
- Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Tây Hòa, Xã Kim Sơn, Tỉnh Đồng Tháp, Việt NAM

2.2. Phương án sử dụng lao động:

Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước sẽ chuyển 1.067 lao động sang cho Công ty Cổ Phần Thủy sản và Thương mại An An sử dụng. Danh sách chi tiết tại Phụ lục I đính kèm.

Công ty Cổ Phần Thủy Sản Và Thương Mại An An sẽ thực hiện ký hợp đồng lao động/ phụ lục hợp đồng với người lao động được chuyển giao, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

2.3. Tài sản:

Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước chuyển các tài sản sau đây sang cho Công ty Cổ Phần Thủy sản và Thương mại An An sở hữu. Chi tiết danh mục tài sản chuyển giao đính kèm tại Phụ Lục I.

STT	Tài sản	Giá trị (VNĐ)	Ghi chú
1	Quyền sử dụng đất	34.843.083.459	Gồm QSDĐ tại theo Giấy CNQSDĐ số DM582649 và DM582650

2	Nhà cửa vật kiến trúc	197.056.173.612	
3	Máy móc thiết bị	77.990.633.002	
4	Phương tiện vận tải truyền dẫn	11.012.033.200	
5	Thiết bị, dụng cụ quản lý	111.161.960	
6	Hàng tồn kho	314.897.375.649	
7	Chi phí trả trước	4.117.799.383	
8	Tài sản dở dang dài hạn	5.748.520.370	
	Tổng cộng	645.776.780.635	

2.4. Các quyền và nghĩa vụ được chuyển từ Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước sang Công ty cổ phần thủy sản và thương mại An An: Sau khi đăng ký doanh nghiệp, Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước và Công ty cổ phần thủy sản và thương mại An An phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ, các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước, trừ các khoản nợ đã được chuyển giao dưới đây.

2.4.1 Các nghĩa vụ nợ được chuyển từ Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước sang Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại An An:

Theo thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước và các chủ nợ, các khoản nợ dưới đây sẽ được chuyển giao cho Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại An An. Tổng nghĩa vụ nợ chuyển giao là 448.485.786.249 đồng (căn cứ sổ dư chốt tại thời điểm 31/12/2025). Chi tiết như sau:

2.4.1.1 Nợ phải trả nhà cung cấp :

Tên khách hàng	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Logistics Long An	113.996.418
Công ty TNHH Phát Triển Bền Vững Cộng Đồng	1.107.993.126
Doanh nghiệp tư nhân Ngọc My	788.603.674
NAQ FOODS INDIA PRIVATE LIMITED	12.620.524.059
ROYALE MARINE IMPEX PVT LTD	10.939.069.440
MAA NACHINDA SEA FOODS PRIVATE LIMITED	13.015.941.666
Z.A. SEAFOODS PVT. LTD	3.031.746.003
Tổng cộng	41.617.874.386

2.4.1.2. Nợ vay dài hạn :

Tên ngân hàng	Giá trị (VND)
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam	44.694.511.124
Tổng cộng	44.694.511.124

2.4.1.3 Nợ vay ngắn hạn :

Tên ngân hàng	Giá trị (VND)
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam	292.458.102.566

Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	111.333.172.559
Tổng cộng	403.791.275.125

2.4.2. Quỹ đầu tư phát triển : 50.000.000.000 đồng

2.5. Vốn điều lệ Công ty Cổ Phần Thủy Sản và Thương Mại An An: 105.673.120.000 đồng (Một trăm lẻ năm tỷ sáu trăm bảy mươi ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng). Vốn điều lệ tương ứng nguồn vốn hình thành các tài sản chuyển giao tại mục 2.3 trừ đi các nghĩa vụ nợ tại mục 2.4.

2.6. Cổ đông và tỷ lệ vốn góp của cổ đông tại Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước và Công ty Cổ Phần Thủy Sản và Thương Mại An An sau khi tách là như nhau. Số lượng cổ phần tại hai doanh nghiệp sẽ được tính dựa trên tỷ lệ góp vốn tại hai doanh nghiệp, được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

2.7. Danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Thủy Sản và Thương Mại An An: Chi tiết đính kèm Phụ lục I.

2.8. Thời hạn thực hiện tách công ty: CTCP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước chốt số liệu bàn giao tại thời điểm 31/12/2025 và thực hiện hoàn tất việc bàn giao thực tế liên quan đến việc tách công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ban hành Nghị quyết này.

2.9. Điều lệ công ty : Điều lệ Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại An An được trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua kèm theo Tờ trình này và là cơ sở để đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật.

3. Công ty được tách 2:

3.1. Tên Công ty được tách:

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI F32
- Tên công ty viết bằng tiếng Anh: F32 SEAFOODS AND TRADING CORPORATION
- Địa chỉ trụ sở chính: 03 Vân Đồn, Khu công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Đà Nẵng

3.2. Phương án sử dụng lao động:

Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước sẽ chuyển 353 lao động sang cho Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại F32 sử dụng. Danh sách chi tiết tại Phụ lục II đính kèm.

Công ty Cổ Phần Thủy sản và Thương mại F32 sẽ thực hiện ký hợp đồng lao động/ phụ lục hợp đồng với người lao động được chuyển giao, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

3.3. Tài sản:

Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước chuyển các tài sản sau đây sang cho Công ty cổ phần thủy sản và thương mại F32 sở hữu. Chi tiết danh mục tài sản chuyển giao đính kèm tại Phụ lục II.

STT	Tài sản	Giá trị (VND)	Ghi chú
1	Nhà cửa vật kiến trúc	4.905.166.761	

2	Máy móc thiết bị	672.957.138	
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	0	
4	Hàng tồn kho	36.093.517.326	
5	Chi phí trả trước	149.323.768	
	Tổng cộng	41.820.964.993	

3.4. Các quyền và nghĩa vụ được chuyển từ Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước sang Công ty cổ phần thủy sản và thương mại F32:

3.4.1.1 *Nợ vay ngắn hạn :*

Tên ngân hàng	Giá trị (VND)
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	10.717.804.993
Tổng cộng	10.717.804.993

3.4.1.2. Quỹ đầu tư phát triển : 16.000.000.000 đồng

Sau khi đăng ký doanh nghiệp, Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước và Công ty cổ phần thủy sản và thương mại F32 phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ, các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước.

3.5. Vốn điều lệ Công ty Cổ Phần Thủy Sản và Thương Mại F32: 15.103.160.000 đồng (*Mười lăm tỷ một trăm lẻ ba triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng*). Vốn điều lệ tương ứng nguồn vốn hình thành các tài sản chuyển giao tại mục 3.3.

3.6. Cổ đông và tỷ lệ vốn góp của cổ đông tại Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước và Công ty Thủy sản và Thương mại F32 sau khi tách là như nhau. Số lượng cổ phần tại hai doanh nghiệp sẽ được tính dựa trên tỷ lệ góp vốn tại hai doanh nghiệp, được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

3.7. Danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Thủy Sản và Thương Mại F32: Danh sách chi tiết tại Phụ lục II đính kèm.

3.8. Thời hạn thực hiện tách công ty: CTCP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước chốt số liệu bàn giao tại thời điểm 31/12/2025 và thực hiện hoàn tất việc bàn giao thực tế liên quan đến việc tách công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ban hành Nghị quyết này.

3.9. Điều lệ công ty: Điều lệ Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại F32 được trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua kèm theo Tờ trình này và là cơ sở để đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật

II. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị :

- Quyết định và triển khai các công việc cần thiết để thực hiện việc tách Công ty;
 - Thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan tại cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định pháp luật;
 - Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của 02 công ty được tách :
- + Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại An An

- + Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại F32;
- Quyết định số lượng, danh sách và chức danh của 02 công ty ;
- + Thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát;
- + Ban Giám đốc; Người đại diện theo pháp luật ;
- Quyết định việc ký các hồ sơ, tài liệu cần thiết để đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật.

Biểu quyết thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành đạt 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Điều 09 : Điều khoản thi hành.

Toàn văn Nghị quyết này đã được đọc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước và được các cổ đông tham dự đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 03 năm 2026.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 giao cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và những người có liên quan chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026
CÔNG TY CP THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC
CHỦ TỌA



Nơi nhận :

- Cổ đông;
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- UBKK nhà nước, Sở GDCK Hà nội;
- Bộ phận CBTT;
- Lưu VT HĐQT.

TRẦN VĂN LĨNH

PHỤ LỤC I

Công ty Cổ Phần Thủy Sản và Thương Mại An An

1. Danh mục Tài sản chuyển giao:

Danh mục tài sản Công ty Cổ Phần Thủy Sản và Thương Mại An An nhận từ Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước theo giá trị sổ sách chốt tại thời điểm 31/12/2025. Chi tiết như sau:

STT	Tài sản	Mã số	Đơn vị	Giá trị (VNĐ)
I	<i>Quyền sử dụng đất</i>			34.843.083.459
1	Quyền sử dụng đất tại tiền giang (có thời hạn)-An An	QSDDTG001	Quyền	15.991.500.555
2	Quyền sử dụng đất tại Tiền Giang (thời hạn lâu dài)-An An	QSDDTG002	Quyền	1.068.951.184
3	Quyền sử dụng đất tại tiền giang DT 1377.9 m2-An An	QSDDTG003	Quyền	15.713.885.382
4	Quyền sử dụng đất tại tiền giang DT 214.7 M2-An An	QSDDTG004	Quyền	2.068.746.338
II	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>			197.056.173.612
1	Khảo sát đo vẽ hình đồ vị trí bờ kè- nhà máy An An	BOKE	Bộ	8.738.941.821
2	Cổng chào nhà máy- nhà máy An An	CCNMAA	Bộ	84.830.252
3	Panel cách nhiệt kho lạnh - nhà máy An An	PCNKL	Bộ	38.082.421.419
4	Than đá đốt lò chạy thử lò hơi - nhà máy An An	NLH	Bộ	16.766.288
5	Đợt 1 Công trình xây dựng nhà máy - nhà máy An An	NXAA01	Hệ thống	74.274.041.965
6	San lấp mặt bằng nhà máy - nhà máy An An	SLMBNMTG	Hệ thống	2.192.667.499
7	Trạm xử lý nước thải và nước cấp - nhà máy An An	TXLNTNC001	Hệ thống	13.189.061.434
8	Nhà xe nhà xử lý bùn nhà máy An An	NXNXLB001	Hệ thống	565.152.465
9	Trạm xử lý nước cấp	TXLNTNC002	Hệ thống	3.451.745.438
10	Hạng mục hàng rào nhà máy An An	HRNMAA001	Hệ thống	5.449.299.727

11	Đợt 2 Nhà xưởng An An	NXAA02	Hệ thống	41.732.142.533
12	Nhà xưởng An An đợt 3 (Hạng mục điện nước)	NXAA03	Hệ thống	1.596.597.912
13	Trạm quan trắc Xử lý nước thải An An	TQTXLNTAA001	Hệ thống	747.149.843
14	Trạm xử lý nước thải nhà máy An An HĐ 25/19 - đợt 2	TXLNTAAD2	Hệ thống	6.935.355.016
III	Máy móc thiết bị			77.990.633.002
1	1 máy cắt bụng nobashi đôi theo HĐ số HD2025YT-2002/TP. ngày 20/02/2025 (hơn 92. 93)	MCBN1	Cái	568.758.065
2	1 máy phân cỡ camera PCC9/1-TN	MPCCMR	Cái	6.475.038.402
3	Hệ thống máy nén khí. Hệ thống sấy. tách ẩm và đường ống dẫn khí theo HĐ số HD2025YT-2807/TP. ngày 28/07/2025 (hơn 41)	HTMNK	Bộ	180.288.889
4	Hệ thống cân bàn điện tử (gồm 3 cân bàn điện tử và 5 quả cân gang) theo HĐ số ĐNTT/VMS-TP/2024/02 (HĐ 151)	HTCDTAA	Bộ	43.056.156
5	Máy dò kim loại Anritsu KDS7040ADW	MDKLKDS7040	Bộ	272.129.032
6	Máy cắt tôm Sushi Nhà máy An An	MCTAA001	Cái	130.333.333
7	Máy cắt tôm Sushi nhà máy An An	MCTAA002	Cái	135.188.889
8	Máy Hút màn co nhà máy An An	MHMCAA001	Cái	10.521.505
9	Máy đóng gói hút chân không 2 Ngăn An AN	MDGHCKAA003	Cái	91.950.538
10	2 máy đóng gói bao bì nhà máy An An (Model: SY-M901S)	MDGBBAA001	Cái	62.800.000
11	Máy đóng gói hút chân không 2 Ngăn An An (Model: J-V013A)	MDGHCKAA002	Cái	88.631.111
12	Máy ly tâm phòng Kỹ Thuật An An	MLTAA001	Cái	9.177.778

13	Máy mạ băng kiểu nhúng. phun sương Glory DSG18-M1000S. băng tải hóa cứng Glory HC18-M1400S. tủ điều khiển Groly Mancell cho line cấp đông số 2 theo HĐ 055 (Hđồng 1205/2021/HĐCCTB/VQ-TPAA)	MMBDLCD2	Bộ	918.947.748
14	Máy mạ băng kiểu nhúng. phun sương Glory DSG18-M1000S. băng tải hóa cứng Glory HC18-M1400S. tủ điều khiển Groly Mancell cho line cấp đông số 4 theo HĐ 055 (Hđồng 1205/2021/HĐCCTB/VQ-TPAA)	MMBDLCD4	Bộ	907.496.684
15	9 Bộ bàn băng chuyên thao tác. chế biến thủy sản (KT:1200x9000x800x1250) - Thân khung máy inox dày 2 li theo HĐ 638 (Hđồng 56/2022/HĐTC/TL-TP. ngày 10/08/2022)	9BBCTT1	Bộ	1.721.189.516
16	Bàn băng chuyên thao tác. chế biến thủy sản (350x18000x950) theo HĐ 639 (Hđồng 56/2022/HĐTC/TL-TP. ngày 10/08/2022)	BBBCTT2	Bộ	135.608.871
17	Máy đánh Bột - nhà máy An An	MDBAA	Cái	7.347.670
18	Máy đóng dây đai JN-740S nhà máy An An	MDDDJN740S	Cái	17.365.591
19	12 Bộ máy chiên tay (dùng để chiên tôm tằm Bột. HĐ 361. Thiên Lộc) - An An	MCTAA	Bộ	275.116.667
20	1 Bộ băng tải nạp liệu máy chiên (HĐ 362. Thiên Lộc - An An	BTNLMCT	Bộ	89.008.333
21	1 Hệ thống hút gió. cấp gió tươi (HĐ 363. Thiên Lộc) - An An	HTHGCGT	Bộ	161.833.333
22	Mua 1 xe nâng điện mới R20N-01. seri P21120M01431. 2000kg theo HĐ số 96/2022-HĐMB. ngày 5/5/2022(Hđơn 2997) - Nhà máy An An	XNDR20N-01	Chiếc	966.129.032

23	Mua 2 Bộ đồng hồ đo lưu lượng điện từ MAG 5100W theo HD 4.5	DHDLLD	Bộ	0
24	Hệ thống Máy chiên tôm Anh Phát An An	HTMCTAPAA	Hệ thống	1.393.158.720
25	Máy rửa tôm và băng tải nạp liệu nằm đứng	MRTBTNL001	Hệ thống	309.010.860
26	Hệ thống lò hơi Nhà Máy An An	HTLHANAN001	Hệ thống	272.605.083
27	Máy dò kim loại nhà máy An An	MDKAA001	Cái	71.595.699
28	Máy đóng gói hút chân không nhà máy An An	MDGHCKAA001	Cái	79.323.378
29	Hệ thống tủ điện và Bộ điều khiển - nhà máy An An	HTTDAA	Bộ	310.250.000
30	Máy in phun hitachi - nhà máy An An	MIPH	Bộ	9.677.419
31	Xe nâng hàng CHL - nhà máy An An	XNHST	Chiếc	0
32	Hệ thống cung cấp nguồn điện Nhà Máy An An	HTCCNDAA001	Hệ thống	122.653.211
33	Lập hồ sơ cấp phép và thi công 2 giếng khoan sâu 344m cho nhà máy An An	GIENGKHOAN344	Bộ	1.007.373.015
34	Máy dò kim loại KDS3012ABW	MDK07	Cái	18.973.889
35	Máy quần đai thùng JN-740S - nhà máy An An	MQDTJN740S	Bộ	4.450.269
36	Máy đuổi tôm Nobashi BS20.000 An An	MDTNBSAA01	Bộ	1.407.750.300
37	Băng chuyền siêu tốc - nhà máy An An	BCST	Bộ	10.418.661.379
38	Băng tải gom phế liệu trên băng chuyền Sushi .Nobashi- nhà máy An An	BTGPLSN	Bộ	7.075.288.653
39	Điện nước.phòng cháy chữa cháy - nhà máy An An	ĐN-PCCC	Bộ	10.905.211.055
40	Hệ thống máy cấp đông .máy nạp liệu - nhà máy An An	HTMCĐNL	Bộ	9.128.445.586
41	Hệ thống máy đá vẩy 20T- nhà máy An An	HTMĐV	Bộ	1.737.084.328
42	Hệ thống máy cấp liệu và máy hấp tôm - nhà máy An An	HTMCLVHT	Bộ	1.641.141.778

43	Giá đỡ máy đá vẩy - nhà máy An An	GĐMDV	Bộ	37.876.370
44	Mua 02 máy dò kim loại - nhà máy An An	MDKL02	Bộ	40.866.609
45	Máy đóng gói bao bì - nhà máy An An (2 Máy niền thùng JN-740S và 2 Máy hàn bao liên tục SY-M901S)	MĐGBB	Bộ	18.012.634
46	Máy giặt sấy công nghiệp 02 Bộ - nhà máy An An	MGSCN	Bộ	612.856.739
47	Máy In phun Hitachi - nhà máy An An	MIP	Bộ	8.899.523
48	Máy nén trục vít mycom - nhà máy An An	MNTV	Bộ	9.207.686.936
49	Máy phân cỡ YOKOYAKI - nhà máy An An	MPC	Bộ	6.853.856.559
50	Máy phát điện - nhà máy An An	MPĐ	Bộ	1.270.139.895
51	Máy quấn đai thùng và đóng bao bì - nhà máy An An (2 Máy hàn bao liên tục SY-M901S)	MQBB	Bộ	18.795.792
52	Hệ thống điều hòa văn phòng - nhà máy An An	HTĐHVP	Bộ	62.719.990
53	Hệ thống điều hòa văn phòng xưởng - nhà máy An An	HTĐHVPX	Bộ	18.647.704
54	Băng chuyền luộc Năm Dũng	BCLND002	Hệ thống	618.328.333
55	Máy đo quang phổ ZCR4300 - nhà máy An An	MDQPZCR4300	Bộ	15.923.298
56	Máy ly tâm Z206A - nhà máy An An	MLTZ206A	Bộ	1.493.441
57	Nồi hấp tiết trùng 100 lít - nhà máy An An	NHTT100L	Cái	1.618.280
58	Tủ sấy đôi lưu tự nhiên - nhà máy An An	TSDLTN	Cái	1.775.484
59	Tủ hút khí độc - Nhà máy An An	THKD	Cái	2.250.538
60	Máy đóng góp hút chân không J-V013A	MDGHCK7	Cái	16.447.556
61	Máy nén khí VA-100	MNKVA001	Cái	1.865.556
IV	Phương tiện vận tải truyền dẫn			11.012.033.200
1	Xe VinFast lux Sa 2.0 7 chỗ đời	XVFLUX20001	Chiếc	535.024.199

	2019			
2	Xe nâng hiệu Heli CDD16-350	XNHHELI001	Chiếc	9.525.253
3	Xe Nâng điện Linde R20N 2 tấn	XNDAA001	Chiếc	509.516.129
4	Xe nâng Hiệu HELI CQD16 - GC2SZ An An	XNCQD16001	Chiếc	69.169.111
5	Đường dây điện 22kw - nhà máy An An	ĐDD22KW	Bộ	1.954.126.744
6	4 xe nâng nhỏ - nhà máy An An	XNN	Bộ	31.067.425
7	Hệ thống điện mặt trời nổi lưới công suất 1000.1 KWP theo HĐ số 250311/SN-AA. ngày 11/03/2025 (HĐơn 324)	HTDMT	Hệ thống	7.903.604.339
V	Thiết bị, dụng cụ quản lý			111.161.960
1	Hệ thống báo cháy nhà máy An An (Nhà xe và kho Bao bì)	HTBCAA003	Hệ thống	53.730.223
2	Hệ thống lọc nước uống nhà máy An An	HTLN001	Hệ thống	16.140.387
3	Hệ thống Báo cháy nhà máy An An	HTBCAA001	Hệ thống	41.291.350
4	Máy photocopy HP Laserjet Managed MFP E72535DN-Nhà máy An An	MPTHP725351	Bộ	0
VI	Hàng tồn kho			314.897.375.649
VII	Chi phí trả trước			4.117.799.383
VIII	Tài sản dở dang dài hạn			5.748.520.370
	Tổng cộng			645.776.780.635

2. Danh sách người lao động chuyển sang Công ty Cổ phần Thủy Sản và Thương Mại An An:

Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước sẽ chuyển 1.067 lao động sang cho Công ty Cổ Phần Thủy sản và Thương mại An An sử dụng. Danh sách chi tiết như sau:

STT	Tên người lao động	Bộ phận	Hợp đồng lao động
1	Phạm Đình Nguyên	Ban Giám đốc	01555/HĐLĐ
2	Lê Thanh Thảo	Ban Giám đốc	11728/HĐLĐ
3	Đào Ngọc Thế	Ban Giám đốc	01646/HĐLĐ
4	Nguyễn Phi Cường	Ban Giám đốc	01613/HĐLĐ
5	Trần Văn Hưng	Ban Giám đốc	12828/HĐLĐ
6	Nguyễn Văn Hoàng	TCHC	14130/HĐLĐ
7	Huỳnh Quang Kiệt	TCHC	13538/HĐLĐ

STT	Tên người lao động	Bộ phận	Hợp đồng lao động
8	Trần Thị Thùy Trang	TCHC	14876/HĐLĐ
9	Lê Mai Khánh Ly	TCHC	14883/HĐLĐ
10	Dương Thị Thùy Trang	TCHC	14935/HĐLĐ
11	Trần Kim Huân	TCHC	15053/HĐLĐ
12	Dương Thị Mộng Tuyền	TCHC	15449/HĐLĐ
13	Hồng Vương Quốc	TCHC	16471/HĐLĐ
14	Nguyễn Thị Ngọc Loan	TCHC	20196/HĐLĐ
15	Hà Minh Tiến	Kinh doanh	20010/HĐLĐ
16	Phan Tiến Đạt	Cơ điện	13818/HĐLĐ
17	Nguyễn Tấn Phong	Cơ điện	14233/HĐLĐ
18	Võ Văn Đành	Cơ điện	14858/HĐLĐ
19	Võ Tấn Cường	Cơ điện	14880/HĐLĐ
20	Nguyễn Huy Hoàng	Cơ điện	15987/HĐLĐ
21	Trần Hoàng Tú	Cơ điện	16578/HĐLĐ
22	Nguyễn Văn Vũ	Cơ điện	16803/HĐLĐ
23	Lê Tấn Quân	Cơ điện	12871/HĐLĐ
24	Nguyễn Tấn Phát	Cơ điện	18113/HĐLĐ
25	Nguyễn Minh Tiến	Cơ điện	18162/HĐLĐ
26	Nguyễn Trọng Nhân	Cơ điện	20522/HĐLĐ
27	Lê Hoàng Khang	Cơ điện	20642/HĐLĐ
28	Nguyễn Anh Tuấn	Cơ điện	20777/HĐLĐ
29	Nguyễn Thanh Thiện	Cơ điện	20778/HĐLĐ
30	Nguyễn Trường Toàn	Vận hành	14206/HĐLĐ
31	Ngô Thành Tôn	Vận hành	14207/HĐLĐ
32	Nguyễn Trí An	Vận hành	14276/HĐLĐ
33	Nguyễn Thành Phú	Vận hành	14866/HĐLĐ
34	Trần Hữu Thọ	Vận hành	15093/HĐLĐ
35	Nguyễn Tấn An	Vận hành	15690/HĐLĐ
36	Võ Hiền Triết	Vận hành	15718/HĐLĐ
37	Phạm Thanh Hiền	Vận hành	15936/HĐLĐ
38	Lê Mạnh Khang	Vận hành	15963/HĐLĐ
39	Trương Văn Tràng	Vận hành	15988/HĐLĐ
40	Trương Chí Văn	Vận hành	16190/HĐLĐ
41	Đỗ Ngọc Hải	Vận hành	16867/HĐLĐ
83	Võ Ngọc Thiện	Vận hành	16071/HĐLĐ
84	Phùng Văn Cây	Vận hành	20604/HĐLĐ
42	Nguyễn Trung Cang	Kho lạnh	14421/HĐLĐ
43	Huỳnh Văn Vàng	Kho lạnh	14852/HĐLĐ
44	Nguyễn Minh Phụng	Kho lạnh	14877/HĐLĐ
45	Nguyễn Hữu Phúc	Kho lạnh	14882/HĐLĐ

STT	Tên người lao động	Bộ phận	Hợp đồng lao động
46	Trần Văn Mến	Kho lạnh	14987/HĐLĐ
47	Nguyễn Tuấn Duy	Kho lạnh	15448/HĐLĐ
48	Trần Thanh Tân	Kho lạnh	15712/HĐLĐ
49	Lê Minh Thảo	Kho lạnh	15785/HĐLĐ
50	Nguyễn Việt Duẩn	Kho lạnh	16382/HĐLĐ
51	Trương Nhật Đăng Khoa	Kho lạnh	15986/HĐLĐ
52	Nguyễn Văn Phùng	Kho lạnh	16115/HĐLĐ
53	Đỗ Thanh Phong	Kho lạnh	16249/HĐLĐ
54	Nguyễn Trọng Thắng	Kho lạnh	16389/HĐLĐ
55	Nguyễn Ngọc Trãi	Kho lạnh	17516/HĐLĐ
56	Nguyễn Hoài Phương	Kho lạnh	17767/HĐLĐ
57	Đoàn Lan Hiếu	Kho lạnh	17894/HĐLĐ
58	Nguyễn Hoàng Phương Tuấn	Kho lạnh	18323/HĐLĐ
59	Nguyễn Văn Nhớ	Kho lạnh	20011/HĐLĐ
60	Nguyễn Văn Trường Di	Kho lạnh	20322/HĐLĐ
61	Nguyễn Hữu Đan	Kho lạnh	20730/HĐLĐ
62	Võ Thanh Tùng	Kho lạnh	20731/HĐLĐ
63	Lê Tấn Đạt	Kho lạnh	21090/HĐLĐ
64	Nguyễn Trường Duy	Kho lạnh	21259/HĐLĐ
65	Phạm Minh Đức	KHVT	16488/HĐLĐ
66	Nguyễn Hữu Hậu	KHVT	17748/HĐLĐ
67	Lê Hồng Thương	KHVT	20952/HĐLĐ
68	Lê Tấn Đạt	KHVT	20953/HĐLĐ
69	Hồ Dương Mỹ	KHVT	15054/HĐLĐ
70	Lê Văn Tùng	KHVT	12364/HĐLĐ
71	Võ Thị Hồng Thơ	Kế toán	14869/HĐLĐ
72	Phạm Thị Kim Dung	Kế toán	17183/HĐLĐ
73	Nguyễn Thị Phương Hà	Kế toán	19319/HĐLĐ
74	Nguyễn Thị Như Ngọc	Kế toán	19514/HĐLĐ
75	Ngô Thị Ngọc Yến	Kế toán	20955/HĐLĐ
76	Lương Ngọc Thúy Vy	Kế toán	21209/HĐLĐ
77	Nguyễn Hoàng Ân	LAB	14419/HĐLĐ
78	Nguyễn Thị Kiều Xuân	LAB	15509/HĐLĐ
79	Trương Diễm Hạnh	LAB	15906/HĐLĐ
80	Nguyễn Văn Allrine	LAB	16721/HĐLĐ
81	Nguyễn Lâm Yên Ngân	LAB	18420/HĐLĐ
82	Huỳnh Ngọc Trân	LAB	20686/HĐLĐ
85	Huỳnh Bùi Hoàng Vịnh	Môi trường	14298/HĐLĐ
86	Huỳnh Văn Dũng	Môi trường	14376/HĐLĐ
87	Lê Thị Diễm Trúc	Môi trường	20370/HĐLĐ

100
 02
 03
 04
 05
 06
 07
 08
 09
 10
 11
 12
 13
 14
 15
 16
 17
 18
 19
 20
 21
 22
 23
 24
 25
 26
 27
 28
 29
 30
 31
 32
 33
 34
 35
 36
 37
 38
 39
 40
 41
 42
 43
 44
 45
 46
 47
 48
 49
 50
 51
 52
 53
 54
 55
 56
 57
 58
 59
 60
 61
 62
 63
 64
 65
 66
 67
 68
 69
 70
 71
 72
 73
 74
 75
 76
 77
 78
 79
 80
 81
 82
 83
 84
 85
 86
 87
 88
 89
 90
 91
 92
 93
 94
 95
 96
 97
 98
 99
 100

STT	Tên người lao động	Bộ phận	Hợp đồng lao động
88	Dương Phạm Anh Toàn	QC	16485/HĐLĐ
89	Đoàn Thị Diễm Ngọc	QC	15349/HĐLĐ
90	Nguyễn Thế Hoàng	QC	15650/HĐLĐ
91	Lê Thị Ngọc Nhung	QC	16187/HĐLĐ
92	Nguyễn Văn Tám	QC	16385/HĐLĐ
93	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	QC	17199/HĐLĐ
94	Nguyễn Thị Hải Ngân	QC	17200/HĐLĐ
95	Phan Anh Tuấn	QC	17647/HĐLĐ
96	Võ Văn Lành	QC	18709/HĐLĐ
97	Trần Thị Như Ý	QC	19280/HĐLĐ
98	Nguyễn Thị Oanh Thi	QC	19971/HĐLĐ
99	Huỳnh La Kim Trọng	QC	19993/HĐLĐ
100	Nguyễn Thị Kim Ngân	QC	20508/HĐLĐ
101	Đỗ Tấn Thịnh	QC	20919/HĐLĐ
102	Trần Thị Lệ Mai	QC	21020/HĐLĐ
103	Nguyễn Trường An Khan	QC	21151/HĐLĐ
104	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	QC	21183/HĐLĐ
105	Nguyễn Thị Kim Phụng	VPX1	12830/HĐLĐ
106	Phan Thị Thúy Oanh	VPX1	12829/HĐLĐ
107	Huỳnh Thanh Thoảng	VPX1	14934/HĐLĐ
108	Nguyễn Thị Bảo Hà	VPX1	15091/HĐLĐ
109	Phan Thị Cẩm Loan	VPX1	15352/HĐLĐ
110	Nguyễn Thúy An	VPX1	15916/HĐLĐ
111	Dương Thị Khuyến Nhủ	VPX1	16248/HĐLĐ
112	Phạm Hoài Hải Yên	VPX1	16763/HĐLĐ
113	Võ Thị Minh Thanh	VPX1	17198/HĐLĐ
114	Nguyễn Hoàng Minh Khánh	VPX1	17473/HĐLĐ
115	Nguyễn Văn Sơn	Bếp	20192/HĐLĐ
116	Nguyễn Thị Loan	Bếp	20193/HĐLĐ
117	Phùng Thị Bé Tám	Bếp	20194/HĐLĐ
118	Trần Văn Tiểu	Bếp	20232/HĐLĐ
119	Nguyễn Thị Loan Chi	Bếp	20233/HĐLĐ
120	Nguyễn Thanh Thủy	Bếp	20234/HĐLĐ
121	Phan Thị Thanh Ánh	Bếp	20235/HĐLĐ
122	Nguyễn Quốc Bảo	Bếp	20353/HĐLĐ
123	Phạm Cẩm Hồng	Bếp	21041/HĐLĐ
124	Nguyễn Thị Thanh Dung	Bếp	21285/HĐLĐ
125	Nguyễn Thanh Thủy	Bếp	21286/HĐLĐ
126	Trần Đình Công Hậu	KCS1	10718/HĐLĐ
127	Phan Thị Quân	KCS1	14319/HĐLĐ

1432
T.Y
HÀN
VÀ T.I
PHIẾ
TP. S

STT	Tên người lao động	Bộ phận	Hợp đồng lao động
128	Lê Thị Kiều Chinh	KCS1	15195/HĐLĐ
129	Lê Thị Chinh	KCS1	14861/HĐLĐ
130	Trần Biên Cường	KCS1	14863/HĐLĐ
131	Nguyễn Thị Phương Nhi	KCS1	14872/HĐLĐ
132	Huỳnh Tấn Quí	KCS1	14878/HĐLĐ
133	Lê Văn Vũ	KCS1	14879/HĐLĐ
134	Trần Thị Phương Quyên	KCS1	15052/HĐLĐ
135	Nguyễn Thị Kim Yến	KCS1	15092/HĐLĐ
136	Nguyễn Hoài Gia Huy	KCS1	15150/HĐLĐ
137	Nguyễn Thị Kim Mến	KCS1	15223/HĐLĐ
138	Trần Thị Tuyết Ngân	KCS1	15225/HĐLĐ
139	Nguyễn Văn Tâm	KCS1	16430/HĐLĐ
140	Nguyễn Thị Mỹ An	KCS1	16484/HĐLĐ
141	Trần Quan Văn	KCS1	16856/HĐLĐ
142	Lê Anh Thư	KCS1	16913/HĐLĐ
143	Lê Anh Duy	KCS1	16914/HĐLĐ
144	Nguyễn Phạm Minh Đoàn	KCS1	17014/HĐLĐ
145	Lê Thị Ngọc Trân	KCS1	17015/HĐLĐ
146	Hồ Thị Thu Nga	KCS1	17086/HĐLĐ
147	Lê Thị Kim Quyên	KCS1	17087/HĐLĐ
148	Nguyễn Thị Ngọc Trang	KCS1	17194/HĐLĐ
149	Lịch Thị Cẩm Vân	KCS1	17315/HĐLĐ
150	Nguyễn Thị Kim Loan	KCS1	17479/HĐLĐ
151	Nguyễn Ngọc Đạt	KCS1	17480/HĐLĐ
152	Đoàn Công Hậu	KCS1	17646/HĐLĐ
153	Võ Thị Ngọc Phụng	KCS1	17720/HĐLĐ
154	Châu Ngọc Thắm	KCS1	17914/HĐLĐ
155	Nguyễn Thị Yến Nhi	KCS1	17975/HĐLĐ
156	Nguyễn Anh Thơ	KCS1	18109/HĐLĐ
157	Lê Ngô Nhã Trúc	KCS1	18187/HĐLĐ
158	Phạm Quốc Thọ	KCS1	18392/HĐLĐ
159	Ngô Thị Minh Thư	KCS1	19091/HĐLĐ
160	Võ Minh Châu	KCS1	19283/HĐLĐ
161	Cao Chí Hưng	KCS1	19480/HĐLĐ
162	Lâm Thị Tuyết Ngân	KCS1	19624/HĐLĐ
163	Huỳnh Kim Hưng	KCS1	19652/HĐLĐ
164	Nguyễn Phạm Hoàng Diệu	KCS1	19909/HĐLĐ
165	Lê Thảo Vân	KCS1	20106/HĐLĐ
166	Nguyễn Trọng Linh	KCS1	20501/HĐLĐ
167	Lâm Hoàng Sơn	KCS1	20504/HĐLĐ

STT	Tên người lao động	Bộ phận	Hợp đồng lao động
168	Bùi Thị Trúc Vy	KCS1	20506/HĐLĐ
169	Nguyễn Văn Bình	KCS1	20573/HĐLĐ
170	Trần Như Hào	KCS1	20574/HĐLĐ
171	Ngô Huyền Trân	KCS1	20576/HĐLĐ
172	Phan Thị Cẩm Nhung	KCS1	20578/HĐLĐ
173	Phạm Lê Hồng Thẩm	KCS1	20733/HĐLĐ
174	Nguyễn Ngọc Thiên Uyên	KCS1	20918/HĐLĐ
175	Nguyễn Văn Hậu	BB01	14283/HĐLĐ
176	Trần Anh Tuấn	BB01	14309/HĐLĐ
177	Nguyễn Hữu Ngân	BB01	14800/HĐLĐ
178	Phạm Minh Tâm	BB01	15314/HĐLĐ
179	Nguyễn Minh Thiện	BB01	16439/HĐLĐ
180	Tạ Phú Thảo	BB01	16004/HĐLĐ
181	Vi Thị Nhung	BB01	16008/HĐLĐ
182	Cao Thị Dung	BB01	16492/HĐLĐ
183	Mai Thanh Phong	BB01	17892/HĐLĐ
184	Trương Nguyễn Hồng Diễm	BB01	18151/HĐLĐ
185	Võ Minh Thuận	BB01	18202/HĐLĐ
186	Huỳnh Kim Giang	BB01	18301/HĐLĐ
187	Nguyễn Thị Thanh Thủy	BB01	18331/HĐLĐ
188	Trần Thị Cẩm Tiên	BB01	18616/HĐLĐ
189	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	BB01	19201/HĐLĐ
190	Trần Thị Kim Mai	BB01	19323/HĐLĐ
191	Huỳnh Thảo My	BB01	19337/HĐLĐ
192	Trần Thị Thủy Tiên	BB01	19338/HĐLĐ
193	Nguyễn Ngọc Thành	BB01	20009/HĐLĐ
194	Trần Bảo Trung	BB01	20171/HĐLĐ
195	Trương Minh Hiền	BB01	20337/HĐLĐ
196	Hồ Huỳnh Gia Hân	BB01	20645/HĐLĐ
197	Đỗ Thị Như Quỳnh	BB01	20998/HĐLĐ
198	Lê Thị Mộng Ý	CB01	14311/HĐLĐ
199	Nguyễn Thị Ngọc Diệu	CB01	14326/HĐLĐ
200	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	CB01	14327/HĐLĐ
201	Đoàn Thị Tuyết Nhung	CB01	14332/HĐLĐ
202	Nguyễn Thị Bích Tuyền	CB01	14388/HĐLĐ
203	Đỗ Thị Mai Trinh	CB01	14389/HĐLĐ
204	Lê Thị Yến Lanh	CB01	14397/HĐLĐ
205	Đoàn Thị Gia Hân	CB01	14627/HĐLĐ
206	Tổng Thị Cẩm Giang	CB01	14656/HĐLĐ
207	Phạm Thị Mộng Đẹp	CB01	14670/HĐLĐ

STT	Tên người lao động	Bộ phận	Hợp đồng lao động
208	Phạm Thị Bé Tám	CB01	15196/HĐLĐ
209	Phạm Thị Thơ	CB01	15178/HĐLĐ
210	Lê Thị Yến Nhi	CB01	15300/HĐLĐ
211	Nguyễn Thị Kim Hương	CB01	15302/HĐLĐ
212	Lê Thị Kim Xoàn	CB01	15383/HĐLĐ
213	Phạm Thị Quyên	CB01	15919/HĐLĐ
214	Lê Thị Cẩm Hồng	CB01	16831/HĐLĐ
215	Mai Thị Kiều Phụng	CB01	16834/HĐLĐ
216	Nguyễn Như Thường	CB01	16848/HĐLĐ
217	Nguyễn Thị Kim Chi	CB01	16849/HĐLĐ
218	Phạm Thị Thu Hương	CB01	16417/HĐLĐ
219	Đặng Thị Kim Liên	CB01	16418/HĐLĐ
220	Võ Thị Ngọc Bắc	CB01	16482/HĐLĐ
221	Trần Thị Huỳnh Như	CB01	18583/HĐLĐ
222	Nguyễn Thị Kim Quý	CB01	19961/HĐLĐ
223	Trần Thị Cẩm Ly	CB01	20355/HĐLĐ
224	Trần Thị Cẩm Hằng	CB01	20717/HĐLĐ
225	Lưu Thị Thúy Loan	CB01	20737/HĐLĐ
226	Huỳnh Thị Thúy Duy	CB01	20833/HĐLĐ
227	Nguyễn Thị Thúy Ngân	CB01	20850/HĐLĐ
228	Hồ Thị Hoài Thương	CB01	20854/HĐLĐ
229	Nguyễn Thị Hồng Quỳnh	CB02	14342/HĐLĐ
230	Hồ Thị Loan	CB02	14348/HĐLĐ
231	Nguyễn Thị Kiều Phơ	CB02	14350/HĐLĐ
232	Nguyễn Thị Diệu Hiền	CB02	14363/HĐLĐ
233	Nguyễn Thị Mười	CB02	14370/HĐLĐ
234	Đoàn Thị Ngoan	CB02	15635/HĐLĐ
235	Trần Thị Thanh Thúy	CB02	15677/HĐLĐ
236	Dương Thị Chanh Na Qui	CB02	16103/HĐLĐ
237	Huỳnh Thị Mỹ Lan	CB02	16787/HĐLĐ
238	Phạm Thị Nguyệt	CB02	16789/HĐLĐ
239	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	CB02	17815/HĐLĐ
240	Phan Thị Màu	CB02	17816/HĐLĐ
241	Nguyễn Thị Bích Tuyền	CB02	17886/HĐLĐ
242	Huỳnh Thị Tuyết Nhi	CB02	18893/HĐLĐ
243	Nguyễn Hồng Lụa	CB02	18897/HĐLĐ
244	Nguyễn Đình Đan	CB02	18898/HĐLĐ
245	Phan Thị Hồng Đào	CB02	18899/HĐLĐ
246	Lê Thị Sô	CB02	19393/HĐLĐ
247	Nguyễn Thị Ngọc Phương	CB02	19483/HĐLĐ

STT	Tên người lao động	Bộ phận	Hợp đồng lao động
248	Nguyễn Thị Ngọc Hân	CB02	19486/HĐLĐ
249	Tăng Thị Kim Ngân	CB02	19488/HĐLĐ
250	Ấu Thị Quyền Chân	CB02	19498/HĐLĐ
251	Trần Thị Hồng Loan	CB02	20064/HĐLĐ
252	Võ Thị Kim Lanh	CB08	14697/HĐLĐ
253	Trần Thị Bích Ngọc	CB08	14711/HĐLĐ
254	Huỳnh Thị Ngọc Yến	CB08	14721/HĐLĐ
255	Nguyễn Thị Ngân	CB08	15198/HĐLĐ
256	Trần Thị Huệ	CB08	15744/HĐLĐ
257	Phạm Thị Lài	CB08	14731/HĐLĐ
258	Võ Thị Thanh Trước	CB08	14773/HĐLĐ
259	Phạm Thanh Thủy	CB08	14780/HĐLĐ
260	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	CB08	14788/HĐLĐ
261	Trần Thị Kim Phụng	CB08	15389/HĐLĐ
262	Đào Thị Bé Chín	CB08	15596/HĐLĐ
263	Huỳnh Thị Mai	CB08	16440/HĐLĐ
264	Lê Thị Anh Thư	CB08	18999/HĐLĐ
265	Võ Thị Thanh Tâm	CB08	20047/HĐLĐ
266	Lê Thị Kim Anh	CB08	20087/HĐLĐ
267	Lê Thị Như Ý	CB08	20426/HĐLĐ
268	Nguyễn Thị Thu Trang	CB08	20427/HĐLĐ
269	Phan Thị Thúy Ngân	CB08	20438/HĐLĐ
270	Phạm Thị Mỹ Duyên	CB08	20492/HĐLĐ
271	Đặng Thị Lộc	CB08	20736/HĐLĐ
272	Dương Thị Cẩm Tiên	CB08	20839/HĐLĐ
273	Nguyễn Thị Thanh Phương	CB08	20862/HĐLĐ
274	Đinh Lê Kim Ngân	CB08	20910/HĐLĐ
275	Trần Thị Trúc Ly	CB08	20992/HĐLĐ
276	Lê Thị Kim Phụng	CB10	16758/HĐLĐ
277	Nguyễn Hồng Trinh	CB10	15947/HĐLĐ
278	Đỗ Thị Thu Nga	CB10	17488/HĐLĐ
279	Lê Thị Bé Tám	CB10	19334/HĐLĐ
280	Nguyễn Thị Thủy Tiên	CB10	19919/HĐLĐ
281	Trần Thị Nhà Trân	CB10	20577/HĐLĐ
282	Lê Thị Thanh Loan	CB12	15086/HĐLĐ
283	Mai Thị Kiều Phương	CB12	15113/HĐLĐ
284	Nguyễn Thị Liên	CB12	15129/HĐLĐ
285	Cao Thị Kim Suất	CB12	15228/HĐLĐ
286	Châu Tuyết Nhung	CB12	15255/HĐLĐ
287	Nguyễn Thị Ngọc Việt	CB12	15257/HĐLĐ

STT	Tên người lao động	Bộ phận	Hợp đồng lao động
288	Hồ Thị Đàm	CB12	15258/HĐLĐ
289	Nguyễn Thị Thu Hà	CB12	15262/HĐLĐ
290	Nguyễn Thị Pha	CB12	17181/HĐLĐ
291	Trương Thị Chuyên	CB12	16243/HĐLĐ
292	Bùi Thị Diễm My	CB12	16706/HĐLĐ
293	Huỳnh Thị Yến Nhi	CB12	17175/HĐLĐ
294	Hoàng Thị Thảo	CB12	17596/HĐLĐ
295	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	CB12	17620/HĐLĐ
296	Nguyễn Thị Y Phụng	CB12	17627/HĐLĐ
297	Phạm Thanh Ngân	CB12	17632/HĐLĐ
298	Võ Thị Kim Ngân	CB12	17652/HĐLĐ
299	Lê Thị Bích Giàu	CB12	18325/HĐLĐ
300	Hồ Kim Ngọc	CB12	18336/HĐLĐ
301	Trần Thị Kim Vương	CB12	18819/HĐLĐ
302	Lê Thị Vân	CB12	19645/HĐLĐ
303	Lê Thị Tuyết Hồng	CB12	19931/HĐLĐ
304	Huỳnh Thị Cẩm Tiên	CB12	20046/HĐLĐ
305	Phan Thị Thùy Dung	CB12	20052/HĐLĐ
306	Huỳnh Thị Đẹp	CB12	20365/HĐLĐ
307	Cao Thị Thúy Hằng	CB12	21022/HĐLĐ
308	Trần Thị Ngọc Thụ	CB16	15362/HĐLĐ
309	Nguyễn Thị Kim	CB16	15968/HĐLĐ
310	Nguyễn Huỳnh Như	CB16	15970/HĐLĐ
311	Ngô Thị Kim Nhung	CB16	15975/HĐLĐ
312	Nguyễn Thị Mỹ Hương	CB16	15990/HĐLĐ
313	Phan Thị Thanh Thúy	CB16	16009/HĐLĐ
314	Nguyễn Thị Ngọc Sang	CB16	16011/HĐLĐ
315	Nguyễn Thị Như Huyền	CB16	16199/HĐLĐ
316	Thị Kiệm	CB16	16257/HĐLĐ
317	Nguyễn Thị Cẩm Loan	CB16	16258/HĐLĐ
318	Nguyễn Thu Ngân	CB16	16423/HĐLĐ
319	Nguyễn Thị Ngọc Hà	CB16	17090/HĐLĐ
320	Trần Thị Bích Trang	CB16	17094/HĐLĐ
321	Nguyễn Thị Thanh Thúy	CB16	17096/HĐLĐ
322	Trần Thị Phi	CB16	17097/HĐLĐ
323	Bùi Thị Kiều Vy	CB16	17521/HĐLĐ
324	Lê Đặng Khánh Vy	CB16	18024/HĐLĐ
325	Huỳnh Thị Phượng	CB16	18268/HĐLĐ
326	Kim Thị Khanh Thi	CB16	18269/HĐLĐ
327	Võ Thị Thùy Linh	CB16	18270/HĐLĐ

STT	Tên người lao động	Bộ phận	Hợp đồng lao động
328	Nguyễn Thị Phi	CB16	18756/HĐLĐ
329	Tổng Thị Cẩm Tiên	CB16	18933/HĐLĐ
330	Nguyễn Lê Trúc Phương	CB16	19240/HĐLĐ
331	Bùi Thị Tú Hào	CB16	19321/HĐLĐ
332	Võ Thị Trúc Ngân	CB16	19738/HĐLĐ
333	Lê Thị Thu Hiền	CB16	20131/HĐLĐ
334	Trần Lê Ngọc Ánh	CB16	20132/HĐLĐ
335	Bùi Thị Ngọc Tuyền	CB16	20145/HĐLĐ
336	Phạm Thị Thu Huế	CB16	20417/HĐLĐ
337	Nguyễn Thị Liên Em	CB16	20513/HĐLĐ
338	Mai Thị Hương	CB16	20543/HĐLĐ
339	Lê Thanh Kha	CB16	20549/HĐLĐ
340	Nguyễn Văn Lộc	CB16	20728/HĐLĐ
341	Trương Thị Ngọc Huyền	CB16	20861/HĐLĐ
342	Trần Thị Ngọc Thảo	CB16	21052/HĐLĐ
343	Nguyễn Thị Tú Hào	CB16	21143/HĐLĐ
344	Nguyễn Thị Liễu	CB19	14654/HĐLĐ
345	Trần Thị Lệ Thủy	CB19	14662/HĐLĐ
346	Lê Cát Thiên Anh	CB19	15753/HĐLĐ
347	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	CB19	14783/HĐLĐ
348	Nguyễn Thị Ngọc Nga	CB19	14789/HĐLĐ
349	Phạm Thị Ngọc Vàng	CB19	14791/HĐLĐ
350	Nguyễn Thị Ngoãn	CB19	14792/HĐLĐ
351	Nguyễn Thị Cúc	CB19	15743/HĐLĐ
352	Bùi Thị Cẩm Hân	CB19	16761/HĐLĐ
353	Nguyễn Thị Thắm	CB19	16767/HĐLĐ
354	Phạm Thị Ngọc Anh	CB19	16768/HĐLĐ
355	Nguyễn Thị Bé	CB19	16901/HĐLĐ
356	Võ Thị Bích Thoa	CB19	16902/HĐLĐ
357	Lê Thị Hiền	CB19	16546/HĐLĐ
358	Võ Thị Thu	CB19	16547/HĐLĐ
359	Lê Thị Điều Chị	CB19	16657/HĐLĐ
360	Nguyễn Thị Thùy Trang	CB19	16658/HĐLĐ
361	Nguyễn Thị Kim Quyên	CB19	16696/HĐLĐ
362	Nguyễn Thị Mỹ Dung	CB19	16699/HĐLĐ
363	Nguyễn Thị Hoài Thương	CB19	16700/HĐLĐ
364	Trần Thị Mỹ Trúc	CB19	16709/HĐLĐ
365	Lê Thị Nhanh	CB19	16798/HĐLĐ
366	Bùi Thị Cẩm Như	CB19	17376/HĐLĐ
367	Nguyễn Thị Minh Thư	CB19	17334/HĐLĐ

32
14
TÂN
HÀ T.
PHU
10

STT	Tên người lao động	Bộ phận	Hợp đồng lao động
368	Phùng Thị Ngọc Yên	CB19	17338/HĐLĐ
369	Nguyễn Thị Thanh Thanh	CB19	17391/HĐLĐ
370	Lê Thị Mỹ Huyền	CB19	17490/HĐLĐ
371	Nguyễn Thị Hồng Trúc	CB19	17491/HĐLĐ
372	Phạm Thị Cẩm Em	CB19	17492/HĐLĐ
373	Lê Thị Thanh Tuyền	CB19	17849/HĐLĐ
374	Nguyễn Thị Châu Pha	CB19	17979/HĐLĐ
375	Huỳnh Thị Nhẹ	CB19	18076/HĐLĐ
376	Nguyễn Thị Diễm Ngân	CB19	19147/HĐLĐ
377	Nguyễn Thị Hân	CB19	19149/HĐLĐ
378	Lê Thị Điều Em	CB19	19264/HĐLĐ
379	Phạm Thị Thảo Quyên	CB19	19751/HĐLĐ
380	Nguyễn Thị Thanh Thúy	CB19	20053/HĐLĐ
381	Võ Thị Lượm	CB19	20540/HĐLĐ
382	Huỳnh Thị Tuyết Nhi	CB19	20541/HĐLĐ
383	Võ Thị Đông	CB19	21000/HĐLĐ
384	Võ Thị Thanh Tuyền	CB20	15171/HĐLĐ
385	Nguyễn Huỳnh Ngọc Ngân	CB20	17831/HĐLĐ
386	Nguyễn Thanh Thảo	CB20	18512/HĐLĐ
387	Phạm Thị Trung Tiến	CB20	19036/HĐLĐ
388	Phạm Ngọc Thảo My	CB20	19040/HĐLĐ
389	Nguyễn Thị Ngọc Thi	CB20	19204/HĐLĐ
390	Nguyễn Thị Ngọc Mai	CB20	19293/HĐLĐ
391	Nguyễn Thị Ngọc Linh	CB20	19500/HĐLĐ
392	Phạm Thị Thúy An	CB20	19613/HĐLĐ
393	Nguyễn Thị Ngọc Mai	CB20	20225/HĐLĐ
394	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	CB20	20236/HĐLĐ
395	Đặng Thị Cẩm Tú	CB20	20295/HĐLĐ
396	Trần Thị Huỳnh Như	CB20	20632/HĐLĐ
397	Nguyễn Thị Thanh Ngân	CB20	20672/HĐLĐ
398	Nguyễn Thị Thanh Ngộ	CB20	20674/HĐLĐ
399	Nguyễn Thị Tiên	CB20	20719/HĐLĐ
400	Cao Anh Khoa	CB20	20836/HĐLĐ
401	Nguyễn Huỳnh Thanh	CB20	20878/HĐLĐ
402	Phạm Nguyễn Hồng Loan	CB20	20956/HĐLĐ
403	Nguyễn Phi Yên	CB20	20960/HĐLĐ
404	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	CB20	21053/HĐLĐ
405	Đỗ Thị Tuyết Nhi	CB21	16918/HĐLĐ
406	Trần Thị Cẩm Giang	CB21	16924/HĐLĐ
407	Đỗ Thị Kim Hiếu	CB21	16966/HĐLĐ

STT	Tên người lao động	Bộ phận	Hợp đồng lao động
408	Võ Ngọc Loan	CB21	16968/HĐLĐ
409	Phan Thị Ngọc Huyền	CB21	16983/HĐLĐ
410	Nguyễn Thị Gấm	CB21	17111/HĐLĐ
411	Nguyễn Hồng Hân	CB21	17224/HĐLĐ
412	Nguyễn Thị Kim Phượng	CB21	17225/HĐLĐ
413	Nguyễn Thị Hà Giang	CB21	17817/HĐLĐ
414	Nguyễn Thị Hoàng Anh	CB21	17953/HĐLĐ
415	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	CB21	17955/HĐLĐ
416	Nguyễn Thị Thu Thảo	CB21	17957/HĐLĐ
417	Nguyễn Thị Tiên	CB21	17986/HĐLĐ
418	Nguyễn Thị Huỳnh Như	CB21	18366/HĐLĐ
419	Nguyễn Ngọc Sang	CB21	18370/HĐLĐ
420	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	CB21	18372/HĐLĐ
421	Trần Thị Mỹ	CB21	18376/HĐLĐ
422	Tạ Lê Kim Tuyền	CB21	19310/HĐLĐ
423	Trần Thị Thanh Thúy	CB21	19387/HĐLĐ
424	Hồ Thị Trang	CB21	19388/HĐLĐ
425	Nguyễn Trúc Ngoan	CB21	19392/HĐLĐ
426	Nguyễn Thị Hạ Vy	CB21	19841/HĐLĐ
427	Nguyễn Thị Kim Hiếu	CB21	19843/HĐLĐ
428	Nguyễn Thị Thanh Ngân	CB21	19949/HĐLĐ
429	Nguyễn Thị Út Nhiều	CB21	20040/HĐLĐ
430	Nguyễn Thị Ngọc Hà	CB21	20085/HĐLĐ
431	Nguyễn Thị Lùn	CB21	20220/HĐLĐ
432	Trần Thị Mỹ Trang	CB21	20229/HĐLĐ
433	Trương Ngọc Hà My	CB21	20339/HĐLĐ
434	Nguyễn Thị Thanh Phương	CB21	20359/HĐLĐ
435	Trần Thị Ngọc Sương	CB21	20361/HĐLĐ
436	Dương Ngọc Phượng	CB21	20362/HĐLĐ
437	Thạch Huệ Trinh	CB21	20559/HĐLĐ
438	Trần Thị Thu Vân	CB21	20630/HĐLĐ
439	Phạm Thị Trà My	CB21	21058/HĐLĐ
440	Trương Thị Thu Vân	CB6H	14687/HĐLĐ
441	Nguyễn Thị Em	CB6H	14695/HĐLĐ
442	Nguyễn Thị Vân	CB6H	14699/HĐLĐ
443	Nguyễn Kim Ngân	CB6H	14707/HĐLĐ
444	Nguyễn Thị Kim Thoa	CB6H	14708/HĐLĐ
445	Lê Thị Thanh Tuyền	CB6H	14718/HĐLĐ
446	Võ Thị Kim Ngân	CB6H	14732/HĐLĐ
447	Dương Thị Kim Xuyên	CB6H	14738/HĐLĐ

04
C
C
HUY
TH
N

STT	Tên người lao động	Bộ phận	Hợp đồng lao động
448	Nguyễn Trúc Phương	CB6H	14739/HĐLĐ
449	Dương Thị Kim Thi	CB6H	16609/HĐLĐ
450	Nguyễn Thị Thùy	CB6H	16610/HĐLĐ
451	Hồ Thị Lanh	CB6H	16650/HĐLĐ
452	Huỳnh Thị Cẩm Linh	CB6H	17814/HĐLĐ
453	Lê Ngọc Quỳnh Như	CB6H	18132/HĐLĐ
454	Lương Kim Diễm	CB6H	18133/HĐLĐ
455	Lâm Thị Xuân Mai	CB6H	18422/HĐLĐ
456	Lê Hồng Trúc	CB6H	18425/HĐLĐ
457	Nguyễn Thị Hồng Phượng	CB6H	19957/HĐLĐ
458	Nguyễn Thị Mộng Thu	CB6H	20993/HĐLĐ
459	Nguyễn Thị Thiêm	CB6L	14706/HĐLĐ
460	Nguyễn Thị Diệu Thu	CB6L	14723/HĐLĐ
461	Trần Thị Diễm	CB6L	14727/HĐLĐ
462	Nguyễn Thị Thủy	CB6L	15238/HĐLĐ
463	Trần Thị Nhiên	CB6L	15252/HĐLĐ
464	Nguyễn Thanh Thúy	CB6L	15518/HĐLĐ
465	Trần Thị Ngọc Hoa	CB6L	15523/HĐLĐ
466	Phạm Thị Mỹ Hạnh	CB6L	15551/HĐLĐ
467	Nguyễn Thị Huệ	CB6L	15944/HĐLĐ
468	Nguyễn Thị Kim Phượng	CB6L	15922/HĐLĐ
469	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	CB6L	16611/HĐLĐ
470	Bùi Thị Dề	CB6L	16769/HĐLĐ
471	Trương Thị Hồng Huệ	CB6L	16120/HĐLĐ
472	Đặng Thị Châu	CB6L	16123/HĐLĐ
473	Nguyễn Thị Bích Ngọc	CB6L	17493/HĐLĐ
474	Trần Thị Thanh Thúy	CB6L	18447/HĐLĐ
475	Huỳnh Thị Mỹ Thuận	CB6L	18523/HĐLĐ
476	Nguyễn Hồng Linh	CB6L	18823/HĐLĐ
477	Trần Thị Kiều Oanh	CB6L	18995/HĐLĐ
478	Nguyễn Ngọc Mỹ Huyền	CB6L	19239/HĐLĐ
479	Nguyễn Thị Lệ Nguyên	CB6L	19296/HĐLĐ
480	Nguyễn Thị Ngọc Yến	CB6L	19297/HĐLĐ
481	Nguyễn Thị Thiệt	CB6L	20227/HĐLĐ
482	Trần Thị Dũng	CB6L	20363/HĐLĐ
483	Nguyễn Thị Ngọc Hân	CB6L	21036/HĐLĐ
484	Nguyễn Hoàng Ân	CDAN	17973/HĐLĐ
485	Nguyễn Ngọc Tường Hải	CDAN	20338/HĐLĐ
486	Hồ Văn Thanh	CDAN	20340/HĐLĐ
487	Nguyễn Tấn Thành	CDAN	20566/HĐLĐ

STT	Tên người lao động	Bộ phận	Hợp đồng lao động
488	Nguyễn Văn Triệu	CDAN	20638/HĐLĐ
489	Nguyễn Trọng Nhân	CDAN	20774/HĐLĐ
490	Trần Nhựt Duy	CDAN	20988/HĐLĐ
491	Cao Trường An	CDAN	21089/HĐLĐ
492	Lê Văn Lộc	CDB1	12384/HĐLĐ
493	Phan Thanh Bình	CDB1	15647/HĐLĐ
494	Lê Minh Tiếp	CDB1	17105/HĐLĐ
495	Nguyễn Văn Hoàng Linh	CDB1	17262/HĐLĐ
496	Nguyễn Thanh Lâm	CDB1	17340/HĐLĐ
497	Nguyễn Văn Kha	CDB1	17464/HĐLĐ
498	Trương Hoài Bảo	CDB1	17525/HĐLĐ
499	Nguyễn Chí Tâm	CDB1	17601/HĐLĐ
500	Nguyễn Văn Bạc	CDB1	17781/HĐLĐ
501	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	CDB1	17848/HĐLĐ
502	Nguyễn Văn Sơn	CDB1	18339/HĐLĐ
503	Huỳnh Khánh An	CDB1	18507/HĐLĐ
504	Lê Gia Khang	CDB1	18510/HĐLĐ
505	Nguyễn Thanh Hải Đăng	CDB1	18743/HĐLĐ
506	Nguyễn Quang Khanh	CDB1	18752/HĐLĐ
507	Nguyễn Ngọc Thạch	CDB1	18882/HĐLĐ
508	Dương Văn Hữu Duy	CDB1	19328/HĐLĐ
509	Lê Minh Giàu	CDB1	19872/HĐLĐ
510	Nguyễn Văn Chơn	CDB1	19969/HĐLĐ
511	Lê Văn Phong	CDB1	19970/HĐLĐ
512	Bùi Vĩnh Thoại	CDB1	20346/HĐLĐ
513	Lê Tiến Phát	CDB1	20422/HĐLĐ
514	Huỳnh Tấn Đạt	CDB1	20432/HĐLĐ
515	Võ Duy Anh	CDB1	20433/HĐLĐ
516	Trương Thanh Cường	CDB1	20441/HĐLĐ
517	Lê Văn Linh	CDB1	20444/HĐLĐ
518	Nguyễn Hữu Toàn	CDB1	20631/HĐLĐ
519	Trần Quốc Phách	CDB1	20641/HĐLĐ
520	Lưu Nhựt Qui	CDB1	21142/HĐLĐ
521	Võ Văn Điền	CDDI	16884/HĐLĐ
522	Nguyễn Văn Quyển	CDDI	17514/HĐLĐ
523	Trần Văn Bình	CDDI	17995/HĐLĐ
524	Đỗ Lê Phiêu	CDDI	18281/HĐLĐ
525	Nguyễn Trung An	CDDI	18514/HĐLĐ
526	Phan Quang Linh	CDDI	18617/HĐLĐ
527	Phạm Huỳnh Hải Âu	CDDI	18813/HĐLĐ

STT	Tên người lao động	Bộ phận	Hợp đồng lao động
528	Nguyễn Hữu Thành	CDDI	19694/HĐLĐ
529	Nguyễn Ngọc Thạch	CDDI	19792/HĐLĐ
530	Trần Thanh Trí	CDDI	19807/HĐLĐ
531	Hồ Thanh Lý	CDDI	20102/HĐLĐ
532	Quách Thành Danh	CDDI	20103/HĐLĐ
533	Lê Khánh Duy	CDDI	20215/HĐLĐ
534	Trần Trương Trúc Đào	CDDI	20223/HĐLĐ
535	Nguyễn Văn Suấn	CDDI	20384/HĐLĐ
536	Bùi Văn Chương	CDDI	20431/HĐLĐ
537	Phạm Hoàng Vũ	CDDI	20448/HĐLĐ
538	Bùi Phi Nghĩa	CDDI	20496/HĐLĐ
539	Bùi Quốc Kiệt	CDDI	20497/HĐLĐ
540	Trần Minh Mẫn	CDDI	20550/HĐLĐ
541	Dương Nam Sơn	CDDI	20827/HĐLĐ
542	Nguyễn Phước Hậu	CDDI	20828/HĐLĐ
543	Trần Văn Quý	CDDI	20984/HĐLĐ
544	Võ Minh Trí	CDDI	21190/HĐLĐ
545	Phan Tường Chinh	CDDT	14296/HĐLĐ
546	Đặng Quốc Việt	CDDT	14306/HĐLĐ
547	Nguyễn Văn Ngọc	CDDT	15955/HĐLĐ
548	Nguyễn Ngô Quốc Trung	CDDT	15978/HĐLĐ
549	Nguyễn Công Tiến	CDDT	16074/HĐLĐ
550	Phạm Văn Hải	CDDT	16313/HĐLĐ
551	Phan Hoàng Vũ	CDDT	17050/HĐLĐ
552	Trần Quan Phúc	CDDT	17531/HĐLĐ
553	Phạm Trường Thọ	CDDT	17963/HĐLĐ
554	Nguyễn Bằng Anh Tuấn	CDDT	19570/HĐLĐ
555	Trần Văn Quang Huy	CDDT	19864/HĐLĐ
556	Nguyễn Thành Tâm	CDDT	19867/HĐLĐ
557	Nguyễn Tiến Đạt	CDDT	20518/HĐLĐ
558	Nguyễn Minh Khánh	CDDT	20865/HĐLĐ
559	Nguyễn Võ Trường Giang	CDGI	15341/HĐLĐ
560	Nguyễn Trường Duy	CDGI	21144/HĐLĐ
561	Hồ Văn Thanh	CDGI	21147/HĐLĐ
562	Nguyễn Quốc Hải	CDK1	14377/HĐLĐ
563	Nguyễn Văn Sơn	CDK1	14385/HĐLĐ
564	Trần Minh Tiến	CDK1	15961/HĐLĐ
565	Nguyễn Ngọc Khánh	CDK1	15203/HĐLĐ
566	Nguyễn Tuấn Thanh	CDK1	17306/HĐLĐ
567	Lê Trần Thành Phát	CDK1	17537/HĐLĐ

CHỖ
CHỮ
TH
VN

STT	Tên người lao động	Bộ phận	Hợp đồng lao động
568	Ngô Văn Nam	CDK1	17613/HĐLĐ
569	Trần Minh Khánh	CDK1	17821/HĐLĐ
570	Ngô Nhật Tài	CDK1	17823/HĐLĐ
571	Trần Anh Bằng	CDK1	17974/HĐLĐ
572	Võ Văn Tèo	CDK1	18332/HĐLĐ
573	Nguyễn Bằng Anh Tú	CDK1	18380/HĐLĐ
574	Nguyễn Văn Phong	CDK1	18535/HĐLĐ
575	Nguyễn Thanh Tuấn	CDK1	18540/HĐLĐ
576	Nguyễn Thành Long	CDK1	19317/HĐLĐ
577	Nguyễn Thanh Tỷ	CDK1	19406/HĐLĐ
578	Nguyễn Văn Giang	CDK1	19510/HĐLĐ
579	Nguyễn Minh Chiến	CDK1	19648/HĐLĐ
580	Phạm Công Thượng	CDK1	19854/HĐLĐ
581	Phạm Cường Nghĩa	CDK1	20421/HĐLĐ
582	Võ Văn Vĩ	CDK1	21138/HĐLĐ
583	Nguyễn Thanh Chiến	CDL1	14289/HĐLĐ
584	Nguyễn Thanh Liêm	CDL1	15939/HĐLĐ
585	Lê Minh Tiến	CDL1	17367/HĐLĐ
586	Bùi Ngọc Vũ	CDL1	16654/HĐLĐ
587	Phan Văn Quý	CDL1	16988/HĐLĐ
588	Nguyễn Văn Thảo	CDL1	18650/HĐLĐ
589	Lê Vũ Trường	CDL1	18760/HĐLĐ
590	Huỳnh Quốc Thắng	CDL1	18808/HĐLĐ
591	Nguyễn Nhựt Duy	CDL1	19341/HĐLĐ
592	Trương Minh Hoàng Huy	CDL1	19348/HĐLĐ
593	Nguyễn Quốc Thái	CDL1	19619/HĐLĐ
594	Trần Văn Mừng	CDL1	19658/HĐLĐ
595	Lê Quốc Kiệt	CDL1	19966/HĐLĐ
596	Trương Diệu Huy	CDL1	20383/HĐLĐ
597	Võ Quốc Hưng	CDL1	20603/HĐLĐ
598	Nguyễn Võ Minh Nhật	CDL1	20639/HĐLĐ
599	Mai Hữu Nhân	CDL1	21070/HĐLĐ
600	Trần Tiểu Long	CDL1	21072/HĐLĐ
601	Nguyễn Thị Yến Nhi	CH01	14964/HĐLĐ
602	Võ Minh Tân	CH01	15009/HĐLĐ
603	Võ Thị Cẩm Thu	CH01	15131/HĐLĐ
604	Nguyễn Thị Ngọc Trí	CH01	15215/HĐLĐ
605	Lê Thị Bích Hào	CH01	15318/HĐLĐ
606	Nguyễn Thị Nhiên	CH01	15320/HĐLĐ
607	Nguyễn Thị Châu	CH01	15321/HĐLĐ

STT	Tên người lao động	Bộ phận	Hợp đồng lao động
608	Phan Thị Thúy An	CH01	15324/HĐLĐ
609	Lê Thị Kim Cương	CH01	15333/HĐLĐ
610	Nguyễn Thị Thanh Nguyên	CH01	15365/HĐLĐ
611	Huỳnh Thị Ngọc Dang	CH01	15966/HĐLĐ
612	Đoàn Thị Phương	CH01	15969/HĐLĐ
613	Nguyễn Thị Học Em	CH01	15982/HĐLĐ
614	Phùng Thị Lượn	CH01	15995/HĐLĐ
615	Nguyễn Thị Thom	CH01	16426/HĐLĐ
616	Đặng Thị Ngọc Hà	CH01	17099/HĐLĐ
617	Nguyễn Thị Kiều Phương	CH01	17155/HĐLĐ
618	Đỗ Thị Ngọc Thảo	CH01	17163/HĐLĐ
619	Huỳnh Thị Ngọc Hân	CH01	17595/HĐLĐ
620	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	CH01	17597/HĐLĐ
621	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	CH01	17598/HĐLĐ
622	Trần Thị Mỹ Hằng	CH01	17769/HĐLĐ
623	Trần Ngọc Mai	CH01	17771/HĐLĐ
624	Tăng Hồ Phi Nga	CH01	18190/HĐLĐ
625	Hồ Thị Hồng	CH01	18194/HĐLĐ
626	Nguyễn Thị Hồng Nhung	CH01	18489/HĐLĐ
627	Trần Thị Huỳnh Anh	CH01	18502/HĐLĐ
628	Nguyễn Thị Thanh Ngoan	CH01	18525/HĐLĐ
629	Lương Thị Thanh Thúy	CH01	18572/HĐLĐ
630	Nguyễn Thị Diệu	CH01	18573/HĐLĐ
631	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	CH01	18735/HĐLĐ
632	Nguyễn Khắc Chương	CH01	18835/HĐLĐ
633	Nguyễn Huỳnh Bảo	CH01	18889/HĐLĐ
634	Trần Bảo Trân	CH01	18929/HĐLĐ
635	Mai Thị Huế Trân	CH01	18932/HĐLĐ
636	Bùi Văn Nhân	CH01	19033/HĐLĐ
637	Khru Thanh Thúy	CH01	19796/HĐLĐ
638	Phan Thị Ngọc Diễm	CH01	19849/HĐLĐ
639	Bùi Thị Lý	CH01	19976/HĐLĐ
640	Nguyễn Thị Thu Thủy	CH01	20042/HĐLĐ
641	Lê Thị Thu Trang	CH01	20056/HĐLĐ
642	Phùng Thị Minh Ngọc	CH01	20157/HĐLĐ
643	Nguyễn Thị Tuyết Mai	CH01	20159/HĐLĐ
644	Lê Đỗ Đăng Trình	CH01	20188/HĐLĐ
645	Trịnh Kim Ngân	CH01	20372/HĐLĐ
646	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	CH01	20413/HĐLĐ
647	Phạm Hải Yến	CH01	20418/HĐLĐ

STT	Tên người lao động	Bộ phận	Hợp đồng lao động
648	Đặng Thị Thu	CH01	20539/HĐLĐ
649	Lê Thị Kim Thoại	CH01	20826/HĐLĐ
650	Dương Thúy Nguyên	CH01	20844/HĐLĐ
651	Nguyễn Thị Mộng Cầm	CH01	20908/HĐLĐ
652	Đặng Ánh Kiều	CH01	20924/HĐLĐ
653	Đỗ Thị Phương	CH01	20989/HĐLĐ
654	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	CH01	21187/HĐLĐ
655	Lê Hoàng Minh Thư	CH01	21188/HĐLĐ
656	Nguyễn Thị Thúy Hằng	CT01	15085/HĐLĐ
657	Nguyễn Thanh Hào	CT01	19795/HĐLĐ
658	Trương Hoàng An	CT01	20386/HĐLĐ
659	Dương Thanh Việt	CT01	20835/HĐLĐ
660	Huỳnh Quốc Tâm	CTNO	17239/HĐLĐ
661	Nguyễn Phúc Trường	CTNO	19950/HĐLĐ
662	Lê Thị Nghi	CTNO	19952/HĐLĐ
663	Âu Thị Thanh Thúy	CTNO	20041/HĐLĐ
664	Trần Thị Ngọc Anh	CTNO	20043/HĐLĐ
665	Phạm Thị Huỳnh Như	CTNO	20356/HĐLĐ
666	Nguyễn Thị Tiếp	CTNO	20357/HĐLĐ
667	Huỳnh Thị Hường	CTNO	20358/HĐLĐ
668	Dương Thị Non	CTNO	20476/HĐLĐ
669	Nguyễn Thị Thu Nga	CTNO	20480/HĐLĐ
670	Nguyễn Ngọc Hiệp	CTNO	20602/HĐLĐ
671	Phạm Minh Sang	CTNO	20909/HĐLĐ
672	Huỳnh Quốc An	CTNO	21131/HĐLĐ
673	Huỳnh Hồ Phát Đạt	HAP1	14286/HĐLĐ
674	Nguyễn Văn Hiếu	HAP1	14647/HĐLĐ
675	Nguyễn Khánh Duy	HAP1	15463/HĐLĐ
676	Võ Trung Phát	HAP1	16069/HĐLĐ
677	Trần Hồng Phúc	HAP1	16977/HĐLĐ
678	Nguyễn Anh Huy	HAP1	18381/HĐLĐ
679	Nguyễn Văn Phúc	HAP1	18383/HĐLĐ
680	Lê Minh Sơn	HAP1	18580/HĐLĐ
681	Nguyễn Văn Hậu	HAP1	18941/HĐLĐ
682	Võ Văn Tấn Tài	HAP1	19405/HĐLĐ
683	Nguyễn Phát Tài	HAP1	19610/HĐLĐ
684	Nguyễn Văn Đông	HAP1	19649/HĐLĐ
685	Nguyễn Hữu Duy	HAP1	19951/HĐLĐ
686	Nguyễn Tuấn An	HAP1	20382/HĐLĐ
687	Nguyễn Cao Minh Tiến	HAP1	20853/HĐLĐ

STT	Tên người lao động	Bộ phận	Hợp đồng lao động
688	Nguyễn Hữu Đức	HAP1	21071/HĐLĐ
689	Nguyễn Văn Bảo Quốc	HCK1	14305/HĐLĐ
690	Trần Quang Vinh	HCK1	14741/HĐLĐ
691	Đoàn Thị Thanh Kiệm	PC01	14392/HĐLĐ
692	Trần Thụy Cẩm Ngà	PC01	14400/HĐLĐ
693	Huỳnh Thị Long	PC01	14401/HĐLĐ
694	Nguyễn Thị Thảo	PC01	14625/HĐLĐ
695	Phạm Thị Kim Châu	PC01	14981/HĐLĐ
696	Thị Thị Tuyết Mai	PC01	15275/HĐLĐ
697	Nguyễn Thị Hồng Phương	PC01	16804/HĐLĐ
698	Võ Thị Hồng Thảo	PC01	17502/HĐLĐ
699	Nguyễn Đặng Bảo Ngọc	PC01	17508/HĐLĐ
700	Hình Thị Thanh Xuân	PC01	18079/HĐLĐ
701	Nguyễn Thị Hồng Gấm	PC01	19335/HĐLĐ
702	Nguyễn Thị Thanh Ngân	PC01	19496/HĐLĐ
703	Nguyễn Thị Huệ	PC01	19568/HĐLĐ
704	Trần Thị Nguyễn Mỹ	PC01	20957/HĐLĐ
705	Bùi Thị Cẩm Linh	PC01	21001/HĐLĐ
706	Ngô Thị Kim Thoa	PC01	21004/HĐLĐ
707	Trần Chánh Trung	PCAM	16107/HĐLĐ
708	Văn Tấn Thái	PCAM	16296/HĐLĐ
709	Lê Minh Thiện	PCAM	20385/HĐLĐ
710	Trần Lê Trường Duy	PCAM	20881/HĐLĐ
711	Lê Tuấn Anh	PCAM	21002/HĐLĐ
712	Trần Duy Quý	PCAM	21005/HĐLĐ
713	Lê Nhựt Trường	PCAM	21038/HĐLĐ
714	Lê Trung Thạnh	PCMS	15956/HĐLĐ
715	Nguyễn Phúc Sang	PCMS	14834/HĐLĐ
716	Đặng Minh Tâm	PCMS	14922/HĐLĐ
717	Trần Thanh Duy	PCMS	15282/HĐLĐ
718	Nguyễn Văn Hậu	PCMS	15614/HĐLĐ
719	Trần Linh Tâm	PCMS	15684/HĐLĐ
720	Thạch Khánh	PCMS	16104/HĐLĐ
721	Nguyễn Đồng Phong	PCMS	16109/HĐLĐ
722	Nguyễn Khánh Duy	PCMS	16292/HĐLĐ
723	Cao Quốc Triều	PCMS	16295/HĐLĐ
724	Hồ Hoàng Tấn	PCMS	16981/HĐLĐ
725	Nguyễn Hồng Đức	PCMS	18150/HĐLĐ
726	Huỳnh Việt Trung	PCMS	18267/HĐLĐ
727	Trần Vĩnh Phát	PCMS	19758/HĐLĐ

STT	Tên người lao động	Bộ phận	Hợp đồng lao động
728	Trần Hữu Tài	PCMS	20163/HĐLĐ
729	Lê Văn Tề	PCMT	14977/HĐLĐ
730	Nguyễn Văn Nghĩa	PCMT	15598/HĐLĐ
731	Trần Ngọc Bình	PCMT	15617/HĐLĐ
732	Võ Quốc Kiệt	PCMT	16813/HĐLĐ
733	Nguyễn Ngọc Hùng	PCMT	17236/HĐLĐ
734	Nguyễn Hoàng Tuấn	PCMT	17742/HĐLĐ
735	Nguyễn Thành Thượng	PCMT	17749/HĐLĐ
736	Trần Ngọc Đông	PCMT	18104/HĐLĐ
737	Nguyễn Minh Tân	PCMT	18651/HĐLĐ
738	Nguyễn Văn Phước	PCMT	19345/HĐLĐ
739	Trần Thanh Luận	PCMT	19507/HĐLĐ
740	Phạm Văn Phúc Linh	PCMT	19861/HĐLĐ
741	Tổng Nhựt Quốc	PCMT	20368/HĐLĐ
742	Trần Văn Chương	PCMT	20380/HĐLĐ
743	Lê Đỗ Ngọc Tiến	PCMT	20680/HĐLĐ
744	Đỗ Thanh Hiệp	PL01	14652/HĐLĐ
745	Nguyễn Hồng Giang	PL01	15625/HĐLĐ
746	Trần Minh Luân	PL01	20925/HĐLĐ
747	Nguyễn Duy Hảo	PV01	14615/HĐLĐ
748	Nguyễn Văn Vàng	PV01	15105/HĐLĐ
749	Lê Minh Hiền	PV01	15108/HĐLĐ
750	Nguyễn Thành Sang	PV01	15270/HĐLĐ
751	Huỳnh Hữu Lộc	PV01	15437/HĐLĐ
752	Trương Hoàng Sơn	PV01	16095/HĐLĐ
753	Nguyễn Văn Lợi	PV01	16260/HĐLĐ
754	Nguyễn Tân Chinh	PV01	16667/HĐLĐ
755	Lê Văn Thương	PV01	17166/HĐLĐ
756	Nguyễn Thanh Lịch	PV01	17664/HĐLĐ
757	Huỳnh Văn Lâm	PV01	17840/HĐLĐ
758	Lê Thành Đạt	PV01	17852/HĐLĐ
759	Nguyễn Văn Hây	PV01	17972/HĐLĐ
760	Nguyễn Anh Tuấn	PV01	18338/HĐLĐ
761	Cao Thanh Giàu	PV01	18438/HĐLĐ
762	Trần Hoàng Minh Tâm	PV01	20545/HĐLĐ
763	Nguyễn Tấn Lợi	PV01	20571/HĐLĐ
764	Ngô Hữu Đạt	PV01	20716/HĐLĐ
765	Phạm Quốc Khánh	PV01	21150/HĐLĐ
766	Trần Thị Ngọc Mai	PV02	14315/HĐLĐ
767	Huỳnh Thị Lộc	PV02	15745/HĐLĐ

STT	Tên người lao động	Bộ phận	Hợp đồng lao động
768	Phạm Thị Mười Ba	PV02	14403/HĐLĐ
769	Nguyễn Thị Phương Thư	PV02	14685/HĐLĐ
770	Hồ Thị Đẹp	PV02	15749/HĐLĐ
771	Trần Thị Kim Giúp	PV02	16247/HĐLĐ
772	Nguyễn Thị Nghĩa	PV02	16796/HĐLĐ
773	Huỳnh Lệ Thúy	PV02	16907/HĐLĐ
774	Trần Thanh Nhựt	PV02	18284/HĐLĐ
775	Nguyễn Thị Lượm	PV02	18324/HĐLĐ
776	Nguyễn Tấn Khang	PV02	20347/HĐLĐ
777	Võ Tấn Đạt	PV02	20354/HĐLĐ
778	Phan Tấn Huy	PV02	20601/HĐLĐ
779	Nguyễn Thị Thể	PV02	20633/HĐLĐ
780	Trần Minh Khoa	PVC1	17962/HĐLĐ
781	Nguyễn Trí Thức	PVC1	19620/HĐLĐ
782	Ngô Thành Luân	PVC1	19927/HĐLĐ
783	Nguyễn Văn Suông	PVC1	20165/HĐLĐ
784	Nguyễn Văn Sự	PVC1	20829/HĐLĐ
785	Đinh Minh Lôi	PVC1	20830/HĐLĐ
786	Huỳnh Văn Thảo	PVNO	16606/HĐLĐ
787	Ngô Nguyễn Quốc Hiệp	PVNO	16612/HĐLĐ
788	Phan Văn Hào	PVNO	16640/HĐLĐ
789	Nguyễn Hoài Phương	PVNO	17528/HĐLĐ
790	Trần Minh Thức	PVNO	18938/HĐLĐ
791	Nguyễn Quốc Thịnh	PVNO	20226/HĐLĐ
792	Nguyễn Thành Phát	PVNO	20825/HĐLĐ
793	Nguyễn Thành Tâm	PVNO	21062/HĐLĐ
794	Nguyễn Hoàng Sang	PVS1	14984/HĐLĐ
795	Nguyễn Trọng Phúc	PVS1	16092/HĐLĐ
796	Đoàn Công Trí	PVS1	16112/HĐLĐ
797	Nguyễn Vũ Khanh	PVS1	19394/HĐLĐ
798	Lê Hùng Tín	PVS1	19852/HĐLĐ
799	Mai Hoàng Nam	PVS1	20209/HĐLĐ
800	Châu Lê Văn Tân	PVS1	20516/HĐLĐ
801	Nguyễn Kim Phúc	PVSS	16593/HĐLĐ
802	Nguyễn Xuân Thìn	PVSS	17277/HĐLĐ
803	Huỳnh Minh Khôi	PVSS	17495/HĐLĐ
804	Huỳnh Tấn Phát	PVSS	17765/HĐLĐ
805	Lê Đức Duy Khanh	PVSS	17970/HĐLĐ
806	Nguyễn Minh Tiên	PVSS	18506/HĐLĐ
807	Huỳnh Phước Lộc	PVSS	18511/HĐLĐ

STT	Tên người lao động	Bộ phận	Hợp đồng lao động
808	Trần Minh Đăng	PVSS	18536/HĐLĐ
809	Hồ Nguyễn Quang Vinh	PVSS	18539/HĐLĐ
810	Phạm Gia Thiện	PVSS	18541/HĐLĐ
811	Nguyễn Quốc Đại	PVSS	20367/HĐLĐ
812	Ngô Quốc Đạt	PVSS	20493/HĐLĐ
813	Trịnh Văn Tiến Đạt	PVSS	20649/HĐLĐ
814	Nguyễn Hoàng Tâm	PVSS	20943/HĐLĐ
815	Nguyễn Văn Tân	PVT1	14383/HĐLĐ
816	Phạm Văn Sang	PVT1	14594/HĐLĐ
817	Phùng Văn Phụng	PVT1	14979/HĐLĐ
818	Nguyễn Hoàng Phi	PVT1	17188/HĐLĐ
819	Phạm Văn Thắng	PVT1	17157/HĐLĐ
820	Lê Minh Việt	PVT1	17764/HĐLĐ
821	Hồ Minh Quân	PVT1	19793/HĐLĐ
822	Võ Văn Niên	PVTB	18537/HĐLĐ
823	Phan Văn Xinh	PVTB	19492/HĐLĐ
824	Lê Minh Hòa	PVTB	19572/HĐLĐ
825	Võ Thanh Nhiều	PVTB	20170/HĐLĐ
826	Nguyễn Thanh Truyền	PVXQ	14779/HĐLĐ
827	Nguyễn Đình Duy	PVXQ	17838/HĐLĐ
828	Lê Văn Nhựt	RQSS	15942/HĐLĐ
829	Lương Minh Nhựt	RQSS	19047/HĐLĐ
830	Nguyễn Hữu Khánh	RQSS	19078/HĐLĐ
831	Nguyễn Đăng Khoa	RQSS	19114/HĐLĐ
832	Nguyễn Văn Thành	RQSS	20312/HĐLĐ
833	Trần Vũ Duy	RQSS	20349/HĐLĐ
834	Nguyễn Đức Thịnh	RQSS	21133/HĐLĐ
835	Võ Ngọc Dung	TKSX	14335/HĐLĐ
836	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	TKSX	14417/HĐLĐ
837	Cao Thị Thùy Ngân	TKSX	14655/HĐLĐ
838	Phan Huỳnh Thanh Ngân	TKSX	14873/HĐLĐ
839	Nguyễn Thị Mỹ Hải	TKSX	14972/HĐLĐ
840	Nguyễn Thị Lệ Hoa	TKSX	14990/HĐLĐ
841	Mai Thị Ngọc Yến	TKSX	15090/HĐLĐ
842	Âu Thị Nga	TKSX	15632/HĐLĐ
843	Trần Thị Tiên	TKSX	16469/HĐLĐ
844	Lê Thị Mỹ Hân	TKSX	16544/HĐLĐ
845	Mai Thị Ngọc Em	TKSX	16656/HĐLĐ
846	Nguyễn Thị Ngọc Vân	TKSX	17164/HĐLĐ
847	Trần Thị Thảo Trâm	TKSX	17191/HĐLĐ

STT	Tên người lao động	Bộ phận	Hợp đồng lao động
848	Đỗ Thị Thoại Mỹ	TKSX	17312/HĐLĐ
849	Huỳnh Lê Trâm Anh	TKSX	17313/HĐLĐ
850	Phạm Cường Nhân	TKSX	17616/HĐLĐ
851	Trương Nguyễn Thùy Dung	TKSX	17768/HĐLĐ
852	Nguyễn Thị Cẩm Lài	TKSX	18044/HĐLĐ
853	Trần Thị Trâm Xuân	TKSX	18163/HĐLĐ
854	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	TKSX	18188/HĐLĐ
855	Trương Thị Mỹ Hạnh	TKSX	18812/HĐLĐ
856	Nguyễn Thị Huệ	TKSX	18894/HĐLĐ
857	Huỳnh Thùy Trang	TKSX	18896/HĐLĐ
858	Đặng Thị Thảo My	TKSX	19304/HĐLĐ
859	Nguyễn Thị Huỳnh Hương	TKSX	20005/HĐLĐ
860	Đoàn Thị Bích Ngọc	TKSX	20120/HĐLĐ
861	Nguyễn Thị Quỳnh Như	TKSX	20134/HĐLĐ
862	Đoàn Thị Ngọc Bích	TKSX	20135/HĐLĐ
863	Triệu Ngọc Lụa	TKSX	20268/HĐLĐ
864	Nguyễn Ngọc Dương	TKSX	20434/HĐLĐ
865	Hứa Ngọc Phú	TKSX	20831/HĐLĐ
866	Nguyễn Ngọc Quý	TKSX	20882/HĐLĐ
867	Võ Thị Hương	TM	15885/HĐLĐ
868	Võ Văn Đông	TM	15886/HĐLĐ
869	Nguyễn Ngọc Huyền	TM01	17241/HĐLĐ
870	Võ Bùi Minh Châu	TM01	17730/HĐLĐ
871	Nguyễn Thị Như Quỳnh	TM01	19515/HĐLĐ
872	Trần Ngọc Hiếu Hiền	TM01	20858/HĐLĐ
873	Lê Xinh Đức	TM01	14641/HĐLĐ
874	Trần Minh Tiến	TM01	14643/HĐLĐ
875	Lê Minh Quốc	TM01	14644/HĐLĐ
876	Huỳnh Văn Tuấn	TM01	14650/HĐLĐ
877	Nguyễn Hoàng An	TM01	17904/HĐLĐ
878	Trần Vũ Quang	TM01	18009/HĐLĐ
879	Trần Huỳnh Nhu	TM01	18099/HĐLĐ
880	Nguyễn Tiến Anh	TM01	18138/HĐLĐ
881	Nguyễn Quốc Cường	TM01	19085/HĐLĐ
882	Nguyễn Thanh Nhân	TM01	19874/HĐLĐ
883	Lê Văn Dũng	TM01	20094/HĐLĐ
884	Phạm Quốc Thái	TM01	20112/HĐLĐ
885	Võ Minh Chiêu	TM01	20852/HĐLĐ
886	Lê Trường Giang	TM01	20864/HĐLĐ
887	Nguyễn Thị Lâu	TPHU	19955/HĐLĐ

STT	Tên người lao động	Bộ phận	Hợp đồng lao động
888	Trần Thị Yên	TPHU	19956/HĐLĐ
889	Trần Thị Thu Ngân	TPHU	20360/HĐLĐ
890	Trần Thị Chiêm	TPHU	20486/HĐLĐ
891	Nguyễn Thu Thảo	TPHU	20487/HĐLĐ
892	Nguyễn Thị Huyền	TPHU	20488/HĐLĐ
893	Huỳnh Thị Thùy Trang	TPHU	20489/HĐLĐ
894	Nguyễn Thị Phần	TPHU	20490/HĐLĐ
895	Nguyễn Thị Riêng	TPHU	20491/HĐLĐ
896	Nguyễn Thị Đợi	TPHU	20498/HĐLĐ
897	Nguyễn Thị Hằng	TPHU	20687/HĐLĐ
898	Nguyễn Hoa Bút	TPHU	20689/HĐLĐ
899	Lê Thị Khuyên	TPHU	20690/HĐLĐ
900	Phạm Thị Phú	TPHU	20699/HĐLĐ
901	Nguyễn Thị Lương	TPHU	20700/HĐLĐ
902	Nguyễn Thị Kim Hạnh	TPHU	20702/HĐLĐ
903	Trần Thị Hường	TPHU	20720/HĐLĐ
904	Hồ Thị Hồng	TPHU	20724/HĐLĐ
905	Hồ Thị Muội	TPHU	20775/HĐLĐ
906	Thạch Thị Chiên	TPHU	20783/HĐLĐ
907	Trần Thị Thúy Linh	TPHU	20824/HĐLĐ
908	Ngô Thúy Duy	TPHU	21054/HĐLĐ
909	Nguyễn Thị Nguyệt Huế	TPHU	21055/HĐLĐ
910	Trần Thị Thúy Trang	TPHU	21056/HĐLĐ
911	Quách Thị Yên Ngọc	TPHU	21132/HĐLĐ
912	Phạm Văn Thảo	TPHU	21134/HĐLĐ
913	Hồ Thị Út	TPHU	21136/HĐLĐ
914	Trần Thị Chi	TPHU	21137/HĐLĐ
915	Dương Thị Chung	TPHU	21139/HĐLĐ
916	Nguyễn Thúy Diễm	TPHU	21177/HĐLĐ
917	Phạm Thị Bưởi	TPHU	21178/HĐLĐ
918	Thái Thị Nhiên	TPHU	21181/HĐLĐ
919	Bùi Thị Điệp	TPHU	21182/HĐLĐ
920	Trịnh Thị Tuyền	TPHU	20923/HĐLĐ
921	Nguyễn Thị Hồng Gấm	TRAG	14354/HĐLĐ
922	Lê Thị Châu	TRAG	14975/HĐLĐ
923	Trần Thị Chín	TRAG	16753/HĐLĐ
924	Phạm Thị Tuyết Loan	TRAG	15079/HĐLĐ
925	Huỳnh Thị Hà Phương	TRAG	16754/HĐLĐ
926	Bùi Thị Trúc Linh	TRAG	16755/HĐLĐ
927	Phùng Thị Thắm	TRAG	16756/HĐLĐ

STT	Tên người lao động	Bộ phận	Hợp đồng lao động
928	Nguyễn Thị Thúy	TRAG	15277/HĐLĐ
929	Nguyễn Thị Hằng	TRAG	17505/HĐLĐ
930	Trần Thị Ngọc Linh	TRAG	17895/HĐLĐ
931	Lê Thị Minh Thư	TRAG	19735/HĐLĐ
932	Nguyễn Thị Kim Chi	TRAG	19844/HĐLĐ
933	Nguyễn Hồng Thoa	TRAG	20348/HĐLĐ
934	Nguyễn Thị Bảnh	TRAG	20495/HĐLĐ
935	Lê Như Ý	TRAG	20849/HĐLĐ
936	Nguyễn Thị Bé Thảo	TRAG	20911/HĐLĐ
937	Trần Thị Mỹ Phú	TRAG	20985/HĐLĐ
938	Đỗ Thị Kim Ngân	TRAG	21059/HĐLĐ
939	Đặng Ngọc Hồng	TRAG	21180/HĐLĐ
940	Lê Văn Bình	TRUC	14605/HĐLĐ
941	Võ Thị Diễm	TRUC	15752/HĐLĐ
942	Nguyễn Thị Trúc Phương	TRUC	16390/HĐLĐ
943	Lý Ngọc Cơ	TRUC	18271/HĐLĐ
944	Ngô Thị Thúy	TRUC	19318/HĐLĐ
945	Nguyễn Thị Mỹ Dung	TRUC	19958/HĐLĐ
946	Lê Thị Nhiên	TRUC	19959/HĐLĐ
947	Thạch Thị Thẩm	TRUC	20230/HĐLĐ
948	Huỳnh Thị Thùy Linh	TRUC	20231/HĐLĐ
949	Nguyễn Thị Trúc Mai	TRUC	20822/HĐLĐ
950	Trần Thị Thu	TRUC	20990/HĐLĐ
951	Nguyễn Thị Kim Thu	TRUC	21130/HĐLĐ
952	Lê Thị Kim Yến	TRUC	21184/HĐLĐ
953	Nguyễn Tấn Bảo	TRUC	21088/HĐLĐ
954	Phạm Thị Thanh Trúc	TT01	14356/HĐLĐ
955	Đoàn Thị Nương	TT01	14630/HĐLĐ
956	Đỗ Thị Tuyết Nga	TT01	16480/HĐLĐ
957	Võ Thị Lệ Hằng	TT01	17371/HĐLĐ
958	Nguyễn Thị Trúc Uyên	TT01	17374/HĐLĐ
959	Võ Thị Nho	TT01	17458/HĐLĐ
960	Ngô Thị Thùy Trang	TT01	17489/HĐLĐ
961	Nguyễn Thị Diễm	TT01	19842/HĐLĐ
962	Phan Thị Mỹ Tiên	UYEN	19295/HĐLĐ
963	Trần Thị Oanh	UYEN	19611/HĐLĐ
964	Nguyễn Thị Thu Thảo	UYEN	20336/HĐLĐ
965	Huỳnh Thị Yến Vy	UYEN	20510/HĐLĐ
966	Nguyễn Thị Phương Du	UYEN	20511/HĐLĐ
967	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	UYEN	20512/HĐLĐ

00
 NG T
 PHÁ
 N VÀ
 N PHU
 TP

STT	Tên người lao động	Bộ phận	Hợp đồng lao động
968	Huỳnh Như	UYEN	20563/HĐLĐ
969	Trần Thị Kim Tú	UYEN	20579/HĐLĐ
970	Lê Cát Phi Anh	UYEN	20597/HĐLĐ
971	Nguyễn Thị Kim Lanh	UYEN	20598/HĐLĐ
972	Nguyễn Thị Ái Nhân	UYEN	20599/HĐLĐ
973	Nguyễn Thị Lanh	UYEN	20644/HĐLĐ
974	Nguyễn Thị Trúc	UYEN	20718/HĐLĐ
975	Lê Thị Cẩm Vân	UYEN	20738/HĐLĐ
976	Nguyễn Thị Diễm Thúy	UYEN	20768/HĐLĐ
977	Trần Thị Vân	UYEN	20769/HĐLĐ
978	Đặng Thị Thúy	UYEN	20770/HĐLĐ
979	Phạm Thị Vui	UYEN	20772/HĐLĐ
980	Phạm Thị Phi Yến	UYEN	20837/HĐLĐ
981	Nguyễn Thị Trúc Phương	UYEN	20874/HĐLĐ
982	Nguyễn Thị Giàu	UYEN	20879/HĐLĐ
983	Đặng Thị Kiều Hạnh	UYEN	20987/HĐLĐ
984	Lê Ngô Như Trúc	UYEN	21057/HĐLĐ
985	Huỳnh Thị Cẩm Giang	UYEN	21084/HĐLĐ
986	Tô Thanh Hằng	UYEN	21135/HĐLĐ
987	Trần Thị Hiền	UYEN	21140/HĐLĐ
988	Nguyễn Thị Thanh Xuân	UYEN	21141/HĐLĐ
989	Lê Thị Thanh Thủy	UYEN	21061/HĐLĐ
990	Nguyễn Thái Hiền	XL01	15141/HĐLĐ
991	Bùi Văn Mẫn	XL01	15242/HĐLĐ
992	Phan Bảo Tín	XL01	16490/HĐLĐ
993	Danh Thanh Lum	XL01	16989/HĐLĐ
994	Phan Châu Thanh	XL01	19327/HĐLĐ
995	Nguyễn Minh Huy	XL01	19875/HĐLĐ
996	Nguyễn Minh Tuấn	XL01	20679/HĐLĐ
997	Điền Thái Sang	XL01	20683/HĐLĐ
998	Võ Lê Minh	XMSS	16809/HĐLĐ
999	Nguyễn Minh Chính	XMSS	16815/HĐLĐ
1000	Trương Hoàng Thông	XMSS	16428/HĐLĐ
1001	Nguyễn Xuân Tiến	XMSS	16644/HĐLĐ
1002	Nguyễn Thanh Việt	XMSS	16801/HĐLĐ
1003	Nguyễn Quốc Duy	XMSS	16802/HĐLĐ
1004	Huỳnh Tấn Đạt	XMSS	17274/HĐLĐ
1005	Cao Hoài Thương	XMSS	17741/HĐLĐ
1006	Nguyễn Văn Đạt	XMSS	19292/HĐLĐ
1007	Nguyễn Văn Ngọc Ngờ	XMSS	19647/HĐLĐ

STT	Tên người lao động	Bộ phận	Hợp đồng lao động
1008	Nguyễn Minh Hiếu	XMSS	19661/HĐLĐ
1009	Trần Quốc Trọng	XMSS	19743/HĐLĐ
1010	Phạm Tấn Lực	XMSS	19801/HĐLĐ
1011	Dương Trọng Nhân	XMSS	20147/HĐLĐ
1012	Nguyễn Ngô Tấn Phát	XMSS	20166/HĐLĐ
1013	Nguyễn Hồng Thái	XMSS	20677/HĐLĐ
1014	Phạm Nhật Minh	XMSS	20684/HĐLĐ
1015	Nguyễn Trường Thi	XQ01	14331/HĐLĐ
1016	Võ Thị Kim Đang	XQ01	14340/HĐLĐ
1017	Đặng Thị Nhớ	XQ01	14368/HĐLĐ
1018	Nguyễn Thị Hạnh	XQ01	14661/HĐLĐ
1019	Đỗ Thị Hồng	XQ01	15739/HĐLĐ
1020	Nguyễn Thị Mơ	XQ01	14682/HĐLĐ
1021	Đặng Thị Dung	XQ01	16752/HĐLĐ
1022	Nguyễn Thanh Thủy	XQ01	15940/HĐLĐ
1023	Nguyễn Thị Thảo Ngoan	XQ01	16759/HĐLĐ
1024	Huỳnh Thị Bé	XQ01	16494/HĐLĐ
1025	Đặng Thị Diễm Sương	XQ01	16503/HĐLĐ
1026	Nguyễn Ngô Trang Bích Phượng	XQ01	17370/HĐLĐ
1027	Đặng Thị Diễm My	XQ01	17482/HĐLĐ
1028	Võ Thị Nam Ý	XQ01	17819/HĐLĐ
1029	Nguyễn Thị Thùy Trang	XQ01	18071/HĐLĐ
1030	Trần Thị Ngọc Giàu	XQ01	18134/HĐLĐ
1031	Phạm Thị Cẩm Hiếu	XQ01	18193/HĐLĐ
1032	Trần Thị Loan	XQ01	18198/HĐLĐ
1033	Phạm Thị Mỹ Thường	XQ01	18610/HĐLĐ
1034	Trần Thị Ngọc Chân	XQ01	18818/HĐLĐ
1035	Nguyễn Thị Tú Sương	XQ01	19389/HĐLĐ
1036	Lê Nhật Linh	XQ01	19395/HĐLĐ
1037	Nguyễn Thị Kim Hoa	XQ01	20371/HĐLĐ
1038	Ngô Thị Kim Oanh	XQ01	20375/HĐLĐ
1039	Trần Thị Diễm	XQ01	20416/HĐLĐ
1040	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	XQ01	20634/HĐLĐ
1041	Nguyễn Thị Hồng Giang	XQ01	20851/HĐLĐ
1042	Nguyễn Thị Thùy Dương	XQ01	20942/HĐLĐ
1043	Trần Thị Thanh Trúc	XQ01	20995/HĐLĐ
1044	Trần Thị Cẩm Nhung	XQ01	20996/HĐLĐ
1045	Phạm Võ Vàng	XQ01	21003/HĐLĐ
1046	Lý Thành Trung	VN15	12814/HĐLĐ
1047	Lê Văn Hoàng	VN15	16347/HĐLĐ

STT	Tên người lao động	Bộ phận	Hợp đồng lao động
1048	Trần Thanh Toàn	VN50	12358/HĐLĐ
1049	Nguyễn Hữu Tình	VN50	12359/HĐLĐ
1050	Đào Minh Bến	VN50	12360/HĐLĐ
1051	Liêu Văn Hoài	VN50	12439/HĐLĐ
1052	Trịnh Hoài Nam	VN50	12696/HĐLĐ
1053	Võ Văn Bảy	VN50	12366/HĐLĐ
1054	Lê Tấn Lực	VN50	17006/HĐLĐ
1055	Phạm Khắc Trung	VN60	12362/HĐLĐ
1056	Nguyễn Văn Yên	VN60	12363/HĐLĐ
1057	Trần Văn Tấn	VN60	13328/HĐLĐ
1058	Trương Tấn Hiếu	VN60	19589/HĐLĐ
1059	Hồ Tấn Đạt	VN60	17485/HĐLĐ
1060	Phan Thành Lâm	VN60	17545/HĐLĐ
1061	Trịnh Vũ Khang	VN60	17003/HĐLĐ
1062	Nguyễn Hoàng Nhân	VN80	12692/HĐLĐ
1063	Trần Thanh Tài	VN80	12365/HĐLĐ
1064	Đoàn Tất Linh	VN80	12528/HĐLĐ
1065	Nguyễn Long Đình	VN80	12640/HĐLĐ
1066	Nguyễn Thành Hây	VN80	19216/HĐLĐ
1067	Trịnh Thị Lệ	VN80	17539/HĐLĐ

3. Danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Thủy Sản và Thương Mại An An:

STT	Họ và Tên	Quốc tịch	Tổng số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Bùi Giang Nam	Việt Nam	1.981	19.810.000	0,0187%
2	Bùi Thị Hạnh	Việt Nam	6.601	66.010.000	0,0625%
3	Bùi Văn Hùng	Việt Nam	1.907	19.070.000	0,0180%
4	Bùi Văn Nhân	Việt Nam	4.254	42.540.000	0,0403%
5	Châu Quang Lễ	Việt Nam	3.765	37.650.000	0,0356%
6	Châu Quang Thu	Việt Nam	14.229	142.290.000	0,1347%
7	Châu Thị Triều	Việt Nam	781	7.810.000	0,0074%
8	Chế Văn Sơn	Việt Nam	880	8.800.000	0,0083%
9	Doãn Thị Thanh Thủy	Việt Nam	1.466	14.660.000	0,0139%
10	DƯƠNG MUÔI MUÔI	Việt Nam	1	10.000	0,0000%
11	DƯƠNG VĂN CẢNH	Việt Nam	24	240.000	0,0002%
12	Dương Quang Thắng	Việt Nam	5.622	56.220.000	0,0532%
13	Dương Thị Bình	Việt Nam	5.868	58.680.000	0,0555%

14	Dương Thị Tuyết Hằng	Việt Nam	156.470	1.564.700.000	1,4807%
15	Dương Văn Trung	Việt Nam	3.521	35.210.000	0,0333%
16	HOÀNG ĐÌNH HỨA	Việt Nam	6.845	68.450.000	0,0648%
17	Hoàng Thị Kim Lệ	Việt Nam	2.640	26.400.000	0,0250%
18	Hoàng Thị Kim Vinh	Việt Nam	3.912	39.120.000	0,0370%
19	Hoàng Thị Lệ Thu	Việt Nam	4.889	48.890.000	0,0463%
20	Hoàng Thị Phụng	Việt Nam	3.960	39.600.000	0,0375%
21	Hoàng Thị Tuyết Hạnh	Việt Nam	5.280	52.800.000	0,0500%
22	Hoàng Thị Tuyết Nhung	Việt Nam	3.227	32.270.000	0,0305%
23	Huỳnh Bá Khanh	Việt Nam	1.466	14.660.000	0,0139%
24	Huỳnh Diệu Thúy	Việt Nam	2.053	20.530.000	0,0194%
25	Huỳnh Lượng	Việt Nam	733	7.330.000	0,0069%
26	Huỳnh Ngọc Tuấn	Việt Nam	1.613	16.130.000	0,0153%
27	Huỳnh Thế Hiển	Việt Nam	5.805	58.050.000	0,0549%
28	Huỳnh Thị Bích Hạnh	Việt Nam	3.374	33.740.000	0,0319%
29	Huỳnh Thị Dung	Việt Nam	586	5.860.000	0,0055%
30	Huỳnh Thị Huyền	Việt Nam	1.319	13.190.000	0,0125%
31	Huỳnh Thị Hường	Việt Nam	5.721	57.210.000	0,0541%
32	Huỳnh Thị Lợi	Việt Nam	4.131	41.310.000	0,0391%
33	Huỳnh Thị Nguyệt	Việt Nam	1.466	14.660.000	0,0139%
34	Huỳnh Thị Ngọc Tuyết	Việt Nam	1.174	11.740.000	0,0111%
35	Huỳnh Thị Thảo	Việt Nam	439	4.390.000	0,0042%
36	Huỳnh Thị Thế	Việt Nam	3.813	38.130.000	0,0361%
37	Huỳnh Văn Sau	Việt Nam	13.838	138.380.000	0,1310%
38	Huỳnh Văn Tiếp	Việt Nam	2.933	29.330.000	0,0278%
39	Huỳnh Đình Trọng	Việt Nam	5.868	58.680.000	0,0555%
40	Hà Bích Vân Lisa	Việt Nam	1	10.000	0,0000%
41	Hà Thị Hiền	Việt Nam	6.943	69.430.000	0,0657%
42	Hà Thị Thu Thủy	Việt Nam	2.053	20.530.000	0,0194%
43	Hà Đăng Hòa	Việt Nam	12.224	122.240.000	0,1157%
44	Hà Đức Thành	Việt Nam	1.174	11.740.000	0,0111%
45	Hồ Công Thiện	Việt Nam	880	8.800.000	0,0083%
46	Hồ Nhật Tuyên	Việt Nam	6.551	65.510.000	0,0620%
47	Hồ Thị Kiều Tiên	Việt Nam	14.595	145.950.000	0,1381%
48	Hồ Thị Lam Phương	Việt Nam	1.319	13.190.000	0,0125%
49	Hồ Thị Mỹ Tiên	Việt Nam	3.813	38.130.000	0,0361%
50	Hồ Thị Phúc	Việt Nam	2.860	28.600.000	0,0271%
51	Hồ Thị Thanh Trúc	Việt Nam	244	2.440.000	0,0023%
52	Hồ Thị Thủy Dương	Việt Nam	586	5.860.000	0,0055%

53	Hồ Thị Tình	Việt Nam	2.933	29.330.000	0,0278%
54	Hồ Thị Ánh Loan	Việt Nam	586	5.860.000	0,0055%
55	Hồ Tiến Dũng	Việt Nam	7.334	73.340.000	0,0694%
56	Hồ Văn Bớt	Việt Nam	7.921	79.210.000	0,0750%
57	Liêu Phúc Tường	Việt Nam	7.334	73.340.000	0,0694%
58	LÊ HOÀNG	Việt Nam	489	4.890.000	0,0046%
59	LÊ THỊ HƯƠNG	Việt Nam	48	480.000	0,0005%
60	LÊ THỊ MAI HƯƠNG	Việt Nam	880	8.800.000	0,0083%
61	LÊ THỊ MINH THẢO	Việt Nam	597.018	5.970.180.000	5,6497%
62	LÊ THỊ NGỌC SƯƠNG	Việt Nam	5.280	52.800.000	0,0500%
63	Lâm Thị Hồng Tâm	Việt Nam	2.884	28.840.000	0,0273%
64	Lê Anh Thương	Việt Nam	6.454	64.540.000	0,0611%
65	Lê Hùng Anh	Việt Nam	1.613	16.130.000	0,0153%
66	Lê Phước Thi	Việt Nam	98	980.000	0,0009%
67	Lê Quang Hưng	Việt Nam	2.493	24.930.000	0,0236%
68	Lê Thanh Giang	Việt Nam	586	5.860.000	0,0055%
69	Lê Thanh Hải	Việt Nam	390	3.900.000	0,0037%
70	Lê Thanh Thảo	Việt Nam	668.743	6.687.430.000	6,3284%
71	Lê Thanh Thủy	Việt Nam	2.933	29.330.000	0,0278%
72	Lê Thanh Tùng	Việt Nam	2.347	23.470.000	0,0222%
73	Lê Thị Biên	Việt Nam	4.889	48.890.000	0,0463%
74	Lê Thị Bích Na	Việt Nam	2.053	20.530.000	0,0194%
75	Lê Thị Bửu Sanh	Việt Nam	2.200	22.000.000	0,0208%
76	Lê Thị Diệu Huệ	Việt Nam	1.760	17.600.000	0,0167%
77	Lê Thị Hoa	Việt Nam	5.574	55.740.000	0,0527%
78	Lê Thị Hoàng Lan	Việt Nam	293	2.930.000	0,0028%
79	Lê Thị Hồng Loan	Việt Nam	1.760	17.600.000	0,0167%
80	Lê Thị Hồng Sáng	Việt Nam	3.227	32.270.000	0,0305%
81	Lê Thị Mai	Việt Nam	8.899	88.990.000	0,0842%
82	Lê Thị Minh Nguyên	Việt Nam	1.466	14.660.000	0,0139%
83	Lê Thị Nhi	Việt Nam	5	50.000	0,0000%
84	Lê Thị Sự	Việt Nam	660	6.600.000	0,0062%
85	Lê Thị Thanh Bình	Việt Nam	3.618	36.180.000	0,0342%
86	Lê Thị Thanh Lực	Việt Nam	1.319	13.190.000	0,0125%
87	Lê Thị Thanh Nguyệt	Việt Nam	4.547	45.470.000	0,0430%
88	Lê Thị Thu	Việt Nam	1.319	13.190.000	0,0125%
89	Lê Thị Trinh	Việt Nam	1.565	15.650.000	0,0148%
90	Lê Thị Trường	Việt Nam	10.562	105.620.000	0,0999%
91	Lê Thị Ái Trinh	Việt Nam	3.227	32.270.000	0,0305%

DƯỚI
 LÊN
 CỐ
 ỦY S
 TH
 Y TR

92	Lê Thị Đông	Việt Nam	2.640	26.400.000	0,0250%
93	Lê Tuấn	Việt Nam	9.828	98.280.000	0,0930%
94	Lê Tấn Đơn	Việt Nam	18.092	180.920.000	0,1712%
95	Lê Tự Gia Thạnh	Việt Nam	3.960	39.600.000	0,0375%
96	Lê Viết Long	Việt Nam	1.466	14.660.000	0,0139%
97	Lê Việt Hà	Việt Nam	2.151	21.510.000	0,0204%
98	Lê Văn Cường	Việt Nam	121.023	1.210.230.000	1,1453%
99	Lê Văn Trình	Việt Nam	13.203	132.030.000	0,1249%
100	Lê Văn Đại	Việt Nam	4.889	48.890.000	0,0463%
101	Lê Đức Kiên	Việt Nam	48	480.000	0,0005%
102	Lê Đức Trần Đầu	Việt Nam	439	4.390.000	0,0042%
103	Mai Hoàng Hưng	Việt Nam	48	480.000	0,0005%
104	Mai Thị Lên	Việt Nam	2.249	22.490.000	0,0213%
105	Mai Thị Thắm	Việt Nam	439	4.390.000	0,0042%
106	Mai Đăng Hải	Việt Nam	6.650	66.500.000	0,0629%
107	NGUYỄN CÔNG THÀNH	Việt Nam	2.983	29.830.000	0,0282%
108	NGUYỄN HOÀNG SƠN	Việt Nam	98	980.000	0,0009%
109	NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	Việt Nam	9	90.000	0,0001%
110	NGUYỄN KHÁNH TOÀN	Việt Nam	1.466	14.660.000	0,0139%
111	NGUYỄN SINH DŨNG THẮNG	Việt Nam	0	0	0,0000%
112	NGUYỄN SIÊU MẶN	Việt Nam	0	0	0,0000%
113	NGUYỄN THÀNH ĐƯỢC	Việt Nam	537	5.370.000	0,0051%
114	NGUYỄN THỊ HOÀNG SƯƠNG	Việt Nam	293	2.930.000	0,0028%
115	NGUYỄN THỊ MINH HIỀN	Việt Nam	1	10.000	0,0000%
116	NGUYỄN THỊ MINH ĐỨC	Việt Nam	1	10.000	0,0000%
117	NGUYỄN THỊ THÚY CHI	Việt Nam	1.174	11.740.000	0,0111%
118	NGUYỄN VIỆT QUÂN	Việt Nam	58.629	586.290.000	0,5548%
119	NGUYỄN VĂN CHUNG	Việt Nam	2.347	23.470.000	0,0222%
120	NGUYỄN VĂN CHUNG	Việt Nam	2.347	23.470.000	0,0222%
121	NGUYỄN VĂN DŨNG	Việt Nam	0	0	0,0000%
122	NGUYỄN VĂN HUY	Việt Nam	195	1.950.000	0,0018%
123	NGUYỄN VĂN HỒ	Việt Nam	4.889	48.890.000	0,0463%
124	NGUYỄN ĐỨC QUỲNH	Việt Nam	0	0	0,0000%
125	Nguyễn Châu	Việt Nam	2.249	22.490.000	0,0213%
126	Nguyễn Các Khánh	Việt Nam	1.956	19.560.000	0,0185%
127	Nguyễn Công Tuấn	Việt Nam	3.521	35.210.000	0,0333%
128	Nguyễn Hoài Đức	Việt Nam	5.868	58.680.000	0,0555%

129	Nguyễn Hoàng Oanh	Việt Nam	2.640	26.400.000	0,0250%
130	Nguyễn Hải Hà	Việt Nam	2.249	22.490.000	0,0213%
131	Nguyễn Hải Nam	Việt Nam	660	6.600.000	0,0062%
132	Nguyễn Hữu Nam	Việt Nam	733	7.330.000	0,0069%
133	Nguyễn Hữu Tuấn	Việt Nam	3.521	35.210.000	0,0333%
134	Nguyễn Khánh Huyền	Việt Nam	2.933	29.330.000	0,0278%
135	Nguyễn Ngọc Phúc Diễm	Việt Nam	48	480.000	0,0005%
136	Nguyễn Quang Cường	Việt Nam	586	5.860.000	0,0055%
137	Nguyễn Quý	Việt Nam	9.535	95.350.000	0,0902%
138	Nguyễn Quốc Hà	Việt Nam	24	240.000	0,0002%
139	Nguyễn Quốc Trường	Việt Nam	1.565	15.650.000	0,0148%
140	Nguyễn Quốc Tân	Việt Nam	4.401	44.010.000	0,0416%
141	Nguyễn Thanh An	Việt Nam	733	7.330.000	0,0069%
142	Nguyễn Thanh Bảo Duy	Việt Nam	15.158	151.580.000	0,1434%
143	Nguyễn Thanh Quý	Việt Nam	1.466	14.660.000	0,0139%
144	Nguyễn Thanh Sơn	Việt Nam	2.151	21.510.000	0,0204%
145	Nguyễn Thu Huyền	Việt Nam	16.723	167.230.000	0,1583%
146	Nguyễn Thế Phương	Việt Nam	1.760	17.600.000	0,0167%
147	Nguyễn Thị Bích Huệ	Việt Nam	2.640	26.400.000	0,0250%
148	Nguyễn Thị Bích Thuận	Việt Nam	2.347	23.470.000	0,0222%
149	Nguyễn Thị Bích Thủy	Việt Nam	1.760	17.600.000	0,0167%
150	Nguyễn Thị Cẩm Lệ	Việt Nam	2.689	26.890.000	0,0254%
151	Nguyễn Thị Cẩm Uyên	Việt Nam	4.401	44.010.000	0,0416%
152	Nguyễn Thị Diệu My	Việt Nam	5.280	52.800.000	0,0500%
153	Nguyễn Thị Dung	Việt Nam	33.109	331.090.000	0,3133%
154	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Việt Nam	2.933	29.330.000	0,0278%
155	Nguyễn Thị Hà	Việt Nam	733	7.330.000	0,0069%
156	Nguyễn Thị Hòa	Việt Nam	5.868	58.680.000	0,0555%
157	Nguyễn Thị Hương Trinh	Việt Nam	3.227	32.270.000	0,0305%
158	Nguyễn Thị Hạo	Việt Nam	2.419	24.190.000	0,0229%
159	Nguyễn Thị Hồng	Việt Nam	7.334	73.340.000	0,0694%
160	Nguyễn Thị Hồng Linh	Việt Nam	733	7.330.000	0,0069%
161	Nguyễn Thị Hồng Đào	Việt Nam	1.907	19.070.000	0,0180%
162	Nguyễn Thị Kim Dung	Việt Nam	2.933	29.330.000	0,0278%
163	Nguyễn Thị Kim Hạnh	Việt Nam	1.760	17.600.000	0,0167%
164	Nguyễn Thị Kim Liên	Việt Nam	4.180	41.800.000	0,0396%
165	Nguyễn Thị Kim Loan	Việt Nam	733	7.330.000	0,0069%
166	Nguyễn Thị Kim Phượng	Việt Nam	3.521	35.210.000	0,0333%
167	Nguyễn Thị Kim Phượng	Việt Nam	7.921	79.210.000	0,0750%

168	Nguyễn Thị Kim Yến	Việt Nam	3.813	38.130.000	0,0361%
169	Nguyễn Thị Lan Anh	Việt Nam	2.053	20.530.000	0,0194%
170	Nguyễn Thị Linh Phượng	Việt Nam	1.760	17.600.000	0,0167%
171	Nguyễn Thị Mai Hoa	Việt Nam	11.001	110.010.000	0,1041%
172	Nguyễn Thị Mỹ	Việt Nam	3.521	35.210.000	0,0333%
173	Nguyễn Thị Mỹ Trang	Việt Nam	2.347	23.470.000	0,0222%
174	Nguyễn Thị Nga	Việt Nam	9.681	96.810.000	0,0916%
175	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Việt Nam	12.493	124.930.000	0,1182%
176	Nguyễn Thị Như Ngọc	Việt Nam	2.347	23.470.000	0,0222%
177	Nguyễn Thị Nữ	Việt Nam	3.666	36.660.000	0,0347%
178	Nguyễn Thị Phi Anh	Việt Nam	6.050.371	60.503.710.000	57,2555%
179	Nguyễn Thị Phi Yến	Việt Nam	27.871	278.710.000	0,2637%
180	Nguyễn Thị Quý	Việt Nam	6.601	66.010.000	0,0625%
181	Nguyễn Thị Thanh Hương	Việt Nam	880	8.800.000	0,0083%
182	Nguyễn Thị Thanh Minh	Việt Nam	22.004	220.040.000	0,2082%
183	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Việt Nam	1.760	17.600.000	0,0167%
184	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Việt Nam	23.471	234.710.000	0,2221%
185	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Việt Nam	2.053	20.530.000	0,0194%
186	Nguyễn Thị Thi	Việt Nam	1.319	13.190.000	0,0125%
187	Nguyễn Thị Thu Bảo	Việt Nam	880	8.800.000	0,0083%
188	Nguyễn Thị Thu Hiền	Việt Nam	11.686	116.860.000	0,1106%
189	Nguyễn Thị Thu Hải	Việt Nam	1.760	17.600.000	0,0167%
190	Nguyễn Thị Thái Hiền	Việt Nam	1.174	11.740.000	0,0111%
191	Nguyễn Thị Thôi	Việt Nam	7.824	78.240.000	0,0740%
192	Nguyễn Thị Thúy Nga	Việt Nam	9.681	96.810.000	0,0916%
193	Nguyễn Thị Thảo	Việt Nam	342	3.420.000	0,0032%
194	Nguyễn Thị Thảo	Việt Nam	342	3.420.000	0,0032%
195	Nguyễn Thị Tâm	Việt Nam	1.565	15.650.000	0,0148%
196	Nguyễn Thị Tình	Việt Nam	1.980	19.800.000	0,0187%
197	Nguyễn Thị Việt	Việt Nam	1.466	14.660.000	0,0139%
198	Nguyễn Thị Vân	Việt Nam	219	2.190.000	0,0021%
199	Nguyễn Thị Xuân Hương	Việt Nam	16.050	160.500.000	0,1519%
200	Nguyễn Thị Xuân Thi	Việt Nam	2.200	22.000.000	0,0208%
201	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Việt Nam	2.860	28.600.000	0,0271%
202	Nguyễn Tuấn Huy	Việt Nam	293	2.930.000	0,0028%
203	Nguyễn Viết Trung	Việt Nam	636	6.360.000	0,0060%
204	Nguyễn Văn Dũng	Việt Nam	2.347	23.470.000	0,0222%
205	Nguyễn Văn Huy	Việt Nam	3.521	35.210.000	0,0333%
206	Nguyễn Văn Hậu	Việt Nam	5.818	58.180.000	0,0551%

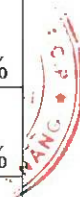
207	Nguyễn Văn Nam	Việt Nam	195	1.950.000	0,0018%
208	Nguyễn Văn Nghĩa	Việt Nam	781	7.810.000	0,0074%
209	Nguyễn Văn Thuận	Việt Nam	1.760	17.600.000	0,0167%
210	Nguyễn Văn Thành	Việt Nam	1.613	16.130.000	0,0153%
211	Nguyễn Văn Thích	Việt Nam	6.160	61.600.000	0,0583%
212	Nguyễn Văn Trung	Việt Nam	10.121	101.210.000	0,0958%
213	Nguyễn Văn Tín	Việt Nam	1.760	17.600.000	0,0167%
214	Nguyễn Văn Tính	Việt Nam	2.053	20.530.000	0,0194%
215	Nguyễn Đình Cường	Việt Nam	0	0	0,0000%
216	Nguyễn Đình Tuấn	Việt Nam	16.430	164.300.000	0,1555%
217	Nguyễn Đăng Dũng	Việt Nam	2.933	29.330.000	0,0278%
218	Nguyễn Đắc Quỳnh Như	Việt Nam	5.672	56.720.000	0,0537%
219	Ngô Diệu Quỳnh	Việt Nam	48	480.000	0,0005%
220	Ngô Nguyễn Anh Tuấn	Việt Nam	8.507	85.070.000	0,0805%
221	Ngô Quang Cường	Việt Nam	48	480.000	0,0005%
222	Ngô Thị Hoài Thu	Việt Nam	4.694	46.940.000	0,0444%
223	Ngô Thị Thanh Hà	Việt Nam	1.466	14.660.000	0,0139%
224	Ngô Văn Hạnh	Việt Nam	11.809	118.090.000	0,1118%
225	Ngô Văn Sơn	Việt Nam	29.338	293.380.000	0,2776%
226	NÔNG THỊ MINH LINH	Việt Nam	48	480.000	0,0005%
227	PHAN ANH TUẤN	Việt Nam	4.401	44.010.000	0,0416%
228	PHÙNG THỊ PHÚ	Việt Nam	1	10.000	0,0000%
229	PHẠM DOãn LÊ BÌNH	Việt Nam	48	480.000	0,0005%
230	PHẠM THỊ THƯƠNG	Việt Nam	1.319	13.190.000	0,0125%
231	Phan Công Dũng	Việt Nam	4.889	48.890.000	0,0463%
232	Phan Hữu Mạnh	Việt Nam	2.933	29.330.000	0,0278%
233	Phan Quỳnh Anh	Việt Nam	3.813	38.130.000	0,0361%
234	Phan Thị Chi Tuyết	Việt Nam	6.160	61.600.000	0,0583%
235	Phan Thị Cát	Việt Nam	2.933	29.330.000	0,0278%
236	Phan Thị Hiền	Việt Nam	3.080	30.800.000	0,0291%
237	Phan Thị Hường	Việt Nam	4.401	44.010.000	0,0416%
238	Phan Thị Kim Yến	Việt Nam	3.080	30.800.000	0,0291%
239	Phan Thị Lê	Việt Nam	6.601	66.010.000	0,0625%
240	Phan Thị Minh Lành	Việt Nam	23.764	237.640.000	0,2249%
241	Phan Thị Mỹ Hòa	Việt Nam	2.200	22.000.000	0,0208%
242	Phan Thị Thuần	Việt Nam	1.613	16.130.000	0,0153%
243	Phan Thị Xiêng	Việt Nam	2.200	22.000.000	0,0208%
244	Phan Thị Yến	Việt Nam	3.960	39.600.000	0,0375%
245	Phan Tường Bách	Việt Nam	38.482	384.820.000	0,3642%

246	Phùng Hữu Văn Chương	Việt Nam	2.933	29.330.000	0,0278%
247	Phạm Hoài Ngọc	Việt Nam	5	50.000	0,0000%
248	Phạm Lê Bảo Long	Việt Nam	48	480.000	0,0005%
249	Phạm Ngọc Sơn	Việt Nam	537	5.370.000	0,0051%
250	Phạm Sỹ Tuyển	Việt Nam	6.160	61.600.000	0,0583%
251	Phạm Thanh Xuân	Việt Nam	3.521	35.210.000	0,0333%
252	Phạm Thị Cân	Việt Nam	8.775	87.750.000	0,0830%
253	Phạm Thị Ngọc ánh	Việt Nam	8.312	83.120.000	0,0787%
254	Phạm Thị Nhung	Việt Nam	3.080	30.800.000	0,0291%
255	Phạm Thị Nhuận	Việt Nam	2.640	26.400.000	0,0250%
256	Phạm Thị Nhâm	Việt Nam	2.933	29.330.000	0,0278%
257	Phạm Thị Phương Thảo	Việt Nam	342	3.420.000	0,0032%
258	Phạm Thị Thiên	Việt Nam	1.319	13.190.000	0,0125%
259	Phạm Thị Thu Cúc	Việt Nam	3.227	32.270.000	0,0305%
260	Phạm Thị Thu Cúc	Việt Nam	3.716	37.160.000	0,0352%
261	Phạm Thị Thùy Nhung	Việt Nam	0	0	0,0000%
262	Phạm Thị Trí	Việt Nam	1.027	10.270.000	0,0097%
263	Phạm Thị Tài	Việt Nam	5.868	58.680.000	0,0555%
264	Phạm Thị Vân	Việt Nam	4.840	48.400.000	0,0458%
265	Phạm Xuân Thảo	Việt Nam	977	9.770.000	0,0092%
266	Phạm Đình Nguyên	Việt Nam	4.107	41.070.000	0,0389%
267	Sỹ Thị Tâm	Việt Nam	733	7.330.000	0,0069%
268	TRƯƠNG THANH HẢI	Việt Nam	10.268	102.680.000	0,0972%
269	TRẦN NGỌC THU TRÚC	Việt Nam	7.334	73.340.000	0,0694%
270	TRẦN THỊ LIỄU OANH	Việt Nam	2.787	27.870.000	0,0264%
271	TRẦN THỊ MỸ	Việt Nam	1.907	19.070.000	0,0180%
272	TRẦN THỊ PHƯỢNG	Việt Nam	2.933	29.330.000	0,0278%
273	TRẦN THỊ THANH HẢI	Việt Nam	1.711	17.110.000	0,0162%
274	TRẦN TUẤN ĐẠT	Việt Nam	342	3.420.000	0,0032%
275	Trương Công Phương	Việt Nam	1.956	19.560.000	0,0185%
276	Trương Công Tám	Việt Nam	31.197	311.970.000	0,2952%
277	Trương Nguyên	Việt Nam	70.333	703.330.000	0,6656%
278	Trương Thị Diệu Khải	Việt Nam	6.748	67.480.000	0,0639%
279	Trương Thị Mỹ Lệ	Việt Nam	1.174	11.740.000	0,0111%
280	Trương Thị Phong	Việt Nam	1.466	14.660.000	0,0139%
281	Trương Thị Thanh Minh	Việt Nam	1.466	14.660.000	0,0139%
282	Trương Văn Quang	Việt Nam	5.574	55.740.000	0,0527%
283	Trương Văn Tuấn	Việt Nam	3.227	32.270.000	0,0305%
284	Trương Văn Tường	Việt Nam	22.004	220.040.000	0,2082%

285	Trần Anh Quang	Việt Nam	1.613	16.130.000	0,0153%
286	Trần Chín	Việt Nam	4.401	44.010.000	0,0416%
287	Trần Công Phương	Việt Nam	11.001	110.010.000	0,1041%
288	Trần Nguyễn Ngọc Hà	Việt Nam	2.689	26.890.000	0,0254%
289	Trần Quốc Hải	Việt Nam	40.047	400.470.000	0,3790%
290	Trần Quốc Toàn	Việt Nam	1.466	14.660.000	0,0139%
291	Trần Quốc Tuấn	Việt Nam	97.796	977.960.000	0,9255%
292	Trần Thanh Bình	Việt Nam	48	480.000	0,0005%
293	Trần Thị Hòa	Việt Nam	1.319	13.190.000	0,0125%
294	Trần Thị Hương	Việt Nam	2.933	29.330.000	0,0278%
295	Trần Thị Hạnh	Việt Nam	2.200	22.000.000	0,0208%
296	Trần Thị Hạnh	Việt Nam	2.493	24.930.000	0,0236%
297	Trần Thị Kim Loan	Việt Nam	20.244	202.440.000	0,1916%
298	Trần Thị Lệ Quyên	Việt Nam	4.401	44.010.000	0,0416%
299	Trần Thị Mai	Việt Nam	1.319	13.190.000	0,0125%
300	Trần Thị Nga	Việt Nam	10.121	101.210.000	0,0958%
301	Trần Thị Nguyệt	Việt Nam	2.395	23.950.000	0,0227%
302	Trần Thị Ngọc Lan	Việt Nam	9.095	90.950.000	0,0861%
303	Trần Thị Nở	Việt Nam	2.347	23.470.000	0,0222%
304	Trần Thị Thoại	Việt Nam	489	4.890.000	0,0046%
305	Trần Thị Thu Hà	Việt Nam	7.260	72.600.000	0,0687%
306	Trần Thị Thu Thúy	Việt Nam	1.027	10.270.000	0,0097%
307	Trần Thị Thành	Việt Nam	4.107	41.070.000	0,0389%
308	Trần Thị Tuyết	Việt Nam	1.075	10.750.000	0,0102%
309	Trần Thị Tâm	Việt Nam	2.640	26.400.000	0,0250%
310	Trần Thị Tứ	Việt Nam	781	7.810.000	0,0074%
311	Trần Thị Tứ	Việt Nam	16.136	161.360.000	0,1527%
312	Trần Thị Tứ	Việt Nam	2.738	27.380.000	0,0259%
313	Trần Thị Việt Hồng	Việt Nam	58.428	584.280.000	0,5529%
314	Trần Thị Vui	Việt Nam	1.466	14.660.000	0,0139%
315	Trần Thị Vân	Việt Nam	1.369	13.690.000	0,0130%
316	Trần Viết Dũng	Việt Nam	5.868	58.680.000	0,0555%
317	Trần Văn Dũng	Việt Nam	880	8.800.000	0,0083%
318	Trần Văn Lĩnh	Việt Nam	758.845	7.588.450.000	7,1811%
319	Trần Văn Nhân Lực	Việt Nam	1.956	19.560.000	0,0185%
320	Trần Văn Thu	Việt Nam	1.907	19.070.000	0,0180%
321	Trần Yên	Việt Nam	1.174	11.740.000	0,0111%
322	Trịnh Thị Hoàng Dung	Việt Nam	1.271	12.710.000	0,0120%
323	Trịnh Thị Hồng Phúc	Việt Nam	75.401	754.010.000	0,7135%

324	Trịnh Tuyết Lê	Việt Nam	586	5.860.000	0,0055%
325	TÔ THỊ TƯỜNG DUYÊN	Việt Nam	46.675	466.750.000	0,4417%
326	Tô Từ Tấn	Việt Nam	11.442	114.420.000	0,1083%
327	TỪ VĨ HUÊ	Việt Nam	1	10.000	0,0000%
328	Từ Hoàng Đức	Việt Nam	1.174	11.740.000	0,0111%
329	Võ Hồng Sơn	Việt Nam	29.338	293.380.000	0,2776%
330	Võ Hồng Thái	Việt Nam	157.232	1.572.320.000	1,4879%
331	Võ Lệ	Việt Nam	1.222	12.220.000	0,0116%
332	Võ Nguyễn Vi Dân	Việt Nam	3.031	30.310.000	0,0287%
333	Võ Thị Bốn	Việt Nam	7.481	74.810.000	0,0708%
334	Võ Thị Gái	Việt Nam	733	7.330.000	0,0069%
335	Võ Thị Hương	Việt Nam	880	8.800.000	0,0083%
336	Võ Thị Kim Huyền	Việt Nam	684	6.840.000	0,0065%
337	Võ Thị Ngọc Hòa	Việt Nam	13.348	133.480.000	0,1263%
338	Võ Thị Thương	Việt Nam	586	5.860.000	0,0055%
339	Võ Thị Vân	Việt Nam	1.613	16.130.000	0,0153%
340	Võ Văn Giới	Việt Nam	48	480.000	0,0005%
341	Võ Đức Phương	Việt Nam	4.840	48.400.000	0,0458%
342	Văn Thùy Trang	Việt Nam	2.933	29.330.000	0,0278%
343	Văn Thị Diệu Lài	Việt Nam	4.840	48.400.000	0,0458%
344	Văn Thị Diệu Nhân	Việt Nam	2.200	22.000.000	0,0208%
345	Văn Thị Thu	Việt Nam	1.174	11.740.000	0,0111%
346	Văn Đức Thiện	Việt Nam	586	5.860.000	0,0055%
347	VŨ HỒNG SƠN	Việt Nam	4.889	48.890.000	0,0463%
348	VŨ TIẾN QUANG	Việt Nam	19.559	195.590.000	0,1851%
349	Vũ Quốc Bảo	Việt Nam	30.806	308.060.000	0,2915%
350	VƯƠNG HOÀNG PHƯƠNG	Việt Nam	1	10.000	0,0000%
351	Ông Thị Minh	Việt Nam	4.401	44.010.000	0,0416%
352	Đinh Thị Ngọc Hồng	Việt Nam	29.338	293.380.000	0,2776%
353	Đoàn Thị Bạch Yến	Việt Nam	12.322	123.220.000	0,1166%
354	Đàm Thu Thủy	Việt Nam	1.907	19.070.000	0,0180%
355	Đào Ngọc Thể	Việt Nam	48.017	480.170.000	0,4544%
356	Đào Thị Ái Xuân	Việt Nam	1.760	17.600.000	0,0167%
357	ĐẶNG PHAN XUÂN TRIỀU	Việt Nam	977	9.770.000	0,0092%
358	ĐẶNG THÁI HÙNG	Việt Nam	9	90.000	0,0001%
359	Đặng Anh Khoa	Việt Nam	1.466	14.660.000	0,0139%
360	Đặng Bảo Mai	Việt Nam	9.192	91.920.000	0,0870%
361	Đặng Hữu Mục	Việt Nam	4.401	44.010.000	0,0416%

362	Đặng Thị Huyền Trang	Việt Nam	880	8.800.000	0,0083%
363	Đặng Thị Hải	Việt Nam	293	2.930.000	0,0028%
364	Đặng Thị Hải	Việt Nam	977	9.770.000	0,0092%
365	Đặng Thị Liên	Việt Nam	880	8.800.000	0,0083%
366	Đặng Thị Lênh	Việt Nam	2.200	22.000.000	0,0208%
367	Đặng Thị Thanh	Việt Nam	3.227	32.270.000	0,0305%
368	Đặng Thị Xí	Việt Nam	6.454	64.540.000	0,0611%
369	Đặng Văn Ngọc	Việt Nam	781	7.810.000	0,0074%
370	Đặng Xuân Tài	Việt Nam	6.160	61.600.000	0,0583%
371	Đặng Đình Đảo	Việt Nam	48	480.000	0,0005%
372	ĐỖ THÚY HẢO	Việt Nam	244	2.440.000	0,0023%
373	Đỗ Anh Thị Tuyết Thu	Việt Nam	1.027	10.270.000	0,0097%
374	Đỗ Thị Hương	Việt Nam	2.445	24.450.000	0,0231%
375	Đỗ Thị Mỹ Hạnh	Việt Nam	6.601	66.010.000	0,0625%
376	Đỗ Thị Nguyệt	Việt Nam	21.955	219.550.000	0,2078%
377	Đỗ Thị Thanh	Việt Nam	1.760	17.600.000	0,0167%
378	Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Việt Nam	195	1.950.000	0,0018%
379	NISHIMURA TAKUYA	Japan	195	1.950.000	0,0018%
380	MIRAE ASSET SECURITIES CO., LTD.	Korea (the Republic of)	48	480.000	0,0005%
	Tổng cộng		10.567.312	105.673.120.000	100,00%



PHỤ LỤC II

Công ty Cổ Phần Thủy Sản và Thương Mại F32

1. Danh sách Tài sản chuyển giao:

Danh mục tài sản Công ty Cổ Phần Thủy Sản và Thương Mại F32 nhận từ Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước theo giá trị sổ sách chốt tại thời điểm 31/12/2025. Chi tiết như sau:

STT	Tài sản	Mã số	Đơn vị	Giá trị (VNĐ)
I	Nhà cửa vật kiến trúc			4,905,166,761
1	Đường nội bộ XN 32	DNB3201	Cái	0
2	Nhà ăn XN 32 nhà kho, nhà bảo vệ	NA3201	Cái	0
3	Nhà để xe công nhân PX 32	NDX0332	Cái	0
4	Nhà xưởng 32	NX3201	Cái	1,823028,719
5	Nhà xưởng 32 Mở rộng	NX3202	Cái	3,082,138,042
6	San lấp mặt bằng	SLMB	Vườn	0
7	Trạm biến áp XN32	TBA02	Cái	0
8	Tường rào cổng ngõ XN32	TRCN01	Cái	0
9	Vườn hoa cây cảnh XN 32	VHCC0232	Vườn	0
II	Máy móc thiết bị			672,957,138
1	Băng chuyển tái đông năm dũng F32	BCTDND001	Hệ thống	672,957,138
2	Hệ thống máy nén kho lạnh 32	HTMNKL32001	Hệ thống	0
3	Máy nén cho tủ đông 62B	MNTD01	Cái	0
4	Máy hấp nguội 32	MHN3201	Cái	0
5	Hệ thống thiết bị động lực 32	HTTBDL01	Cái	0
6	Hệ thống kho lạnh 32	HTKL3201	Cái	0
7	Hệ thống Máy móc thiết bị 32	HT32MMTB01	Cái	0
8	Hệ thống Máy móc thiết bị 32 QĐ 1841	HT32MMTB02	Cái	0
9	Băng chuyển Cấp đông Năm Dũng 500KG XN32	BCCD32ND	Cái	0
10	Bình lọc nước Inox và hệ thống đường ống Inox	BLNINOX	Cái	0
11	Lò hơi đốt dầu XN 32	LOHO32I	Cái	0
12	Máy biến áp 1000 KVA	MBA1000	Cái	0
13	Máy cắt cànng cua	MCCC1	Cái	0
14	Máy đóng gói hút chân không	MDGHCK1	Cái	0

15	Máy dò kim loại KD115	MDK1	Cái	0
III	Phương tiện vận tải truyền dẫn			0
1	Đường ống ga	DOGAKL	Cái	0
IV	Hàng tồn kho			36.093.517.326
V	Chi phí trả trước			149.323.768
	Tổng cộng			41.820.964.993

2. Danh sách người lao động chuyển sang Công ty Cổ phần Thủy Sản và Thương Mại F32:

Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước sẽ chuyển 353 lao động sang cho Công CTCP Thủy Sản và Thương Mại F32 sử dụng. Chi tiết như sau:

STT	Họ và tên	Bộ phận	Hợp đồng lao động
1	Bùi Văn Hùng	TCHC	01591/HĐLĐ
2	Lê Thị Minh Thảo	TCHC	06969/HĐLĐ
3	Nguyễn Văn Linh	TCHC	10646/HĐLĐ
4	Phan Thị Kiều Oanh	TCHC	11391/HĐLĐ
5	Nguyễn Chí Tuấn	TCHC	20186/HĐLĐ
6	Huỳnh Phương Thảo Vy	KDXNK	14129/HĐLĐ
7	Nguyễn Thị Phương Thảo	KDXNK	15167/HĐLĐ
8	Trần Tuấn Đạt	KDXNK	19420/HĐLĐ
9	Nguyễn Thanh Hải	KDXNK	19520/HĐLĐ
10	Lê Minh Hiền	KDXNK	20144/HĐLĐ
11	Huỳnh Thị Nguyệt	KTTV	01574/HĐLĐ
12	Võ Thị Ngọc Hân	KTTV	13819/HĐLĐ
13	Đặng Thị Minh	KTTV	17235/HĐLĐ
14	Nguyễn Tuấn Nam	KTTV	20332/HĐLĐ
15	Đặng Thị Thùy Linh	KỸ THUẬT	01610/HĐLĐ
16	Nguyễn Đình Cảm	KỸ THUẬT	02202/HĐLĐ
17	Lê Thị Mỹ Nương	KỸ THUẬT	03344/HĐLĐ
18	Trương Đình Thiện	KỸ THUẬT	11093/HĐLĐ
19	Ngô Phước Châu	KỸ THUẬT	11094/HĐLĐ
20	Đỗ Minh Hải	KỸ THUẬT	11097/HĐLĐ
21	Vũ Thị Thuận	KỸ THUẬT	12601/HĐLĐ
22	Nguyễn Hoàng Anh	KỸ THUẬT	17672/HĐLĐ
23	Đoàn Hữu Lý	PXCĐ	08611/HĐLĐ
24	Trần Văn Nam	PXCĐ	19876/HĐLĐ
25	Lê Văn Tuấn	PXCĐ	20286/HĐLĐ
26	Quảng Công Thạch	PXCĐ	20290/HĐLĐ
27	Phan Văn Thành	PXCĐ	20659/HĐLĐ
28	Nguyễn Đình Tuấn	VẬN HÀNH	01672/HĐLĐ

STT	Họ và tên	Bộ phận	Hợp đồng lao động
29	Huỳnh Ngọc Ánh	VẬN HÀNH	01674/HĐLĐ
30	Ngô Nguyễn Anh Tuấn	VẬN HÀNH	01716/HĐLĐ
31	Võ Mậu Phú	VẬN HÀNH	04457/HĐLĐ
32	Nguyễn Trường Giang	VẬN HÀNH	10534/HĐLĐ
33	Võ Văn Lâm	VẬN HÀNH	11406/HĐLĐ
34	Nguyễn Đình Khánh	KHVT	01263/HĐLĐ
35	Nguyễn Văn Thành	KHVT	01559/HĐLĐ
36	Nguyễn Văn Sang	KHVT	05244/HĐLĐ
37	Lê Hoàng Anh	KHVT	13820/HĐLĐ
38	Trương Công Thắng	KLANH	04583/HĐLĐ
39	Nguyễn Minh Tuấn	KLANH	04879/HĐLĐ
40	Nguyễn Cao Khải	KLANH	05395/HĐLĐ
41	Trần Văn Trông	KLANH	08184/HĐLĐ
42	Cần Đại Thành Lộc	KLANH	19989/HĐLĐ
43	Trần Viết Vỹ	BVF32	01253/HĐLĐ
44	Bùi Văn Nhân	BVF32	01270/HĐLĐ
45	Trần Văn Hoa	BVF32	01284/HĐLĐ
46	Nguyễn Văn Dũng	BVF32	01285/HĐLĐ
47	Lê Thanh Trang	BVF32	01300/HĐLĐ
48	Nguyễn Phan Ngọc	BVF32	01320/HĐLĐ
49	Huỳnh Lượng	BVF32	01321/HĐLĐ
50	Nguyễn Văn Việt	BVF32	01358/HĐLĐ
51	Lê Tuấn	BVF32	01564/HĐLĐ
52	Trần Yên	BVF32	01644/HĐLĐ
53	Đặng Thị Hải	XPXVP	01566/HĐLĐ
54	Trần Thị Thanh	XPXVP	02053/HĐLĐ
55	Huỳnh Thị Hồng Nhung	XPXVP	07102/HĐLĐ
56	Nguyễn Thị Hào	XPXVP	14515/HĐLĐ
57	Bùi Thị Mỹ Trâm	CB03	10380/HĐLĐ
58	Nguyễn Thị Lan	CB03	11573/HĐLĐ
59	Nguyễn Thị Hòa	CB03	11588/HĐLĐ
60	Đinh Thị Thắm	CB03	11589/HĐLĐ
61	Hồ Thị Thành	CB03	11709/HĐLĐ
62	Hồ Thị Lý	CB03	12234/HĐLĐ
63	Lê Thị Dĩnh	CB03	14461/HĐLĐ
64	Lê Thị Bình	CB03	14478/HĐLĐ
65	PơLoong Thị Tin	CB03	17218/HĐLĐ
66	Nguyễn Thị Phương Thuận	CB03	18798/HĐLĐ
67	Lê Thị Thảo Vân	CB03	18799/HĐLĐ
68	Lê Thị Thu Diễm	CB03	18800/HĐLĐ
69	PơLoong Thị Yếu	CB03	18806/HĐLĐ
70	Zorâm Thị Trinh	CB03	20473/HĐLĐ

1.3.3.
TƯ
+ 1.3.1
VÀ T
PHU
TP

STT	Họ và tên	Bộ phận	Hợp đồng lao động
71	Bling Thị Aliéc	CB03	20611/HĐLĐ
72	Hồ Thị Mừng	CB03	20979/HĐLĐ
73	Hồ Thị Phương	CB03	20982/HĐLĐ
74	Hồ Thị Muôn	CB03	21015/HĐLĐ
75	Ríah Thị Diên	CB03	21017/HĐLĐ
76	Hồ Thị Non	CB03	21097/HĐLĐ
77	Phạm Thúy Bình	CB05	00106/HĐLĐ
78	Phan Thị Hường	CB05	00107/HĐLĐ
79	Võ Thị Tuyết Nga	CB05	00109/HĐLĐ
80	Bùi Thị Hạnh	CB05	00110/HĐLĐ
81	Võ Thị Kiều Trang	CB05	00114/HĐLĐ
82	Nguyễn Thị Lan Anh	CB05	00131/HĐLĐ
83	Đặng Thị Duyên Hải	CB05	00205/HĐLĐ
84	Hồ Thị Thanh Trúc	CB05	00213/HĐLĐ
85	Huỳnh Thị Thúy Diệu	CB05	00226/HĐLĐ
86	Đặng Thị Thơ	CB05	00228/HĐLĐ
87	Nguyễn Thị Tư	CB05	00230/HĐLĐ
88	Huỳnh Thị Thanh Hòa	CB05	00245/HĐLĐ
89	Trần Thị Mai	CB05	00249/HĐLĐ
90	Đặng Thị Hồng Đào	CB05	01055/HĐLĐ
91	Cao Thị Thúy	CB05	01953/HĐLĐ
92	Huỳnh Thị Lem	CB05	02165/HĐLĐ
93	Trương Thị Mai Thanh	CB05	02688/HĐLĐ
94	Nguyễn Thị Sáu	CB05	02694/HĐLĐ
95	Lê Thị Cẩm Lai	CB05	07267/HĐLĐ
96	Trương Thị Dạ Thảo	CB05	09582/HĐLĐ
97	Nguyễn Thị Loan	CB05	10542/HĐLĐ
98	Phạm Thị Trí	CB07	00155/HĐLĐ
99	Lê Thị Mai Hương	CB07	00159/HĐLĐ
100	Võ Thị Hương	CB07	00163/HĐLĐ
101	Đặng Thị Út Hòa	CB07	00169/HĐLĐ
102	Trần Thị Tâm	CB07	00435/HĐLĐ
103	Nguyễn Thị Xuân Thi	CB07	00438/HĐLĐ
104	Nguyễn Thị Thu Bảo	CB07	00439/HĐLĐ
105	Nguyễn Thị Mỹ Tươi	CB07	00932/HĐLĐ
106	Phan Thị Minh Thu	CB07	00939/HĐLĐ
107	Mai Thị Thanh Ngọc	CB07	01117/HĐLĐ
108	Nguyễn Thị Bích Phương	CB07	01122/HĐLĐ
109	Đàm Thị Nguyệt	CB07	01450/HĐLĐ
110	Lê Thị Huyền Thanh	CB07	02093/HĐLĐ
111	Đặng Thị Huyền Trang	CB07	02444/HĐLĐ
112	Trần Thị Anh	CB07	02810/HĐLĐ

STT	Họ và tên	Bộ phận	Hợp đồng lao động
155	Vũ Thị Hà	CB16	07699/HĐLĐ
156	Phan Thị Anh	CB16	07710/HĐLĐ
157	Huỳnh Thị Ánh Thương	CB16	07816/HĐLĐ
158	Phạm Thị Thi Chì	CB16	07829/HĐLĐ
159	Huỳnh Ngọc Bích Thảo	CB16	08072/HĐLĐ
160	Bùi Thị Nhung	CB16	10440/HĐLĐ
161	Hoàng Thị Trà Giang	CB16	11797/HĐLĐ
162	Nguyễn Thị Lam	CB16	14463/HĐLĐ
163	Nguyễn Thị Loan	CB16	15590/HĐLĐ
164	Nguyễn Thị Hân	CB16	19820/HĐLĐ
165	Bùi Thị Thứ	CB16	20289/HĐLĐ
166	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	CB16	20811/HĐLĐ
167	Nguyễn Thị Định Tâm	CB16	21050/HĐLĐ
168	Trần Thị Dung	CB19	07057/HĐLĐ
169	Châu Thị Duyên	CB19	08660/HĐLĐ
170	Nguyễn Thị Diệp	CB19	09296/HĐLĐ
171	Trần Thị Hoa	CB19	09306/HĐLĐ
172	Trần Thị Xuân Nương	CB19	09312/HĐLĐ
173	Nguyễn Thị Phước	CB19	09647/HĐLĐ
174	Trần Thị Dung	CB19	10252/HĐLĐ
175	Phạm Thị Minh Trang	CB19	10500/HĐLĐ
176	Hồ Thị Mỏ	CB19	11338/HĐLĐ
177	Bnướcch Thị Pệp	CB19	11410/HĐLĐ
178	Đặng Thị Minh Nguyệt	CB19	12782/HĐLĐ
179	Nguyễn Thị Bích Oanh	CB19	12808/HĐLĐ
180	Phạm Thị Thùy Trang	CB19	13527/HĐLĐ
181	Nguyễn Thị Hoa	CB19	13982/HĐLĐ
182	Cơ Lâu Thị Nghiênh	CB19	17365/HĐLĐ
183	Nguyễn Thị Ngọc	CB19	19223/HĐLĐ
184	Nguyễn Thị Em	CB20	09161/HĐLĐ
185	Trần Thị Mỹ Linh	CB20	09189/HĐLĐ
186	Đặng Thị Hiền	CB20	09639/HĐLĐ
187	Trương Thị Nguyên	CB20	09650/HĐLĐ
188	Nguyễn Thị Thanh Tuyết	CB20	12890/HĐLĐ
189	PLoong Thị Trôi	CB20	13579/HĐLĐ
190	Nguyễn Thị Hồng Gấm	CB20	16407/HĐLĐ
191	Nguyễn Thị Ngọc Sương	CB20	16462/HĐLĐ
192	Hồ Thị Xoa	CB20	17711/HĐLĐ
193	Hôih Thị Nghiênh	CB20	17718/HĐLĐ
194	Phạm Thị Mỹ Nhi	CB20	17788/HĐLĐ
195	Phan Thị Kim Yên	CB20	17870/HĐLĐ
196	Trương Thị Huỳnh Luyến	CB20	18122/HĐLĐ

132
V
AN
A.T.I
HƯ
TP. S

STT	Họ và tên	Bộ phận	Hợp đồng lao động
197	Hồ Thị Thu Hảo	CB20	19059/HĐLĐ
198	Trần Thị Bốn	CB20	19135/HĐLĐ
199	Ríah Thị Đư	CB20	20469/HĐLĐ
200	Tangôn Thị Nía	CB20	20470/HĐLĐ
201	Poloong Thị Vi	CB20	20472/HĐLĐ
202	Zorâm Thị Noh	CB20	20594/HĐLĐ
203	Poloong Thị Vôi	CB20	20972/HĐLĐ
204	Lê Thị Thu	CB21	00303/HĐLĐ
205	Trần Thị Hồng	CB21	00352/HĐLĐ
206	Trương Thị Xê	CB21	00357/HĐLĐ
207	Trần Thị Hà	CB21	00361/HĐLĐ
208	Lương Thị Ngân	CB21	00368/HĐLĐ
209	Tạ Thị Ngọc Huy	CB21	00377/HĐLĐ
210	Lê Thị Như Vân	CB21	00388/HĐLĐ
211	Lê Thị Diệu Huệ	CB21	00480/HĐLĐ
212	Nguyễn Thị Xí	CB21	00488/HĐLĐ
213	Lê Thị Mến	CB21	03158/HĐLĐ
214	Trần Thị Nguyệt	CB21	03718/HĐLĐ
215	Võ Thị Kim Hoa	CB21	05567/HĐLĐ
216	Đặng Thị Hiền	CB21	12136/HĐLĐ
217	Đoàn Thị Ly	CB21	20898/HĐLĐ
218	Trần Thị Tinh	CB28	08364/HĐLĐ
219	Nguyễn Thị Bé	CB28	09538/HĐLĐ
220	Phan Thị Dân	CB28	09562/HĐLĐ
221	Nguyễn Thị Thuận	CB28	09603/HĐLĐ
222	Trần Thị Lệ Hải	CB28	09711/HĐLĐ
223	Hoàng Thị Như	CB28	09732/HĐLĐ
224	Nguyễn Thị Trâm	CB28	10142/HĐLĐ
225	Trần Thị Xuân Trang	CB28	10157/HĐLĐ
226	Trần Thị Thanh Loan	CB28	10158/HĐLĐ
227	Poloong Thị Mênh	CB28	10218/HĐLĐ
228	Nguyễn Thị Ái Nhân	CB28	11757/HĐLĐ
229	Nguyễn Thị Bé Thu	CB28	15828/HĐLĐ
230	Arát Thị Tập	CB28	17071/HĐLĐ
231	Bnước Thị Riu	CB28	17080/HĐLĐ
232	Hồ Thị Lệ	CB28	17083/HĐLĐ
233	Nguyễn Thị Huệ	CB28	17867/HĐLĐ
234	Rơđen Thị Miêng	CB28	18719/HĐLĐ
235	Hồ Thị Liễu	CB28	19631/HĐLĐ
236	Hồ Thị Nhất	CB28	19632/HĐLĐ
237	Hồ Thị Mười	CB28	19633/HĐLĐ
238	Alăng Thị Mấy	CB28	19634/HĐLĐ

STT	Họ và tên	Bộ phận	Hợp đồng lao động
239	Hồ Thị Dung	CB28	19680/HĐLĐ
240	Polong Vôn	CB28	19698/HĐLĐ
241	Võ Thị Thu Hương	CB28	20969/HĐLĐ
242	Cao Thị Thủy	CB31	00718/HĐLĐ
243	Nguyễn Thị Hằng	CB31	00831/HĐLĐ
244	Vũ Thị Thúy Hà	CB31	00904/HĐLĐ
245	Nguyễn Thị Hoài Thương	CB31	00908/HĐLĐ
246	Đặng Thị Hiền	CB31	01986/HĐLĐ
247	Hoàng Thị Lan	CB31	02489/HĐLĐ
248	Đinh Thị Thúy Nga	CB31	02785/HĐLĐ
249	Nguyễn Thị Ba	CB31	02835/HĐLĐ
250	Bùi Thị Siêng	CB31	02923/HĐLĐ
251	Lưu Thị Thanh Hiền	CB31	02936/HĐLĐ
252	Mai Thị Loan	CB31	02937/HĐLĐ
253	Hồ Thị Huyền	CB31	03584/HĐLĐ
254	Nguyễn Thị Thông	CB31	03611/HĐLĐ
255	Đào Thị Phương Thủy	CB31	03794/HĐLĐ
256	Nguyễn Thị Phương Dung	CB31	04980/HĐLĐ
257	Nguyễn Thị Yên	CB31	07404/HĐLĐ
258	Nguyễn Thanh Hải	CĐLY	03250/HĐLĐ
259	Mai Văn Nhất	CĐLY	06546/HĐLĐ
260	Trịnh Phan Minh Phương	CĐLY	11402/HĐLĐ
261	Trần Thanh Dự	CĐLY	15798/HĐLĐ
262	Hồ Ra Dích	CĐLY	16778/HĐLĐ
263	Đào Văn Bình	CĐLY	17136/HĐLĐ
264	Võ Thiện Lý	CĐLY	20248/HĐLĐ
265	Nguyễn Văn Thông	CĐLY	20660/HĐLĐ
266	Lê Văn Vũ	CĐLY	21025/HĐLĐ
267	Đàm Văn Danh	CĐSANH	11890/HĐLĐ
268	Võ Việt Sang	CĐSANH	14565/HĐLĐ
269	Bling Nổ	CĐSANH	18599/HĐLĐ
270	Mai Văn Hận	CĐSANH	19357/HĐLĐ
271	Lê Huỳnh Đức	CĐSANH	19422/HĐLĐ
272	Nguyễn Thanh Yên	CĐSANH	19696/HĐLĐ
273	Lê Viết Huy	CĐSANH	21046/HĐLĐ
274	Lê Thanh Quang	CĐTÌNH	12328/HĐLĐ
275	Ngô Linh Anh	CĐTÌNH	13438/HĐLĐ
276	Huỳnh Văn Thành	CĐTÌNH	16033/HĐLĐ
277	Nguyễn Văn Long	CĐTÌNH	19524/HĐLĐ
278	Đặng Văn Thuận	CĐTÌNH	19542/HĐLĐ
279	Nguyễn Văn Tuấn	CĐTÌNH	19546/HĐLĐ
280	Trần Văn Tình	CĐTÌNH	20410/HĐLĐ

STT	Họ và tên	Bộ phận	Hợp đồng lao động
281	Phùng Văn Ca	CĐTÌNH	20615/HĐLĐ
282	Hồ Văn Liếp	CĐTÌNH	20963/HĐLĐ
283	Nguyễn Việt Tung	CĐTHÔI	06933/HĐLĐ
284	Phạm Quang Huy	CĐTHÔI	15858/HĐLĐ
285	Dương Thanh Việt	CĐTHÔI	17572/HĐLĐ
286	Lê Văn Hải	CĐTHÔI	19525/HĐLĐ
287	Tarurong Vác	CĐTHÔI	19888/HĐLĐ
288	Hóih Liếc	CĐTHÔI	21012/HĐLĐ
289	Hồ Văn Đức	CĐTHÔI	21102/HĐLĐ
290	Nguyễn Thôi	CĐTHÔI	21116/HĐLĐ
291	Nguyễn Văn Sự	ĐÁNH	01434/HĐLĐ
292	Phạm Văn Hòa	ĐÁNH	05045/HĐLĐ
293	Lê Tấn Hậu	ĐÁNH	06371/HĐLĐ
294	Trần Thanh Dũng	ĐÁNH	07363/HĐLĐ
295	Trần Bạch Hải	ĐÁNH	08844/HĐLĐ
296	Huỳnh Ngọc Khoa	ĐÁNH	10113/HĐLĐ
297	Nguyễn Văn Ly	ĐÁNH	10868/HĐLĐ
298	Hồ Khánh Toàn	ĐÁNH	11117/HĐLĐ
299	Lê Văn Út	ĐÁNH	14490/HĐLĐ
300	Nguyễn Quốc Hiếu	ĐÁNH	15811/HĐLĐ
301	Lê Văn Thắng	ĐÁNH	16268/HĐLĐ
302	Nguyễn Tấn Sửu	ĐÁNH	19424/HĐLĐ
303	Nguyễn Quang Thành	ĐÁNH	19426/HĐLĐ
304	Bùi Vĩnh Trí	ĐÁNH	19776/HĐLĐ
305	Nguyễn Việt Hiếu Trung	ĐÁNH	19884/HĐLĐ
306	Phan Văn Sơn	ĐÁNH	20072/HĐLĐ
307	Hồ Văn Đã	ĐÁNH	20453/HĐLĐ
308	Hồ Thanh Khang	ĐÁNH	20481/HĐLĐ
309	Lê Đình Hưng	ĐÁNH	20760/HĐLĐ
310	Lê Quang Phong	ĐÁNH	21042/HĐLĐ
311	Nguyễn Thanh Giàu	ĐÁNH	21246/HĐLĐ
312	Nguyễn Trần Anh Khoa	ĐÁNH	06176/HĐLĐ
313	Lê Văn Tuấn	ĐÁNH	11850/HĐLĐ
314	Lương Văn Đông	ĐÁNH	20026/HĐLĐ
315	Nguyễn Anh Đức	ĐÁNH	20652/HĐLĐ
316	Phạm Văn Khải	ĐÁNH	20656/HĐLĐ
317	Nguyễn Thị Anh Đào	ĐMỨC02	00067/HĐLĐ
318	Lê Thị Sự	ĐMỨC02	00196/HĐLĐ
319	Nguyễn Thị Hồng Đào	ĐMỨC02	01531/HĐLĐ
320	Nguyễn Thị Phương	ĐMỨC02	01550/HĐLĐ
321	Lê Thị Thuận	ĐMỨC02	03271/HĐLĐ
322	Võ Thị Tám	ĐMỨC02	07200/HĐLĐ

STT	Họ và tên	Bộ phận	Hợp đồng lao động
323	Trần Thị Kim Ngân	ĐMỨC02	07997/HĐLĐ
324	Ngô Thị Phương	ĐMỨC02	11110/HĐLĐ
325	Phạm Thị Thu Hà	ĐMỨC02	11142/HĐLĐ
326	Lê Anh Thương	KCS	01597/HĐLĐ
327	Nguyễn Thị Kim Hạnh	KCS	01601/HĐLĐ
328	Nguyễn Thị Thúy Chi	KCS	01603/HĐLĐ
329	Võ Thị Tuyết Mai	KCS	01605/HĐLĐ
330	Đinh Thị Vi	KCS	02158/HĐLĐ
331	Nguyễn Thị Diệu Huyền	KCS	02654/HĐLĐ
332	Nguyễn Thị Hương	KCS	03264/HĐLĐ
333	Ngô Thị Hải	KCS	04932/HĐLĐ
334	Thái Việt Chiêu	KCS	07507/HĐLĐ
335	Nguyễn Thị Thanh Hoa	KCS	08930/HĐLĐ
336	Trần Thị Nhựt	KCS	09583/HĐLĐ
337	Võ Thị Ngân	KCS	10040/HĐLĐ
338	Võ Thị Thu Cẩm	KCS	11967/HĐLĐ
339	Võ Thị Hà	KCS	12406/HĐLĐ
340	Nguyễn Thị Huyền	KCS	12954/HĐLĐ
341	Lê Thị Xuân	VS02	00281/HĐLĐ
342	Phan Thị Bé	VS02	00523/HĐLĐ
343	Nguyễn Thị Quỳnh Châu	VS02	01399/HĐLĐ
344	Trần Thị Oanh	VS02	01401/HĐLĐ
345	Lê Thị Tuyết	VS02	03956/HĐLĐ
346	Phan Thị Năm	VS02	04826/HĐLĐ
347	Trương Thị Ánh Ngọc	VS02	05127/HĐLĐ
348	Nguyễn Thị Linh	VS02	06130/HĐLĐ
349	Trương Thị Liên	VS02	06202/HĐLĐ
350	Phạm Thị Hiền Thảo	VS02	16062/HĐLĐ
351	Hồ Văn Cường	VS02	19528/HĐLĐ
352	A Thị Ngọt	VS02	20593/HĐLĐ
353	Bnước Thị Đuốt	VS02	21104/HĐLĐ



3. Danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Thủy Sản và Thương Mại F32:

STT	Họ và Tên	Quốc tịch	Tổng số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Bùi Giang Nam	Việt Nam	283	2.830.000	0,0187%
2	Bùi Thị Hạnh	Việt Nam	943	9.430.000	0,0624%
3	Bùi Văn Hùng	Việt Nam	273	2.730.000	0,0181%

4	Bùi Văn Nhân	Việt Nam	608	6.080.000	0,0403%
5	Châu Quang Lễ	Việt Nam	538	5.380.000	0,0356%
6	Châu Quang Thu	Việt Nam	2.034	20.340.000	0,1347%
7	Châu Thị Triều	Việt Nam	112	1.120.000	0,0074%
8	Chế Văn Sơn	Việt Nam	126	1.260.000	0,0083%
9	Doãn Thị Thanh Thủy	Việt Nam	210	2.100.000	0,0139%
10	DƯƠNG MUÔI MUÔI	Việt Nam	0	0	0,0000%
11	DƯƠNG VĂN CẢNH	Việt Nam	3	30.000	0,0002%
12	Dương Quang Thắng	Việt Nam	804	8.040.000	0,0532%
13	Dương Thị Bình	Việt Nam	839	8.390.000	0,0556%
14	Dương Thị Tuyết Hằng	Việt Nam	22.363	223.630.000	1,4807%
15	Dương Văn Trung	Việt Nam	503	5.030.000	0,0333%
16	HOÀNG ĐÌNH HỨA	Việt Nam	978	9.780.000	0,0648%
17	Hoàng Thị Kim Lệ	Việt Nam	377	3.770.000	0,0250%
18	Hoàng Thị Kim Vinh	Việt Nam	559	5.590.000	0,0370%
19	Hoàng Thị Lệ Thu	Việt Nam	699	6.990.000	0,0463%
20	Hoàng Thị Phụng	Việt Nam	566	5.660.000	0,0375%
21	Hoàng Thị Tuyết Hạnh	Việt Nam	755	7.550.000	0,0500%
22	Hoàng Thị Tuyết Nhung	Việt Nam	461	4.610.000	0,0305%
23	Huỳnh Bá Khanh	Việt Nam	210	2.100.000	0,0139%
24	Huỳnh Diệu Thúy	Việt Nam	294	2.940.000	0,0195%
25	Huỳnh Lượng	Việt Nam	105	1.050.000	0,0070%
26	Huỳnh Ngọc Tuấn	Việt Nam	231	2.310.000	0,0153%
27	Huỳnh Thế Hiển	Việt Nam	830	8.300.000	0,0550%
28	Huỳnh Thị Bích Hạnh	Việt Nam	482	4.820.000	0,0319%
29	Huỳnh Thị Dung	Việt Nam	84	840.000	0,0056%
30	Huỳnh Thị Huyền	Việt Nam	189	1.890.000	0,0125%
31	Huỳnh Thị Hường	Việt Nam	818	8.180.000	0,0542%
32	Huỳnh Thị Lợi	Việt Nam	591	5.910.000	0,0391%
33	Huỳnh Thị Nguyệt	Việt Nam	210	2.100.000	0,0139%
34	Huỳnh Thị Ngọc Tuyết	Việt Nam	168	1.680.000	0,0111%
35	Huỳnh Thị Thảo	Việt Nam	63	630.000	0,0042%
36	Huỳnh Thị Thể	Việt Nam	545	5.450.000	0,0361%
37	Huỳnh Văn Sau	Việt Nam	1.978	19.780.000	0,1310%
38	Huỳnh Văn Tiếp	Việt Nam	419	4.190.000	0,0277%
39	Huỳnh Đình Trọng	Việt Nam	839	8.390.000	0,0556%
40	Hà Bích Vân Lisa	Việt Nam	0	0	0,0000%
41	Hà Thị Hiền	Việt Nam	992	9.920.000	0,0657%
42	Hà Thị Thu Thủy	Việt Nam	294	2.940.000	0,0195%
43	Hà Đăng Hòa	Việt Nam	1.747	17.470.000	0,1157%

THỦ
T
N

44	Hà Đức Thành	Việt Nam	168	1.680.000	0,0111%
45	Hồ Công Thiện	Việt Nam	126	1.260.000	0,0083%
46	Hồ Nhật Tuyên	Việt Nam	936	9.360.000	0,0620%
47	Hồ Thị Kiều Tiên	Việt Nam	2.086	20.860.000	0,1381%
48	Hồ Thị Lam Phương	Việt Nam	189	1.890.000	0,0125%
49	Hồ Thị Mỹ Tiên	Việt Nam	545	5.450.000	0,0361%
50	Hồ Thị Phúc	Việt Nam	409	4.090.000	0,0271%
51	Hồ Thị Thanh Trúc	Việt Nam	35	350.000	0,0023%
52	Hồ Thị Thủy Dương	Việt Nam	84	840.000	0,0056%
53	Hồ Thị Tình	Việt Nam	419	4.190.000	0,0277%
54	Hồ Thị Ánh Loan	Việt Nam	84	840.000	0,0056%
55	Hồ Tiến Dũng	Việt Nam	1.048	10.480.000	0,0694%
56	Hồ Văn Bớt	Việt Nam	1.132	11.320.000	0,0750%
57	Liêu Phúc Tường	Việt Nam	1.048	10.480.000	0,0694%
58	LÊ HOÀNG	Việt Nam	70	700.000	0,0046%
59	LÊ THỊ HƯƠNG	Việt Nam	7	70.000	0,0005%
60	LÊ THỊ MAI HƯƠNG	Việt Nam	126	1.260.000	0,0083%
61	LÊ THỊ MINH THẢO	Việt Nam	85.326	853.260.000	5,6495%
62	LÊ THỊ NGỌC SƯƠNG	Việt Nam	755	7.550.000	0,0500%
63	Lâm Thị Hồng Tâm	Việt Nam	412	4.120.000	0,0273%
64	Lê Anh Thương	Việt Nam	922	9.220.000	0,0610%
65	Lê Hùng Anh	Việt Nam	231	2.310.000	0,0153%
66	Lê Phước Thi	Việt Nam	14	140.000	0,0009%
67	Lê Quang Hưng	Việt Nam	356	3.560.000	0,0236%
68	Lê Thanh Giang	Việt Nam	84	840.000	0,0056%
69	Lê Thanh Hải	Việt Nam	56	560.000	0,0037%
70	Lê Thanh Thảo	Việt Nam	95.577	955.770.000	6,3283%
71	Lê Thanh Thủy	Việt Nam	419	4.190.000	0,0277%
72	Lê Thanh Tùng	Việt Nam	335	3.350.000	0,0222%
73	Lê Thị Biên	Việt Nam	699	6.990.000	0,0463%
74	Lê Thị Bích Na	Việt Nam	294	2.940.000	0,0195%
75	Lê Thị Bửu Sanh	Việt Nam	314	3.140.000	0,0208%
76	Lê Thị Diệu Huệ	Việt Nam	252	2.520.000	0,0167%
77	Lê Thị Hoa	Việt Nam	797	7.970.000	0,0528%
78	Lê Thị Hoàng Lan	Việt Nam	42	420.000	0,0028%
79	Lê Thị Hồng Loan	Việt Nam	252	2.520.000	0,0167%
80	Lê Thị Hồng Sáng	Việt Nam	461	4.610.000	0,0305%
81	Lê Thị Mai	Việt Nam	1.272	12.720.000	0,0842%
82	Lê Thị Minh Nguyên	Việt Nam	210	2.100.000	0,0139%
83	Lê Thị Nhi	Việt Nam	1	10.000	0,0001%

004
3 T
H
V
PH
TP

84	Lê Thị Sự	Việt Nam	94	940.000	0,0062%
85	Lê Thị Thanh Bình	Việt Nam	517	5.170.000	0,0342%
86	Lê Thị Thanh Lực	Việt Nam	189	1.890.000	0,0125%
87	Lê Thị Thanh Nguyệt	Việt Nam	650	6.500.000	0,0430%
88	Lê Thị Thu	Việt Nam	189	1.890.000	0,0125%
89	Lê Thị Trinh	Việt Nam	224	2.240.000	0,0148%
90	Lê Thị Trường	Việt Nam	1.510	15.100.000	0,1000%
91	Lê Thị Ái Trinh	Việt Nam	461	4.610.000	0,0305%
92	Lê Thị Đông	Việt Nam	377	3.770.000	0,0250%
93	Lê Tuấn	Việt Nam	1.405	14.050.000	0,0930%
94	Lê Tấn Đơn	Việt Nam	2.586	25.860.000	0,1712%
95	Lê Tự Gia Thạnh	Việt Nam	566	5.660.000	0,0375%
96	Lê Viết Long	Việt Nam	210	2.100.000	0,0139%
97	Lê Việt Hà	Việt Nam	307	3.070.000	0,0203%
98	Lê Văn Cường	Việt Nam	17.297	172.970.000	1,1453%
99	Lê Văn Trình	Việt Nam	1.887	18.870.000	0,1249%
100	Lê Văn Đại	Việt Nam	699	6.990.000	0,0463%
101	Lê Đức Kiên	Việt Nam	7	70.000	0,0005%
102	Lê Đức Trần Đầu	Việt Nam	63	630.000	0,0042%
103	Mai Hoàng Hưng	Việt Nam	7	70.000	0,0005%
104	Mai Thị Lên	Việt Nam	321	3.210.000	0,0213%
105	Mai Thị Thắm	Việt Nam	63	630.000	0,0042%
106	Mai Đăng Hải	Việt Nam	950	9.500.000	0,0629%
107	NGUYỄN CÔNG THÀNH	Việt Nam	426	4.260.000	0,0282%
108	NGUYỄN HOÀNG SƠN	Việt Nam	14	140.000	0,0009%
109	NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	Việt Nam	1	10.000	0,0001%
110	NGUYỄN KHÁNH TOÀN	Việt Nam	210	2.100.000	0,0139%
111	NGUYỄN SINH DŨNG THẮNG	Việt Nam	0	0	0,0000%
112	NGUYỄN SIÊU MÃN	Việt Nam	0	0	0,0000%
113	NGUYỄN THÀNH ĐƯỢC	Việt Nam	77	770.000	0,0051%
114	NGUYỄN THỊ HOÀNG SƯƠNG	Việt Nam	42	420.000	0,0028%
115	NGUYỄN THỊ MINH HIỀN	Việt Nam	0	0	0,0000%
116	NGUYỄN THỊ MINH ĐỨC	Việt Nam	0	0	0,0000%
117	NGUYỄN THỊ THÚY CHI	Việt Nam	168	1.680.000	0,0111%
118	NGUYỄN VIỆT QUÂN	Việt Nam	8.379	83.790.000	0,5548%
119	NGUYỄN VĂN CHUNG	Việt Nam	335	3.350.000	0,0222%
120	NGUYỄN VĂN CHUNG	Việt Nam	335	3.350.000	0,0222%
121	NGUYỄN VĂN DŨNG	Việt Nam	0	0	0,0000%

122	NGUYỄN VĂN HUY	Việt Nam	28	280.000	0,0019%
123	NGUYỄN VĂN HỒ	Việt Nam	699	6.990.000	0,0463%
124	NGUYỄN ĐỨC QUỲNH	Việt Nam	0	0	0,0000%
125	Nguyễn Châu	Việt Nam	321	3.210.000	0,0213%
126	Nguyễn Các Khánh	Việt Nam	280	2.800.000	0,0185%
127	Nguyễn Công Tuấn	Việt Nam	503	5.030.000	0,0333%
128	Nguyễn Hoài Đức	Việt Nam	839	8.390.000	0,0556%
129	Nguyễn Hoàng Oanh	Việt Nam	377	3.770.000	0,0250%
130	Nguyễn Hải Hà	Việt Nam	321	3.210.000	0,0213%
131	Nguyễn Hải Nam	Việt Nam	94	940.000	0,0062%
132	Nguyễn Hữu Nam	Việt Nam	105	1.050.000	0,0070%
133	Nguyễn Hữu Tuấn	Việt Nam	503	5.030.000	0,0333%
134	Nguyễn Khánh Huyền	Việt Nam	419	4.190.000	0,0277%
135	Nguyễn Ngọc Phúc Diễm	Việt Nam	7	70.000	0,0005%
136	Nguyễn Quang Cường	Việt Nam	84	840.000	0,0056%
137	Nguyễn Quý	Việt Nam	1.363	13.630.000	0,0902%
138	Nguyễn Quốc Hà	Việt Nam	3	30.000	0,0002%
139	Nguyễn Quốc Trường	Việt Nam	224	2.240.000	0,0148%
140	Nguyễn Quốc Tân	Việt Nam	629	6.290.000	0,0416%
141	Nguyễn Thanh An	Việt Nam	105	1.050.000	0,0070%
142	Nguyễn Thanh Bảo Duy	Việt Nam	2.166	21.660.000	0,1434%
143	Nguyễn Thanh Quý	Việt Nam	210	2.100.000	0,0139%
144	Nguyễn Thanh Sơn	Việt Nam	307	3.070.000	0,0203%
145	Nguyễn Thu Huyền	Việt Nam	2.390	23.900.000	0,1582%
146	Nguyễn Thế Phương	Việt Nam	252	2.520.000	0,0167%
147	Nguyễn Thị Bích Huệ	Việt Nam	377	3.770.000	0,0250%
148	Nguyễn Thị Bích Thuận	Việt Nam	335	3.350.000	0,0222%
149	Nguyễn Thị Bích Thủy	Việt Nam	252	2.520.000	0,0167%
150	Nguyễn Thị Cẩm Lệ	Việt Nam	384	3.840.000	0,0254%
151	Nguyễn Thị Cẩm Uyên	Việt Nam	629	6.290.000	0,0416%
152	Nguyễn Thị Diệu My	Việt Nam	755	7.550.000	0,0500%
153	Nguyễn Thị Dung	Việt Nam	4.732	47.320.000	0,3133%
154	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Việt Nam	419	4.190.000	0,0277%
155	Nguyễn Thị Hà	Việt Nam	105	1.050.000	0,0070%
156	Nguyễn Thị Hòa	Việt Nam	839	8.390.000	0,0556%
157	Nguyễn Thị Hương Trinh	Việt Nam	461	4.610.000	0,0305%
158	Nguyễn Thị Hạo	Việt Nam	346	3.460.000	0,0229%
159	Nguyễn Thị Hồng	Việt Nam	1.048	10.480.000	0,0694%
160	Nguyễn Thị Hồng Linh	Việt Nam	105	1.050.000	0,0070%
161	Nguyễn Thị Hồng Đào	Việt Nam	273	2.730.000	0,0181%

162	Nguyễn Thị Kim Dung	Việt Nam	419	4.190.000	0,0277%
163	Nguyễn Thị Kim Hạnh	Việt Nam	252	2.520.000	0,0167%
164	Nguyễn Thị Kim Liên	Việt Nam	598	5.980.000	0,0396%
165	Nguyễn Thị Kim Loan	Việt Nam	105	1.050.000	0,0070%
166	Nguyễn Thị Kim Phượng	Việt Nam	503	5.030.000	0,0333%
167	Nguyễn Thị Kim Phượng	Việt Nam	1.132	11.320.000	0,0750%
168	Nguyễn Thị Kim Yến	Việt Nam	545	5.450.000	0,0361%
169	Nguyễn Thị Lan Anh	Việt Nam	294	2.940.000	0,0195%
170	Nguyễn Thị Linh Phượng	Việt Nam	252	2.520.000	0,0167%
171	Nguyễn Thị Mai Hoa	Việt Nam	1.572	15.720.000	0,1041%
172	Nguyễn Thị Mỹ	Việt Nam	503	5.030.000	0,0333%
173	Nguyễn Thị Mỹ Trang	Việt Nam	335	3.350.000	0,0222%
174	Nguyễn Thị Nga	Việt Nam	1.384	13.840.000	0,0916%
175	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Việt Nam	1.786	17.860.000	0,1183%
176	Nguyễn Thị Như Ngọc	Việt Nam	335	3.350.000	0,0222%
177	Nguyễn Thị Nữ	Việt Nam	524	5.240.000	0,0347%
178	Nguyễn Thị Phi Anh	Việt Nam	864.715	8.647.150.000	57,2539%
179	Nguyễn Thị Phi Yến	Việt Nam	3.983	39.830.000	0,2637%
180	Nguyễn Thị Quý	Việt Nam	943	9.430.000	0,0624%
181	Nguyễn Thị Thanh Hương	Việt Nam	126	1.260.000	0,0083%
182	Nguyễn Thị Thanh Minh	Việt Nam	3.145	31.450.000	0,2082%
183	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Việt Nam	252	2.520.000	0,0167%
184	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Việt Nam	3.355	33.550.000	0,2221%
185	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Việt Nam	294	2.940.000	0,0195%
186	Nguyễn Thị Thi	Việt Nam	189	1.890.000	0,0125%
187	Nguyễn Thị Thu Bảo	Việt Nam	126	1.260.000	0,0083%
188	Nguyễn Thị Thu Hiền	Việt Nam	1.670	16.700.000	0,1106%
189	Nguyễn Thị Thu Hải	Việt Nam	252	2.520.000	0,0167%
190	Nguyễn Thị Thái Hiền	Việt Nam	168	1.680.000	0,0111%
191	Nguyễn Thị Thôi	Việt Nam	1.118	11.180.000	0,0740%
192	Nguyễn Thị Thúy Nga	Việt Nam	1.384	13.840.000	0,0916%
193	Nguyễn Thị Thảo	Việt Nam	49	490.000	0,0032%
194	Nguyễn Thị Thảo	Việt Nam	49	490.000	0,0032%
195	Nguyễn Thị Tâm	Việt Nam	224	2.240.000	0,0148%
196	Nguyễn Thị Tình	Việt Nam	283	2.830.000	0,0187%
197	Nguyễn Thị Việt	Việt Nam	210	2.100.000	0,0139%
198	Nguyễn Thị Vân	Việt Nam	31	310.000	0,0021%
199	Nguyễn Thị Xuân Hương	Việt Nam	2.294	22.940.000	0,1519%
200	Nguyễn Thị Xuân Thi	Việt Nam	314	3.140.000	0,0208%
201	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Việt Nam	409	4.090.000	0,0271%

043.
STY
HAI
HVA T.
PHUC
TP.

202	Nguyễn Tuấn Huy	Việt Nam	42	420.000	0,0028%
203	Nguyễn Viết Trung	Việt Nam	91	910.000	0,0060%
204	Nguyễn Văn Dũng	Việt Nam	335	3.350.000	0,0222%
205	Nguyễn Văn Huy	Việt Nam	503	5.030.000	0,0333%
206	Nguyễn Văn Hậu	Việt Nam	832	8.320.000	0,0551%
207	Nguyễn Văn Nam	Việt Nam	28	280.000	0,0019%
208	Nguyễn Văn Nghĩa	Việt Nam	112	1.120.000	0,0074%
209	Nguyễn Văn Thuận	Việt Nam	252	2.520.000	0,0167%
210	Nguyễn Văn Thành	Việt Nam	231	2.310.000	0,0153%
211	Nguyễn Văn Thích	Việt Nam	881	8.810.000	0,0583%
212	Nguyễn Văn Trung	Việt Nam	1.447	14.470.000	0,0958%
213	Nguyễn Văn Tín	Việt Nam	252	2.520.000	0,0167%
214	Nguyễn Văn Tính	Việt Nam	294	2.940.000	0,0195%
215	Nguyễn Đình Cường	Việt Nam	0	0	0,0000%
216	Nguyễn Đình Tuấn	Việt Nam	2.348	23.480.000	0,1555%
217	Nguyễn Đăng Dũng	Việt Nam	419	4.190.000	0,0277%
218	Nguyễn Đắc Quỳnh Như	Việt Nam	811	8.110.000	0,0537%
219	Ngô Diệu Quỳnh	Việt Nam	7	70.000	0,0005%
220	Ngô Nguyễn Anh Tuấn	Việt Nam	1.216	12.160.000	0,0805%
221	Ngô Quang Cường	Việt Nam	7	70.000	0,0005%
222	Ngô Thị Hoài Thu	Việt Nam	671	6.710.000	0,0444%
223	Ngô Thị Thanh Hà	Việt Nam	210	2.100.000	0,0139%
224	Ngô Văn Hạnh	Việt Nam	1.688	16.880.000	0,1118%
225	Ngô Văn Sơn	Việt Nam	4.193	41.930.000	0,2776%
226	NÔNG THỊ MINH LIN	Việt Nam	7	70.000	0,0005%
227	PHAN ANH TUẤN	Việt Nam	629	6.290.000	0,0416%
228	PHÙNG THỊ PHÚ	Việt Nam	0	0	0,0000%
229	PHẠM DOÃN LÊ BÌNH	Việt Nam	7	70.000	0,0005%
230	PHẠM THỊ THƯƠNG	Việt Nam	189	1.890.000	0,0125%
231	Phan Công Dũng	Việt Nam	699	6.990.000	0,0463%
232	Phan Hữu Mạnh	Việt Nam	419	4.190.000	0,0277%
233	Phan Quỳnh Anh	Việt Nam	545	5.450.000	0,0361%
234	Phan Thị Chi Tuyết	Việt Nam	881	8.810.000	0,0583%
235	Phan Thị Cát	Việt Nam	419	4.190.000	0,0277%
236	Phan Thị Hiền	Việt Nam	440	4.400.000	0,0291%
237	Phan Thị Hường	Việt Nam	629	6.290.000	0,0416%
238	Phan Thị Kim Yến	Việt Nam	440	4.400.000	0,0291%
239	Phan Thị Lê	Việt Nam	943	9.430.000	0,0624%
240	Phan Thị Minh Lành	Việt Nam	3.396	33.960.000	0,2249%
241	Phan Thị Mỹ Hòa	Việt Nam	314	3.140.000	0,0208%



242	Phan Thị Thuần	Việt Nam	231	2.310.000	0,0153%
243	Phan Thị Xiềng	Việt Nam	314	3.140.000	0,0208%
244	Phan Thị Yên	Việt Nam	566	5.660.000	0,0375%
245	Phan Tường Bách	Việt Nam	5.500	55.000.000	0,3642%
246	Phùng Hữu Văn Chương	Việt Nam	419	4.190.000	0,0277%
247	Phạm Hoài Ngọc	Việt Nam	1	10.000	0,0001%
248	Phạm Lê Bảo Long	Việt Nam	7	70.000	0,0005%
249	Phạm Ngọc Sơn	Việt Nam	77	770.000	0,0051%
250	Phạm Sỹ Tuyển	Việt Nam	881	8.810.000	0,0583%
251	Phạm Thanh Xuân	Việt Nam	503	5.030.000	0,0333%
252	Phạm Thị Cấn	Việt Nam	1.254	12.540.000	0,0830%
253	Phạm Thị Ngọc ánh	Việt Nam	1.188	11.880.000	0,0787%
254	Phạm Thị Nhung	Việt Nam	440	4.400.000	0,0291%
255	Phạm Thị Nhuận	Việt Nam	377	3.770.000	0,0250%
256	Phạm Thị Nhâm	Việt Nam	419	4.190.000	0,0277%
257	Phạm Thị Phương Thảo	Việt Nam	49	490.000	0,0032%
258	Phạm Thị Thiên	Việt Nam	189	1.890.000	0,0125%
259	Phạm Thị Thu Cúc	Việt Nam	461	4.610.000	0,0305%
260	Phạm Thị Thu Cúc	Việt Nam	531	5.310.000	0,0352%
261	Phạm Thị Thùy Nhung	Việt Nam	0	0	0,0000%
262	Phạm Thị Trí	Việt Nam	147	1.470.000	0,0097%
263	Phạm Thị Tài	Việt Nam	839	8.390.000	0,0556%
264	Phạm Thị Vân	Việt Nam	692	6.920.000	0,0458%
265	Phạm Xuân Thảo	Việt Nam	140	1.400.000	0,0093%
266	Phạm Đình Nguyên	Việt Nam	587	5.870.000	0,0389%
267	Sỹ Thị Tâm	Việt Nam	105	1.050.000	0,0070%
268	TRƯƠNG THANH HẢI	Việt Nam	1.468	14.680.000	0,0972%
269	TRẦN NGỌC THU TRÚC	Việt Nam	1.048	10.480.000	0,0694%
270	TRẦN THỊ LIỄU OANH	Việt Nam	398	3.980.000	0,0264%
271	TRẦN THỊ MỸ	Việt Nam	273	2.730.000	0,0181%
272	TRẦN THỊ PHƯƠNG	Việt Nam	419	4.190.000	0,0277%
273	TRẦN THỊ THANH HẢI	Việt Nam	245	2.450.000	0,0162%
274	TRẦN TUẤN ĐẠT	Việt Nam	49	490.000	0,0032%
275	Trương Công Phương	Việt Nam	280	2.800.000	0,0185%
276	Trương Công Tám	Việt Nam	4.459	44.590.000	0,2952%
277	Trương Nguyên	Việt Nam	10.052	100.520.000	0,6656%
278	Trương Thị Diệu Khải	Việt Nam	964	9.640.000	0,0638%
279	Trương Thị Mỹ Lệ	Việt Nam	168	1.680.000	0,0111%
280	Trương Thị Phong	Việt Nam	210	2.100.000	0,0139%
281	Trương Thị Thanh Minh	Việt Nam	210	2.100.000	0,0139%

282	Trương Văn Quang	Việt Nam	797	7.970.000	0,0528%
283	Trương Văn Tuấn	Việt Nam	461	4.610.000	0,0305%
284	Trương Văn Tường	Việt Nam	3.145	31.450.000	0,2082%
285	Trần Anh Quang	Việt Nam	231	2.310.000	0,0153%
286	Trần Chín	Việt Nam	629	6.290.000	0,0416%
287	Trần Công Phương	Việt Nam	1.572	15.720.000	0,1041%
288	Trần Nguyễn Ngọc Hà	Việt Nam	384	3.840.000	0,0254%
289	Trần Quốc Hải	Việt Nam	5.724	57.240.000	0,3790%
290	Trần Quốc Toàn	Việt Nam	210	2.100.000	0,0139%
291	Trần Quốc Tuấn	Việt Nam	13.977	139.770.000	0,9254%
292	Trần Thanh Bình	Việt Nam	7	70.000	0,0005%
293	Trần Thị Hòa	Việt Nam	189	1.890.000	0,0125%
294	Trần Thị Hương	Việt Nam	419	4.190.000	0,0277%
295	Trần Thị Hạnh	Việt Nam	314	3.140.000	0,0208%
296	Trần Thị Hạnh	Việt Nam	356	3.560.000	0,0236%
297	Trần Thị Kim Loan	Việt Nam	2.893	28.930.000	0,1915%
298	Trần Thị Lê Quyên	Việt Nam	629	6.290.000	0,0416%
299	Trần Thị Mai	Việt Nam	189	1.890.000	0,0125%
300	Trần Thị Nga	Việt Nam	1.447	14.470.000	0,0958%
301	Trần Thị Nguyệt	Việt Nam	342	3.420.000	0,0226%
302	Trần Thị Ngọc Lan	Việt Nam	1.300	13.000.000	0,0861%
303	Trần Thị Nở	Việt Nam	335	3.350.000	0,0222%
304	Trần Thị Thoại	Việt Nam	70	700.000	0,0046%
305	Trần Thị Thu Hà	Việt Nam	1.038	10.380.000	0,0687%
306	Trần Thị Thu Thúy	Việt Nam	147	1.470.000	0,0097%
307	Trần Thị Thành	Việt Nam	587	5.870.000	0,0389%
308	Trần Thị Tuyết	Việt Nam	154	1.540.000	0,0102%
309	Trần Thị Tâm	Việt Nam	377	3.770.000	0,0250%
310	Trần Thị Tứ	Việt Nam	112	1.120.000	0,0074%
311	Trần Thị Tứ	Việt Nam	2.306	23.060.000	0,1527%
312	Trần Thị Tứ	Việt Nam	391	3.910.000	0,0259%
313	Trần Thị Việt Hồng	Việt Nam	8.351	83.510.000	0,5529%
314	Trần Thị Vui	Việt Nam	210	2.100.000	0,0139%
315	Trần Thị Vân	Việt Nam	196	1.960.000	0,0130%
316	Trần Viết Dũng	Việt Nam	839	8.390.000	0,0556%
317	Trần Văn Dũng	Việt Nam	126	1.260.000	0,0083%
318	Trần Văn Lĩnh	Việt Nam	108.455	1.084.550.000	7,1809%
319	Trần Văn Nhân Lực	Việt Nam	280	2.800.000	0,0185%
320	Trần Văn Thu	Việt Nam	273	2.730.000	0,0181%
321	Trần Yên	Việt Nam	168	1.680.000	0,0111%

3.
V.
A.
T.
H.
P.

322	Trịnh Thị Hoàng Dung	Việt Nam	182	1.820.000	0,0121%
323	Trịnh Thị Hồng Phúc	Việt Nam	10.776	107.760.000	0,7135%
324	Trịnh Tuyết Lê	Việt Nam	84	840.000	0,0056%
325	TÔ THỊ TƯỜNG DUYÊN	Việt Nam	6.671	66.710.000	0,4417%
326	Tô Tử Tấn	Việt Nam	1.635	16.350.000	0,1083%
327	TỪ VĨ HUÊ	Việt Nam	0	0	0,0000%
328	Từ Hoàng Đức	Việt Nam	168	1.680.000	0,0111%
329	Võ Hồng Sơn	Việt Nam	4.193	41.930.000	0,2776%
330	Võ Hồng Thái	Việt Nam	22.472	224.720.000	1,4879%
331	Võ Lệ	Việt Nam	175	1.750.000	0,0116%
332	Võ Nguyễn Vi Dân	Việt Nam	433	4.330.000	0,0287%
333	Võ Thị Bốn	Việt Nam	1.069	10.690.000	0,0708%
334	Võ Thị Gái	Việt Nam	105	1.050.000	0,0070%
335	Võ Thị Hương	Việt Nam	126	1.260.000	0,0083%
336	Võ Thị Kim Huyền	Việt Nam	98	980.000	0,0065%
337	Võ Thị Ngọc Hòa	Việt Nam	1.908	19.080.000	0,1263%
338	Võ Thị Thương	Việt Nam	84	840.000	0,0056%
339	Võ Thị Vân	Việt Nam	231	2.310.000	0,0153%
340	Võ Văn Giới	Việt Nam	7	70.000	0,0005%
341	Võ Đức Phương	Việt Nam	692	6.920.000	0,0458%
342	Văn Thùy Trang	Việt Nam	419	4.190.000	0,0277%
343	Văn Thị Diệu Lài	Việt Nam	692	6.920.000	0,0458%
344	Văn Thị Diệu Nhân	Việt Nam	314	3.140.000	0,0208%
345	Văn Thị Thu	Việt Nam	168	1.680.000	0,0111%
346	Văn Đức Thiện	Việt Nam	84	840.000	0,0056%
347	VŨ HỒNG SƠN	Việt Nam	699	6.990.000	0,0463%
348	VŨ TIỀN QUANG	Việt Nam	2.795	27.950.000	0,1851%
349	Vũ Quốc Bảo	Việt Nam	4.403	44.030.000	0,2915%
350	VƯƠNG HOÀNG PHƯƠNG	Việt Nam	0	0	0,0000%
351	Ông Thị Minh	Việt Nam	629	6.290.000	0,0416%
352	Đinh Thị Ngọc Hồng	Việt Nam	4.193	41.930.000	0,2776%
353	Đoàn Thị Bạch Yến	Việt Nam	1.761	17.610.000	0,1166%
354	Đàm Thu Thủy	Việt Nam	273	2.730.000	0,0181%
355	Đào Ngọc Thể	Việt Nam	6.863	68.630.000	0,4544%
356	Đào Thị Ái Xuân	Việt Nam	252	2.520.000	0,0167%
357	ĐẶNG PHAN XUÂN TRIỀU	Việt Nam	140	1.400.000	0,0093%
358	ĐẶNG THÁI HÙNG	Việt Nam	1	10.000	0,0001%
359	Đặng Anh Khoa	Việt Nam	210	2.100.000	0,0139%
360	Đặng Bảo Mai	Việt Nam	1.314	13.140.000	0,0870%



361	Đặng Hữu Mục	Việt Nam	629	6.290.000	0,0416%
362	Đặng Thị Huyền Trang	Việt Nam	126	1.260.000	0,0083%
363	Đặng Thị Hải	Việt Nam	42	420.000	0,0028%
364	Đặng Thị Hải	Việt Nam	140	1.400.000	0,0093%
365	Đặng Thị Liên	Việt Nam	126	1.260.000	0,0083%
366	Đặng Thị Lênh	Việt Nam	314	3.140.000	0,0208%
367	Đặng Thị Thanh	Việt Nam	461	4.610.000	0,0305%
368	Đặng Thị Xí	Việt Nam	922	9.220.000	0,0610%
369	Đặng Văn Ngọc	Việt Nam	112	1.120.000	0,0074%
370	Đặng Xuân Tài	Việt Nam	881	8.810.000	0,0583%
371	Đặng Đình Đảo	Việt Nam	7	70.000	0,0005%
372	ĐỖ THÚY HẢO	Việt Nam	35	350.000	0,0023%
373	Đỗ Anh Thị Tuyết Thu	Việt Nam	147	1.470.000	0,0097%
374	Đỗ Thị Hường	Việt Nam	349	3.490.000	0,0231%
375	Đỗ Thị Mỹ Hạnh	Việt Nam	943	9.430.000	0,0624%
376	Đỗ Thị Nguyệt	Việt Nam	3.138	31.380.000	0,2078%
377	Đỗ Thị Thanh	Việt Nam	252	2.520.000	0,0167%
378	Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước	Việt Nam	28	280.000	0,0019%
379	NISHIMURA TAKUYA	Japan	28	280.000	0,0019%
380	MIRAE ASSET SECURITIES CO., LTD.	Korea (the Republic of)	7	70.000	0,0005%
			1.510.316	15.103.160.000	100,00%



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TY CP THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI F32**

Tháng 4/2026



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

CHƯƠNG I : ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 05

Điều 1 : Giải thích thuật ngữ 05

CHƯƠNG II : HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY 06

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 06

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của công ty 06

CHƯƠNG III : MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 08

Điều 4 : Mục tiêu hoạt động của Công ty 08

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 10

CHƯƠNG IV : VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 10

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 10

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 11

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác 11

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 12

Điều 10. Thu hồi cổ phần 12

CHƯƠNG V : CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 13

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 13

CHƯƠNG VI : CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 13

Điều 12. Quyền của cổ đông 13

Điều 13 : Nghĩa vụ cổ đông 15

Điều 14 : Đại Hội đồng cổ đông 16

Điều 15 : Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 18

Điều 16 : Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông 21

Điều 17 : Thay đổi các quyền 22

Điều 18 : Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 22

Điều 19 : Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 24

Điều 20 : Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 21 : Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	27
Điều 22 : Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 23 : Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	31
Điều 24 : Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	32
CHƯƠNG VII : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	32
Điều 25 : Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	32
Điều 26 : Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị	33
Điều 27 : Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	35
Điều 28 : Thù Lao, thưởng và Lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	37
Điều 29 : Chủ tịch Hội đồng quản trị	38
Điều 30 : Cuộc họp của Hội đồng quản trị	39
Điều 31 : Người phụ trách quản trị công ty	41
CHƯƠNG VIII : TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	42
Điều 32 : Tổ chức bộ máy quản lý	42
Điều 33 : Người điều hành Công ty	42
Điều 34 : Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	42
CHƯƠNG IX : BAN KIỂM SOÁT	44
Điều 35 : Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	44
Điều 36 Thành phần ban kiểm soát	45
Điều 37 : Trưởng Ban kiểm soát	46
Điều 38 : Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	46
Điều 39 : Cuộc họp của Ban kiểm soát	47
Điều 40 : Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	47
CHƯƠNG X : TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	48
Điều 41: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	48
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	49

CHƯƠNG XI : QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	50
Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	50
CHƯƠNG XII : PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	51
Điều 44 : Phân phối lợi nhuận	51
CHƯƠNG XIII : TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	52
Điều 45. Tài khoản ngân hàng	52
Điều 46. Năm tài chính	53
Điều 47. Chế độ kế toán	53
CHƯƠNG XIV : BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	53
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	53
Điều 49. Báo cáo thường niên	54
CHƯƠNG XV : KIỂM TOÁN CÔNG TY	54
Điều 50. Kiểm toán	54
CHƯƠNG XVI : DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	54
Điều 51. Dấu của doanh nghiệp	54
CHƯƠNG XVII : CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	55
Điều 52. Công nhân viên và công đoàn	55
CHƯƠNG XVIII : GIẢI THỂ CÔNG TY	55
Điều 53. Giải thể công ty	55
Điều 54. Gia hạn hoạt động	56
Điều 55. Thanh lý	56
CHƯƠNG XIX : GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	56
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ	56
CHƯƠNG XX : BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	57
Điều 57. Điều lệ Công ty	57
CHƯƠNG XXI : NGÀY HIỆU LỰC	57
Điều 58. Ngày hiệu lực	57

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại F32 số:/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2026.

CHƯƠNG I : ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1 : Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật số: 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp.
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính; Văn bản hợp nhất số: 24/VBHN-VPQH ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Văn phòng quốc hội hợp nhất Luật Chứng khoán.
- đ) *Việt Nam* là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng; và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
- h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
- i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

- l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
 3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này

CHƯƠNG II : HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI F32
- Tên công ty viết bằng tiếng Anh: F32 SEAFOODS AND TRADING CORPORATION

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của công ty

- Địa chỉ trụ sở chính: 03 Vân Đồn, Khu công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Đà Nẵng.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh, các địa phương khác hoặc trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của công ty

- A. Công ty có một người đại diện theo pháp luật là chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc, theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- B. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật:
1. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây:
 - a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;
 - b) Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.
 2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

CHƯƠNG III : MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4: Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

TT	Tên ngành	Mã
1	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết : sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng thủy sản đông lạnh	1020 (Chính)
2	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết : Cung cấp, lắp đặt thiết bị trong lĩnh vực công nghiệp điện lạnh và công nghiệp thực phẩm	4329
3	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Trừ các hoạt động sau: Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)	6810
4	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559

TT	Tên ngành	Mã
	Chi tiết : Đào tạo nghề ngắn hạn	
5	Sản xuất rượu vang Chi tiết: Sản xuất rượu	1102
6	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước giải khát các loại	1104
7	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia Chi tiết: Sản xuất bia	1103
8	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : Xuất khẩu các mặt hàng nông sản thực phẩm và thực phẩm công nghệ. Nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị, công nghệ, phương tiện giao thông vận tải và hàng tiêu dùng (Trừ thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết)	4669
9	Nuôi trồng thủy sản biển (Không hoạt động tại trụ sở)	0321
10	Nuôi trồng thủy sản nội địa (Không hoạt động tại trụ sở)	0322
11	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô	4933
12	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ hậu cần nghề cá	5229
13	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các mặt hàng nông sản thực phẩm và thực phẩm công nghệ	1079
14	Xây dựng nhà để ở	4101
15	Xây dựng nhà không để ở	4102
16	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa (Trừ thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình,	4610

4001
 CÔNG
 CỐ
 HUY S
 THƯ
 Y TR

TT	Tên ngành	Mã
	kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết)	

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Công ty được thành lập, tổ chức và không ngừng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh về các ngành nghề đã đăng ký và các lĩnh vực mà pháp luật không cấm nhằm mục tiêu thu lợi nhuận, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức và bảo đảm các quyền lợi hợp pháp khác cho các cổ đông, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Nhà Nước và đóng góp lợi ích cho xã hội.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký trên cổng thông tin điện tử quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.



CHƯƠNG IV : VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: **15.103.160.000 đồng** (Mười lăm tỷ, một trăm lẻ ba triệu, một trăm sáu chục ngàn đồng).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành : **1.510.316 cổ phần** với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ có một loại cổ phần là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến



ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V : CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI : CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG.

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mọi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại điều 132 của Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước

ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [5%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 26 và khoản 2 Điều 35 Điều lệ này;

Điều 13 : Nghĩa vụ cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14 : Đại Hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Khi số thành viên còn lại Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của

các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát, yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15 : Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc);
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

1) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác];

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại điểm p, điểm r khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16 : Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17 : Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ

phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, điều 20 và điều 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18 : Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [21 ngày] trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - đ. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5%] cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19 : Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai.

Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20 : Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

Điều 21 : Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp :
- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3,4,và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp.
3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Điều lệ công ty qui định thực hiện theo phương thức bầu thông thường, theo đó mỗi cổ đông hoặc (và) đại diện cổ đông được ủy quyền có tổng số phiếu có quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc (và) đại diện sở hữu, cổ đông muốn bầu cho ứng viên nào thì dồn tối đa số phiếu có quyền biểu quyết cho ứng viên đó. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc kiểm soát viên được xác định phải đạt tỷ lệ số phiếu bầu quá bán trở lên, chọn từ người có số phiếu bầu quá bán cao nhất đến khi đủ số lượng ứng viên cần bầu. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng tỷ lệ phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì đại hội tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có phiếu bầu ngang nhau, người có tỷ lệ phiếu bầu cao nhất sẽ trúng cử hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.
4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22 : Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất [10 ngày] trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23 : Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội

đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24 : Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

Điều 25 : Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có

thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và khoản 2 điều 26 của Điều lệ này.
 3. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây :
 - Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - Có trình độ Đại học, có năng lực quản lý và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

Điều 26 : Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (3) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề

cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo khoản 5 điều 115 của Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - đ. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự

tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 27 : Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
4. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28 : Thù Lao, thưởng và Lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29 : Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- d) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30 : Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội

đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn]. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng

001
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA
LIÊN MINH
VIỆT NAM
THỦ TƯỚNG
V. TRẦN

quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31 : Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII : TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.

Điều 32 : Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 33 : Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định, hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Tổng giám đốc quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34 : Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Tổng giám đốc có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- d. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, khen thưởng đối với cán bộ quản lý còn lại.
- đ. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- e. Hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.
- j. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong doanh nghiệp;

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN
TH

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX : BAN KIỂM SOÁT.

Điều 35 : Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo trình tự như quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo khoản 5 điều 115 của luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 36 Thành phần ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Kiểm soát viên không được giữ chức vụ quản lý Công ty (Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc xí nghiệp trực thuộc, Trưởng phòng, Quản đốc phân xưởng), không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
- 3. Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.
- 4. Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá năm (05) năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 5. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:
 - a. Kiểm soát viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp;
 - b. Kiểm soát viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ Kiểm soát viên đó không còn năng lực hành vi dân sự;
 - d. Kiểm soát viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - đ. Kiểm soát viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37 : Trưởng Ban kiểm soát

- 1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- 2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38 : Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 39 : Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 40 : Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X : TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm toán nội bộ, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm toán nội bộ, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm toán nội bộ, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp

1432
1Y
HÀN
VÀ T.M
PHƯỚC
TP. Đ

nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm toán nội bộ, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm toán nội bộ, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của người điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm toán nội bộ, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm toán nội bộ, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và

năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm toán nội bộ, người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI : QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;



- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
 3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
 4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
 5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII : PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.

Điều 44 : Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII : TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp

CHƯƠNG XIV : BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XV :KIỂM TOÁN CÔNG TY.

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVI : DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.

Điều 51. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVII : CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 52. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành

CHƯƠNG XVIII : GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 54. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất [7 tháng] trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu [06 tháng] trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX : GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng [10 ngày] làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng [06 tuần] từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX : BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ Công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI : NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương, 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước nhất trí thông qua ngày tháng năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

.....



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI AN AN

Tháng 3/2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

CHƯƠNG I : ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 05

Điều 1 : Giải thích thuật ngữ 05

CHƯƠNG II : HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY 06

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 06

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của công ty 06

CHƯƠNG III : MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 08

Điều 4 : Mục tiêu hoạt động của Công ty 08

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 10

CHƯƠNG IV : VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 10

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 10

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 11

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác 11

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 12

Điều 10. Thu hồi cổ phần 12

CHƯƠNG V : CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 13

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 13

CHƯƠNG VI : CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 13

Điều 12. Quyền của cổ đông 13

Điều 13 : Nghĩa vụ cổ đông 15

Điều 14 : Đại Hội đồng cổ đông 16

Điều 15 : Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 18

Điều 16 : Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông 21

Điều 17 : Thay đổi các quyền 22

Điều 18 : Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 22

Điều 19 : Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 24

Điều 20 : Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 25

Điều 21 : Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	27
Điều 22 : Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 23 : Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	31
Điều 24 : Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	32
CHƯƠNG VII : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	32
Điều 25 : Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	32
Điều 26 : Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị	33
Điều 27 : Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	35
Điều 28 : Thù Lao, thưởng và Lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	37
Điều 29 : Chủ tịch Hội đồng quản trị	38
Điều 30 : Cuộc họp của Hội đồng quản trị	39
Điều 31 : Người phụ trách quản trị công ty	41
CHƯƠNG VIII : TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	42
Điều 32 : Tổ chức bộ máy quản lý	42
Điều 33 : Người điều hành Công ty	42
Điều 34 : Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	42
CHƯƠNG IX : BAN KIỂM SOÁT	44
Điều 35 : Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	44
Điều 36 Thành phần ban kiểm soát	45
Điều 37 : Trưởng Ban kiểm soát	46
Điều 38 : Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	46
Điều 39 : Cuộc họp của Ban kiểm soát	47
Điều 40 : Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	47
CHƯƠNG X : TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	48
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	48
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	49
CHƯƠNG XI : QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	50

Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	50
CHƯƠNG XII : PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	51
Điều 44 : Phân phối lợi nhuận	51
CHƯƠNG XIII : TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	52
Điều 45. Tài khoản ngân hàng	52
Điều 46. Năm tài chính	53
Điều 47. Chế độ kế toán	53
CHƯƠNG XIV : BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	53
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	53
Điều 49. Báo cáo thường niên	54
CHƯƠNG XV : KIỂM TOÁN CÔNG TY	54
Điều 50. Kiểm toán	54
CHƯƠNG XVI : DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	54
Điều 51. Dấu của doanh nghiệp	54
CHƯƠNG XVII : CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	55
Điều 52. Công nhân viên và công đoàn	55
CHƯƠNG XVIII : GIẢI THỂ CÔNG TY	55
Điều 53. Giải thể công ty	55
Điều 54. Gia hạn hoạt động	56
Điều 55. Thanh lý	56
CHƯƠNG XIX : GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	56
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ	56
CHƯƠNG XX : BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	57
Điều 57. Điều lệ Công ty	57
CHƯƠNG XXI : NGÀY HIỆU LỰC	57
Điều 58. Ngày hiệu lực	57

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại An An số:/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2026.

CHƯƠNG I : ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1 : Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật số: 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp.
 - d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính; Văn bản hợp nhất số: 24/VBHN-VPQH ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Văn phòng quốc hội hợp nhất Luật Chứng khoán.
 - đ) *Việt Nam* là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng; và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
 - h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
 - i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

- l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - o) *Sổ giao dịch chứng khoán* là Sổ giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
 3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này

CHƯƠNG II : HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI AN AN**
 - Tên công ty viết bằng tiếng Anh : **AN AN SEAFOODS AND TRADING LIMITED**
 - Tên công ty viết tắt :
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của công ty
 - Địa chỉ trụ sở chính : Ấp Tây Hòa, Xã Kim Sơn, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh, các địa phương khác hoặc trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

1432
TY
AN
VÀ T.M
PHUOI
TP. D

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của công ty

A. Công ty có một người đại diện theo pháp luật là chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc, theo quyết định của Hội đồng quản trị.

B. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật:

1. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây:

- a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;
- b) Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

CHƯƠNG III : MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4: Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

TT	Tên ngành	Mã
1	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết : sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng thủy sản đông lạnh	1020 (Chính)
2	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết : Cung cấp, lắp đặt thiết bị trong lĩnh vực công nghiệp điện lạnh và công nghiệp thực phẩm	4329
3	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Trừ các hoạt động sau: Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)	6810
4	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : Đào tạo nghề ngắn hạn	8559
5	Sản xuất rượu vang Chi tiết: Sản xuất rượu	1102

TT	Tên ngành	Mã
6	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước giải khát các loại	1104
7	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia Chi tiết: Sản xuất bia	1103
8	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : Xuất khẩu các mặt hàng nông sản thực phẩm và thực phẩm công nghệ. Nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị, công nghệ, phương tiện giao thông vận tải và hàng tiêu dùng (Trừ thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết)	4669
9	Nuôi trồng thủy sản biển (Không hoạt động tại trụ sở)	0321
10	Nuôi trồng thủy sản nội địa (Không hoạt động tại trụ sở)	0322
11	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô	4933
12	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ hậu cần nghề cá	5229
13	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các mặt hàng nông sản thực phẩm và thực phẩm công nghệ	1079
14	Xây dựng nhà để ở	4101
15	Xây dựng nhà không để ở	4102
16	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa (Trừ thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết)	4610

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Công ty được thành lập, tổ chức và không ngừng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh về các ngành nghề đã đăng ký và các lĩnh vực mà pháp luật không cấm nhằm mục tiêu thu lợi nhuận, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức và bảo đảm các quyền lợi hợp pháp khác cho các cổ đông, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Nhà Nước và đóng góp lợi ích cho xã hội.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký trên cổng thông tin điện tử quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV : VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là : **105.673.120.000 đồng**(Một trăm lẻ năm tỷ, sáu trăm bảy mươi ba triệu, một trăm hai chục ngàn đồng)
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành : **10,567,312 cổ phần** với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ có một loại cổ phần là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản

trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V : CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI : CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG.

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mọi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại điều 132 của Luật Doanh nghiệp;

- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [5%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 26 và khoản 2 Điều 35 Điều lệ này;

Điều 13 : Nghĩa vụ cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

- 1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
- 2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
- 3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- 4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
- 6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
- 7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
- 8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14 : Đại Hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Khi số thành viên còn lại Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát, yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

“J2-C
AN
T.MAI
HƯC
P.ĐA”

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15 : Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc);
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác];
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại điểm p, điểm r khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16 : Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
- 2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17 : Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, điều 20 và điều 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18 : Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [21 ngày] trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không

được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - đ. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5%] cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19 : Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3.3.32
T.V
TÂN
VÀ T.M
THUỐC
TP. Đ.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai.

Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20 : Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
- b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa,

Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến

triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

Điều 21 : Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp :
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4, và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp.

3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Điều lệ công ty qui định thực hiện theo phương thức bầu thông thường, theo đó mỗi cổ đông hoặc (và) đại diện cổ đông được ủy quyền có tổng số phiếu có quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc (và) đại diện sở hữu, cổ đông muốn bầu cho ứng viên nào thì dồn tối đa số phiếu có quyền biểu quyết cho ứng viên đó. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc kiểm soát viên được xác định phải đạt tỷ lệ số phiếu bầu quá bán trở lên, chọn từ người có số phiếu bầu quá bán cao nhất đến khi đủ số lượng ứng viên cần bầu. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng tỷ lệ phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì đại hội tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có phiếu bầu ngang nhau, người có tỷ lệ phiếu bầu cao nhất sẽ trúng cử hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.
4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22 : Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất [10 ngày] trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số

giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23 : Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này.
- Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản



hợp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24 : Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

Điều 25 : Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên

Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và khoản 2 điều 26 của Điều lệ này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây :
- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - Có trình độ Đại học, có năng lực quản lý và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

Điều 26 : Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (3) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề

cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo khoản 5 điều 115 của Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - đ. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.



Điều 27 : Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
4. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28 : Thù Lao, thưởng và Lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 4. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công

ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29 : Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

904
GTY
HÀ
VÀ
PHU
TP.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30 : Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp. Thông báo

mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn]. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31 : Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII : TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.

Điều 32 : Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các

chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 33 : Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định, hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Tổng giám đốc quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34 : Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Tổng giám đốc có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;



- c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
 - d. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, khen thưởng đối với cán bộ quản lý còn lại.
 - đ. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - e. Hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.
 - j. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong doanh nghiệp;
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX : BAN KIỂM SOÁT.

Điều 35 : Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo trình tự như quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo khoản 5 điều 115 của luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 36 Thành phần ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Kiểm soát viên không được giữ chức vụ quản lý Công ty (Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc xí nghiệp trực thuộc, Trưởng phòng, Quản đốc phân xưởng), không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.
4. Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá năm (05) năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
5. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

32
V
L.N
T.M
HOC
P. DV

- a. Kiểm soát viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp;
- b. Kiểm soát viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;
- c. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ Kiểm soát viên đó không còn năng lực hành vi dân sự;
- d. Kiểm soát viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- đ. Kiểm soát viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37 : Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38 : Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 39 : Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 40 : Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không

vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X : TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm toán nội bộ, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm toán nội bộ, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm toán nội bộ, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm toán nội bộ, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm toán nội bộ, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

32.
Y
AN
A.T.M.
HOC
TP. D.

- a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;
- b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của người điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
- c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm toán nội bộ, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm toán nội bộ, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao

nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm toán nội bộ, người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI : QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ

1801
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA
THƯỜNG
TRÌNH

đồng, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII : PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.

Điều 44 : Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo

ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII : TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XIV : BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XV :KIỂM TOÁN CÔNG TY.

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVI : DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.

Điều 51. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVII : CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 52. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành

CHƯƠNG XVIII : GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 54. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất [7 tháng] trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu [06 tháng] trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý

gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX : GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng [10 ngày] làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng [06 tuần] từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX : BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ Công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI : NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương, 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại An An nhất trí thông qua ngày tháng năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

.....